

VỚI LỜI GIỚI THIỆU CỦA
NHÀ TOÁN HỌC **NGÔ BẢO CHÂU**
VÀ NHÀ VĂN **PHAN VIỆT**

CẢNH CỬA | MỞ RỘNG

Norman Maclean
Nam An dịch

Nơi đòng sông chảy qua

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Tủ sách BOOKBT #306

Norman Maclean
Nam An dịch

Nơi đòng sông chảy qua

A RIVER RUNS THROUGH IT

Tiểu thuyết

VỚI LỜI GIỚI THIỆU CỦA
NHÀ TOÁN HỌC **NGÔ BẢO CHÂU** VÀ NHÀ VĂN **PHAN VIỆT**

NHÀ XUẤT BẢN TRÈ
Tủ sách BOOKBT #306





CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Thông tin sách

Tên sách: **Nơi dòng sông chảy qua**

Nguyên tác: **A river runs through it**

Tác giả: **Norman Maclean**

Người dịch: **Nam An**

Nhà xuất bản: **NXB Trẻ**

Khối lượng: **200g**

Kích thước: **14,5x20,5 cm**

Ngày phát hành: **03/2012**

Số trang: **200**

Giá bìa: **72.000đ**

Thể loại: **Tiểu thuyết Kinh điển**

Thông tin ebook

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Thực hiện ebook: **thanhbt**

Ngày hoàn thành: **02/09/2017**

Dự án ebook #306 thuộc Tủ sách BOOKBT



Giới thiệu

Là một giáo sư ngôn ngữ Anh nghỉ hưu, bắt đầu viết khi đã bảy mươi, Maclean đã viết nên tác phẩm giờ đây được nhìn nhận là một trong những tác phẩm kinh điển Mỹ của thế kỷ hai mươi.

Được xuất bản lần đầu vào năm 1976, *Nơi dòng sông chảy qua* và các truyện khác, được đánh dấu bằng phiên bản mới có lời nói đầu của Annie Proulx. Lúc sexy, lúc sâu thẳm, lúc chua cay, những câu chuyện tuyệt vời thể hiện “một phần tình yêu tôi dành cho thiên nhiên”, theo lời của chính Maclean. Trong lời nói đầu của bà, Proulx nhắc chúng ta về sức mạnh của quyển sách này khi viết, “*Norman Maclean mất năm 1990, nhưng trong lòng hàng trăm ngàn độc giả, ông vẫn còn sống mãi chừng nào cá vẫn còn bơi và sách vẫn còn được in*”.

Norman Maclean (1902-1990) là giáo sư vinh danh William Rainey Harper về ngôn ngữ Anh tại Đại học Chicago. Cuốn sách của ông về đám cháy rừng ở Mann Gulch, bang Montana vào năm 1949, *Những người trẻ tuổi và đám cháy*, cũng được Nhà xuất bản Đại học Chicago xuất bản.

Annie Proulx là tác giả của nhiều quyển sách, bao gồm *Cận cảnh: Những câu chuyện Wyoming*, *Vụ án phong cầm*, và *Bưu thiệp*. Tiểu thuyết *Tin tức tàu biển* đoạt cả Giải thưởng sách quốc gia và giải Pulitzer.

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

NHỮNG LỜI KHEN TẶNG

“Một câu chuyện kể đầy mê hoặc... Đến giờ, tôi đã đọc truyện ba lần, và mỗi lần lại cảm thấy trọn vẹn hơn”.

ROGER SALE

New York Review of Books

“Đẹp từ đầu đến cuối ở sức mạnh truyền cảm... Đẹp như bất cứ tác phẩm nào của Thoreau hay Hemingway”.

ALFRED KAZIN

Chicago Tribune Book World

“Quyển sách của Maclean - gay gắt, súc tích, quyết liệt - vang vọng một âm hưởng truyền thống phong phú của văn học Mỹ, gồm Mark Twain, Kin Hubbard, Richard Bissell, Jean Shepherd và Nelson Algren. Tôi yêu âm hưởng của quyển sách”.

JAMES R. FRAKES

New York Times Book Reviews

LỜI GIỚI THIỆU

của Nhà toán học NGÔ BẢO CHÂU và Nhà văn PHAN VIỆT

Một trong những mục đích của chúng tôi khi tạo nên tủ sách *Cánh cửa mở rộng* là giới thiệu với bạn đọc Việt Nam về cuộc sống và con người ở những miền đất khác - theo nghĩa cuộc sống và con người như được trải nghiệm bởi những con người thật, chứ không phải qua những phóng chiếu và ước lệ của điện ảnh, sách du lịch thương mại hoặc các thể loại hư cấu khác. Chúng tôi cũng mong muốn mang lại cho bạn đọc những câu chuyện được kể thật giản dị và chân thành, như một tiếng nói thâm trung thực đưa bạn đọc vào một không gian sống, mà ở đó, tất cả chúng ta ngang bằng nhau và buộc phải độ lượng, nhân hậu với nhau khi đối mặt với những khác biệt, khó khăn, mất mát, đau khổ, và hạnh phúc của đời sống con người.

Với hai mục đích trên, khi nghĩ đến những cuốn sách về đời sống gia đình Mỹ, Nơi dòng sông chảy qua của Norman Maclean là một lựa chọn dễ dàng. Cuốn sách được viết bằng một sự dịu dàng và thương mến tinh tế về tuổi thơ của mình khi Maclean lớn lên ở “vùng hợp lưu của các con sông đầy cá hồi ở miền Tây bang Montana”, trong một gia đình có cha là một mục sư nghiêm khắc, mẹ là một người phụ nữ kiên nhẫn, em trai Paul ngang tàng, nổi loạn, trong khi bản thân Maclean là một đứa trẻ thâm trầm. Họ là một gia đình Mỹ điển hình ở một thị trấn nhỏ điển hình vào cái thời mà nước Mỹ vẫn còn coi các thị trấn nhỏ (small town) cùng với các quan hệ thân thiết giữa những người sống trong thị trấn như nền tảng của văn hóa Mỹ: một thứ văn hóa dựa trên sự cần mẫn làm việc, kính Chúa, nương tựa lẫn nhau, và trung thực.

Maclean viết như thể ông đang kể lại cho các con của mình nghe về thời thơ ấu ở Montana, về những biến đổi của gia đình mình

theo thời gian khi những đứa trẻ lớn lên, ra đi, trở lại, nổi loạn, yêu, chết, và cái còn lại. Ở tâm điểm của các biến đổi ấy là ký ức ngọt ngào về một dòng sông, những bài học câu cá trên sông, và những cuộc đời liên quan tới con sông. Nơi dòng sông chảy qua là một câu chuyện của một gia đình Mỹ vào nửa đầu thế kỷ 20, nhưng cũng là câu chuyện của hàng triệu gia đình Mỹ, của nước Mỹ, khi nó chuyển mình sang một xã hội công nghiệp và hiện đại. Cái còn lại sau những chuyển mình đó là những ký ức và những giá trị mà Norman Maclean đã bắt lại và khiến cho Nơi dòng sông chảy qua trở thành một trong những cuốn hồi ký được yêu mến nhất về “cuộc sống Mỹ”, về “giá trị Mỹ”.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn Nơi dòng sông chảy qua của Norman Maclean, qua bản dịch của dịch giả Nam An.

NGÔ BẢO CHÂU và PHAN VIỆT

Thương tặng

hai con Jean và John,

những người đã nghe cha kể chuyện

từ thuở thơ ấu

LỜI NÓI ĐẦU của ANNIE PROULX

Norman Fitzroy Maclean sinh ngày 23 tháng 12 năm 1902, tại Iowa, trong một gia đình theo Cơ đốc giáo dòng Trưởng lão Scotland, gốc gác ở vùng Nova Scotia. Em trai Paul nhỏ hơn ông ba tuổi bị sát hại vào năm 1938. Sự kiện thảm khốc này là tâm điểm của truyện *Nơi dòng sông chảy qua*. Cha ông, John Norman Maclean, là một mục sư. Khi Norman lên bảy, gia đình chuyển tới Missoula, Montana; nơi này đã để lại dấu ấn sâu đậm trong tính cách và cuộc đời Maclean. Người cha dạy hai đứa con trai tôn giáo, văn học, và câu cá mỗi giờ. Paul trở thành một cao thủ trong môn câu cá này. Norman Maclean bắt đầu làm việc trong ngành kiểm lâm Hoa Kỳ từ khi mười lăm tuổi và đã xem đây là sự nghiệp của đời mình, cho đến mùa hè năm 1919, khi ông ngộ ra một số điều như đã được miêu tả trong *Kiểm lâm Hoa Kỳ 1919: Tay kiểm lâm, gã đầu bếp và lỗ hổng trên trời*, và cuộc đời ông chuyển sang một hướng mới. Ông sử dụng gần hết phần đời còn lại để dạy văn chương Anh và viết tiểu luận khoa học tại Đại học Chicago, trong mười năm cuối, ông là giáo sư vinh danh William Rainey Harper về ngôn ngữ Anh. Vào năm 1968, vợ ông, Jessie, mất khi mới 37 tuổi. Năm năm sau, Maclean về hưu và viết về những câu chuyện gần gũi nhất, đưa cuộc đời của chính mình và các thành viên trong gia đình Maclean vào văn học. Năm 1976, khi ông 73 tuổi, *Nơi dòng sông chảy qua* được xuất bản đã làm cho các nhà phê bình và độc giả ngạc nhiên, đầy phấn khích. Sau đó, thêm một vài tác phẩm ngắn và tiểu luận ra đời, rồi đến tác phẩm gây tiếng vang lớn là *Những người trẻ tuổi và đám cháy*, viết về đám cháy rừng ở Mann Gulch vào năm 1949, được xem là mẫu mực cho thể loại phóng sự điều tra. Norman Maclean mất năm 1990, nhưng trong lòng hàng trăm ngàn độc giả, ông vẫn còn sống mãi chừng nào cá vẫn còn bơi và sách vẫn còn được in.

Khi *Nơi dòng sông chảy qua* được xuất bản vào năm 1976, tôi đang sống bệ rạc ở phía bắc bang Vermont, một bang giàu gỗ rừng giáp biên giới với Quebec, xa hiệu sách, không có điện hay

điện thoại và túi rỗng không. Lúc đó, tôi cũng vừa tập tành viết những câu chuyện về câu cá và săn bắn cho tập san *Gray's Sporting Journal*. Phải đến những năm 1980, mặc dù đã tiến gần văn minh thêm một trăm dặm nhưng vẫn sống ở vùng xa - một ngôi nhà trang trại cũ nát ở chân một ngọn đồi dốc - tôi mới đọc "quyển sách nhỏ" này của Norman Maclean.

Lúc đó là cuối mùa hè. Tôi đi về miền Tây và đang trên đường trở về nhà, tại O'Hare, tôi vợ được một bản *Nơi dòng sông chảy qua*. Chuyến bay đã hết hai phần ba quãng đường thì tôi mới bắt đầu giở sách ra. Khi máy bay đáp xuống Burlington thì tôi đang mê mẩn với Maclean, thả hồn vào những hàng liều đổ rậm rì dọc bờ sông. Nhưng tôi phải cất sách đi vì còn cả một quãng đường dài phải lái xe về trang trại. Tôi về đến nơi vào cuối giờ chiều, trang trại tắm trong ánh sáng vàng xưa cũ mơ màng. Tôi quẳng cái vali vào phòng khách, rót một ly nước và ra hiên ngồi đọc hết quyển truyện. Ít có quyển sách nào có hấp lực khiến người đọc say đắm đến nỗi không còn biết gì đến thế giới thực nữa. *Nơi dòng sông chảy qua* có thứ lực hút đó, và khi tôi đọc dòng kết nổi tiếng: "Tôi bị ám bởi những con nước", tôi đã thở dài và nhìn lên. Đó là một buổi chạng vạng sâu lắng. Ở đám cỏ cao phía cuối hiên nhà, có lẽ cách khoảng sáu mét, một con mèo rừng to lớn khác thường đang đứng nhìn tôi. Nó không động đậy, chỉ thoáng nhúc nhích cái đuôi dựng đứng. Do tác động của quyển sách, tôi vẫn đang ở trong "ánh sáng Bắc cực nhạt nhòa của hẻm núi" và con mèo rừng trên bờ sông trông như chạy xuyên qua mọi thứ, và nó vẫn đứng đó, trong hồn tôi, gắn với câu chuyện của Maclean.

Sau đó vài năm, cùng với một vài nhà văn địa phương khác, tôi được mời đọc tác phẩm tại một buổi họp mặt ở Dartmouth để vinh danh Maclean, người đã theo học và giảng dạy tại trường này từ năm 1920 đến năm 1926. Những người khác đọc tác phẩm của họ, nhưng khi đến lượt mình thì tôi không thể làm được, những câu văn của tôi như những que củi khi đặt bên cạnh tác phẩm của Maclean, người đã tìm ra nghệ thuật sáng tạo văn

chương tuyệt kỹ qua trọn cuộc đời đi dạy của mình. Và tôi đã đọc một phần của câu chuyện *Nơi dòng sông chảy qua* có chứa câu văn hay nhất này: “Thế giới đã từng đẹp làm sao”. Trong đoạn văn này, Maclean mô tả ba phần của vùng nước câu: thác ghềnh, khúc cua sâu, và đuôi của một cái vũng; chúng ta không coi đó là ba bộ phận tách rời mà như một tổng thể. Những người đi câu ở vùng nước động đều biết chuỗi nối tiếp được lặp đi lặp lại này đã tạo nên một dòng sông. Những phần của một dòng sông cũng có thể được xem như những giai đoạn của cuộc đời, sự trôi chảy của thời gian. Trong lời kết của bản in năm 1983, Maclean viết rằng sự thống nhất về mặt nghệ thuật của câu chuyện được bắt chước theo dòng nước câu này; phần tôi chọn đọc đêm hôm đó là “... bước ngoặt của một câu chuyện”. Hầu như không có tác phẩm của tác giả nào khác vang vọng như của Maclean - bi thương, đầy ám ảnh và căng thẳng.

Đó là một trong những câu chuyện hiếm hoi thật sự vĩ đại về tính phúng dụ, tính bi ai và chất hồi ký trong văn học Mỹ, quá mạnh mẽ và rộng lớn về tính biểu trưng, sự hối tiếc về thời gian đã mất và người em đã xa khuất, về cái chết của con người và ý thức về cái đẹp, đến nỗi nó trở thành một phần của những trải nghiệm cuộc đời của người đọc, và trở nên không thể nào quên. Nhiều nhà phê bình cũng sửng sốt về việc một nhà văn đã ở tuổi “thất thập” mà có thể viết nên một kiệt tác như cuộc phiêu lưu đầu tiên. Nhưng thật ra, lứa tuổi đó chẳng phải là lúc chúng ta có thể mong chờ lửa và băng - sự kết tinh những trải nghiệm khắc nghiệt suốt cuộc đời, được gạn lọc qua hàng thập kỷ tắm mình trong nền văn học thế giới sao? Khi xét đến tuổi trẻ với nền giáo dục Trưởng lão Scotland trôi qua trên sông và trong rừng của một xứ sở khắc nghiệt, sự hiểu biết riêng của ông về sự mất mát và nỗi đau, ý thức về nhịp điệu và cấu trúc, óc tò mò không ngừng nghỉ, chúng ta không nên lấy làm ngạc nhiên mà nên cảm thấy công bằng mỹ mãn về những gì ông đã đạt được ngay từ lần đầu xuất hiện.

Maclean có được một khả năng kể chuyện xuất sắc. Trong một buổi nói chuyện của ông về chủ đề “Khai thác đặc điểm và kể chuyện” tại cả Đại học Chicago và Đại học bang Montana vào năm 1978, ông đã giải thích tại sao ông có được khả năng này:

... Tôi có được kỹ năng kể chuyện nhờ ngày xưa luyện tập ở phòng ngủ tập thể. Nếu bạn quen thuộc với sự phong phú của nghệ thuật kể chuyện trong phòng ngủ tập thể, bạn có thể dễ dàng thấy rằng những câu chuyện hiện nay của tôi vốn có nguồn gốc khiêm nhường như vậy đấy. Khi mới vào rừng, tôi còn quá trẻ nên chỉ nằm nghe các bậc đàn anh kể chuyện, nhưng ngay từ lúc đó, những thứ cơ bản đối với nghệ thuật kể chuyện này đã bắt đầu xuất hiện. Tôi sớm nhận ra rằng các câu chuyện kể phải ngắn... Tôi cũng sớm hiểu ra rằng bạn bè của bạn sẽ không thèm nghe một câu chuyện, trừ phi có nhiều tình tiết trong đó... Một đặc điểm khác của chuyện miền Tây là về cơ bản, nó luôn chứa đựng sự thật, nhưng chỉ sau đó, tôi mới nhận ra các mối quan hệ phức tạp biết chừng nào.

Mặc dù *Nơi dòng sông chảy qua* là một câu chuyện dài, một tiểu thuyết ngắn, nhưng Maclean chưa bao giờ định viết nó như một tiểu thuyết. Ông coi thể loại văn học này là “... gần như rỗng tuếch”. Giọng văn của ông chứa đựng một sự quả quyết - ông biết mình có tài, và hiển nhiên ông đã rất đau đớn khi một vài chủ bút trì hoãn người thành phố của các nhà xuất bản miền Tây đã từ chối xuất bản tác phẩm, có kẻ còn phàn nàn là các câu chuyện của ông toàn rừng với rú. Cuối cùng, chính Nhà xuất bản Đại học Chicago đã cho in câu chuyện, một quyển sách không giống ấn bản của đại học, nhưng đã trở thành không chỉ là một tác phẩm bán chạy được mền mọt nhất mà còn đạt được vị trí vĩnh viễn trong danh mục sách nghiêm túc của văn học Mỹ.

LỜI CẢM ƠN^[1]

Mặc dù đây là một quyển sách mỏng, nhưng phải nhờ nhiều sự giúp đỡ thì nó mới thành hình. Khi một người đến tuổi thất thập mới trở thành nhà văn thì ông ta cần nhiều hơn năng lực của chính mình. Ngoài sự kém cỏi về văn chương, những câu chuyện này lại còn là chuyện viễn Tây - mà như một nhà xuất bản đã nói khi trả lại bản thảo: “Những câu chuyện này toàn rừng với rú”. Chính hai đứa con tôi, Jean và John, là những người đã động viên tôi bắt đầu. Chúng muốn tôi viết lại một số câu chuyện mà tôi đã kể cho chúng nghe từ lúc còn nhỏ. Dù vậy, tôi không muốn đổ lỗi cho đám con tôi về kết quả của cuốn sách. Bất cứ người kể chuyện nào cũng thấy rằng khi cố gắng viết lại những câu chuyện đó, văn viết sẽ làm cho chúng thay đổi hoàn toàn, vì thế những câu chuyện này không hề giống bất cứ câu chuyện nào tôi đã kể cho lũ trẻ nghe. Thứ nhất là văn viết làm cho mọi câu chuyện đều lớn hơn và dài hơn; tất cả những câu chuyện này đều dài hơn cần thiết để đi đến một cái kết khi kể chuyện cho lũ trẻ nghe - đó là ru chúng ngủ. Tuy nhiên, những câu chuyện này rõ ràng lại đạt được một mục đích khác - để cho lũ trẻ biết cha mẹ chúng là loại người nào hoặc suy nghĩ hay hy vọng chúng sẽ trở thành loại người nào.

Một vấn đề khác cũng sớm phát sinh sau khi một người kiếm được đủ sự hỗ trợ để bắt tay vào viết khi đã về hưu. Nó nảy sinh từ thực tế là lúc đó ông ta chỉ có thể bắt đầu mà không cho ai biết về dự án của mình. Ông ta quá bí mật về chuyện đó, đến nỗi ngay cả con cái cũng không biết ông ta đã nghe theo lời khuyên của chúng. Nhưng việc giấu giếm làm ông ta nghi ngờ chính những hành động của mình, và do đó chẳng bao lâu, ông ta cần sự chấp nhận của công chúng. Chính vào thời điểm này, tôi đã mang món nợ thứ hai.

Tôi vừa hoàn thành truyện đầu tiên và đang tự hỏi nghe nó thế

nào và liệu tôi có nên tiếp tục không thì cô thư ký của câu lạc bộ học thuật mà tôi tham gia gọi điện đến và bảo tôi rằng đã đến lượt tôi nộp bài viết vào buổi họp mặt hàng tháng sắp tới. Các thành viên câu lạc bộ tự gọi mình là Những Nhà Tư tưởng. Ban đầu, các thành viên đều là những nhà sinh học, nhưng để theo kịp những thay đổi về văn hóa gần đó, câu lạc bộ đã thu nạp những nhà khoa học xã hội và nhân văn. Nhìn chung, cuộc thử nghiệm tỏ ra thành công, vì không thấy có khác biệt về tửu lượng giữa các tầng lớp xã hội khác nhau khi họ uống rượu trước và trong bữa tối, cũng như khi phát biểu về học thuật và khoa học sau đó.

Bất chợt, tôi nhìn ra cơ hội thoát khỏi nỗi sợ bị tách biệt trong sáng tác. Tôi nói với cô thư ký: “Tôi vừa viết xong một bài mà tôi sẽ rất hân hạnh được đọc cho mọi người nghe”. Truyện đầu tiên tôi viết là một truyện ngắn dựa trên vài mùa hè làm việc ở các trại khai thác gỗ. Cô thư ký trả lời: “Tốt quá. Ông đã nghĩ ra tên cho nó chưa? Ông biết là tôi phải thông báo tên bài cùng với tên diễn giả trong thư mời”. Vậy là trong suốt quá trình sáng tác truyện này, ít nhất tôi có một khoảnh khắc xuất thần, bởi vì sau một thoáng, tôi đã trả lời: “Trong thư mời, ở chỗ ‘tựa đề’ cô hãy ghi: ‘Đốn gỗ và dặt gái’ và ở chỗ ‘diễn giả’ thì ghi: ‘Norman Maclean, chuyên gia nổi tiếng’”.

Cuối cùng, tôi có thể nghe tiếng thở trên điện thoại; để giúp người bên kia đầu dây tỉnh lại, tôi nói thêm: “Đó là một tác phẩm uyên thâm - như các học giả thường nói - là một đóng góp thật sự cho tri thức”. Sau này, cô thư ký cho tôi biết là số người dự đông kỷ lục. Tuy nhiên, tôi vẫn còn chút nghi ngờ là sự đón nhận này của các học giả là do câu chuyện hay do cái tên?

Tuy nhiên, tôi được mời đọc sách lại vào mùa xuân tiếp theo, khi các Nhà Tư tưởng tổ chức sự kiện mà họ gọi là “buổi họp mặt hai giới” với sự tham gia của các bà vợ. Vào thời điểm này, tôi đã gần hoàn thành truyện “Kiểm lâm Hoa Kỳ 1919”. Theo tinh thần của

dịp này, tôi đọc cho họ nghe phần có một người phụ nữ trong đó, mặc dù vô tình cô ta là một gái điếm. Nhân vật này và tôi được những bà vợ của các thành viên đón nhận nhiệt thành đến nỗi tôi chẳng cần thêm bất cứ sự ủng hộ về đạo đức nào, cho đến khi tôi gần như hoàn thành cuốn sách. Khi đã ở tuổi hưu, việc bạn được công nhận cũng sẽ muộn màng, nên việc có một cuốn sách được in - sau cùng cũng được in - là một bước quan trọng trong hoạt động sáng tác. Trừ phi bạn vẫn còn những người bạn vào cuối đời, nếu không, sự công nhận này có thể đến quá trễ. Để làm cho một câu chuyện rất dài trở nên ngắn đi, tôi đã nhờ vả những Nhà Tư tưởng, chỉ trong trường hợp này, tôi đã nhờ các thành viên viết đủ số sách khi họ còn trẻ để nhận ra rằng không nên để tôi lang thang một mình và không được bảo vệ vào giây phút này của cuộc đời. Tôi đặc biệt cảm ơn David Bevington, Wayne Booth, John Cawelti, Tiến sĩ Jarl Dyrud, Gwin Kolb, Kenneth Northcott, và Edward Rosenheim. Tôi chắc chắn rằng nếu không có họ, truyện của tôi bây giờ sẽ là những câu chuyện thiếu nhi chép tay, quá dài, không thể kể cho thiếu nhi.

Nhà xuất bản Đại học Chicago tự hào về truyền thống không bao giờ cho phép các tác giả cảm ơn cá nhân các nhân viên. Tôi tôn trọng truyền thống này, nhưng một số thành viên của Nhà xuất bản hẳn phải thích những câu chuyện này đủ để xin được giấy phép xuất bản một tác phẩm văn học lần đầu tiên trong lịch sử lâu đời của nó. Tôi sẽ là người vô cảm nếu không xem điều này như một vinh dự. Có lẽ tôi có thể tìm thấy những cách khác để cho họ biết, nếu tôi phải dùng một cụm từ miền Tây cổ, rằng tôi biết ơn họ mãi mãi.

Tôi còn mang một món nợ khác ngay sau khi Nhà xuất bản Đại học Chicago và Ban biên tập đồng ý xuất bản cuốn sách văn học đầu tiên. Cơ bản thì đó vẫn là cuốn sách văn học, nhưng đa số các truyện thiếu nhi có một mục đích thứ hai khá dễ thấy là tính giáo dục và những truyện này cũng không phải là ngoại lệ. Hơn người lớn rất nhiều, trẻ em muốn biết thế giới đã từng như thế

nào trước khi chúng được sinh ra, đặc biệt là ở những phần của thế giới mà cha mẹ chúng đã từng sống, nhưng giờ đây có vẻ kỳ lạ hay thậm chí đã biến mất. Vì thế từ rất lâu, tôi đã tạo được một thói quen là đưa vào truyện những bức tranh mô tả những việc người và ngựa đã làm ở phần phía Tây của thế giới, nơi những con đường chính vốn lại là những lối mòn của thú rừng. Hơn nữa, một điều luôn quan trọng đối với tôi là dắt các con vào rừng thật, chứ không phải rừng trong câu chuyện “Cô bé quàng khăn đỏ” - tôi luôn tự hỏi hiện thực kỳ lạ biết bao. Vì thế, một cơ hội sáng tác đã đến khi suy nghĩ của tôi tiến đến một bước ngoặt kinh điển mang tính quyết định, và tôi nhớ rằng Socrates đã nói: nếu bạn vẽ một cái bàn, bạn phải hỏi các thợ mộc lành nghề để biết mình vẽ có ra cái thần không. Những người dưới đây là các chuyên gia quan trọng mà tôi đã nhờ nhận xét để xem mình đã vẽ thế nào về vùng đất yêu dấu của mình, về chuyện câu cá môi giả, những trại khai thác gỗ và lực lượng Kiểm lâm mà tôi đã phục vụ hồi còn trẻ.

Tôi nợ Jean và John Baucus về những ý kiến tinh tế và thạo nghề khi đọc Nơi dòng sông chảy qua. Hai người là chủ của trại nuôi cừu khổng lồ Sieben, trải rộng từ thung lũng Helena sang nhánh sông Wolf Creek đến tận sông Blackfoot Lớn, một vùng đất hình tam giác chứa đựng phần nhiều cuộc đời tôi và một số câu chuyện của tôi. Để hỏi ý kiến chuyên gia đối với câu chuyện về Bitterroot và thời gian phục vụ trong lực lượng Kiểm lâm, tôi nhờ W. R. (Bud) Moore, cục trưởng Cứu hỏa và Phi vụ của Kiểm lâm Hoa Kỳ. Là một nhân viên kiểm lâm, ông đã trở thành huyền thoại ở vùng đất núi non của chúng tôi và được trao tặng các bằng tiến sĩ danh dự, mặc dù ông chưa học quá cấp một. Khi còn ở tuổi thiếu niên, ông đã trải qua các mùa đông đặt bẫy thú xuyên qua Phân tuyến Bitterroot, là nơi tôi bắt đầu làm cho lực lượng Kiểm lâm. Giờ đây, ông đã về hưu nhưng vẫn bận rộn với việc viết lách, dạy học và nghiên cứu. Vào mùa đông, ông bỏ ra mỗi tuần hai ngày để đi đặt bẫy từ Rock Creek, xuyên qua dãy Sapphire, đến thung lũng Bitterroot. Tôi không khuyên các độc

giả trẻ của tôi cố gắng trượt tuyết theo ông xuyên qua vùng đất kinh khủng này.

Tôi cũng nợ ba nữ chuyên gia của lực lượng Kiểm lâm vì đã giúp đỡ khi tôi đang viết những truyện này - Beverly Ayers, chuyên viên lưu trữ ảnh; và Sara Heath cùng Joyce Hayley, các kỹ thuật viên bản đồ. Họ chắc chắn là những người xuất sắc nhất và có thêm một biệt tài là luôn biết tôi đang tìm tư liệu gì, ngay cả khi tôi không nhờ vả.

Tôi chuyển câu chuyện về em trai tôi và môn câu cá mỗi giả sang George Croonenberghs, người đã bện mỗi giả cho tôi và em tôi cách đây hơn bốn mươi năm; và David Roberts, người đã sống đời để câu cá, săn bắn và viết về các thú vui này ba hay bốn lần một tuần. Họ là hai người câu cá mỗi giả giỏi nhất mà tôi từng biết. Họ cũng giúp tôi nhớ đến một thời kỳ khác và trật tự khác. Họ và tôi nợ cha tôi về tình yêu đối với môn câu cá mỗi giả - George Croonenberghs đã được ông dạy những bài học đầu tiên về bện mỗi giả, còn David Roberts thỉnh thoảng vẫn viết một mục về ông trên báo. Tôi cũng vậy, tất cả các câu chuyện của tôi có thể được xem như món nợ của tôi với ông.

Có lẽ bạn sẽ đặt câu hỏi tại sao tôi cần nhờ vị chuyên gia giỏi về người da đỏ Cheyenne, Cha Peter Powell, đọc lại các truyện của tôi khi chỉ có một người da đỏ Cheyenne xuất hiện trong truyện, và cô ấy cũng không phải là người da đỏ thuần chủng nữa. Tôi cần con người tốt bụng và tuyệt vời này vì những cảm hứng ban sơ nhất của ông - để ông chắc chắn với tôi rằng vẫn có những khoảnh khắc trong ký ức của tôi giao tiếp với cuộc đời của những linh hồn.

Cuối cùng, tôi hầu như không đưa in bất cứ tác phẩm nào chưa nhận được ý kiến phê bình (cô gọi là “gợi ý”) của Marie Borroff, người phụ nữ đầu tiên trở thành giáo sư chính về ngôn ngữ Anh tại Đại học Yale. Nếu các bạn cho rằng tôi làm mất thời gian của

một quý bà khi nhờ bà đọc các câu chuyện về trại khai thác gỗ và Kiếm lâm cách đây nửa thế kỷ, có lẽ tôi sẽ phải kể cho bạn nghe những điều bà khuyên tôi. Tuy nhiên, trước khi đưa ra ví dụ, có lẽ tôi nên nói thêm rằng bà cũng là một nhà thơ. Khi nói về truyện đầu tay của tôi (về đốn gỗ), bà đã bảo tôi đang quá tập trung vào việc kể chuyện nên không có thời gian để trở thành nhà thơ và thể hiện một chút về tình yêu của tôi đối với vùng đất khi nó được nhắc đến. Giờ đây, hãy so sánh hai truyện dài được viết sau khi bà nói với tôi điều này với truyện ngắn đầu tay của tôi, bạn sẽ để ý thấy tôi đã lắng nghe quý bà ở Yale cẩn thận như thế nào.

Nói tóm lại, đây là một tuyển tập truyện miền Tây viết về rừng dành cho trẻ em, các chuyên gia, học giả, phu nhân học giả, và các học giả là nhà thơ. Tôi hy vọng có những người khác không ngại đọc về rừng rú.

NƠI DÒNG SÔNG CHẢY QUA



Trong gia đình chúng tôi không hề có sự phân biệt rạch ròi giữa chuyện đạo và chuyện câu cá. Chúng tôi sống tại vùng hợp lưu của các con sông đầy cá hồi ở miền Tây bang Montana. Cha tôi là một mục sư dòng Presbyterian^[2], cũng là một người câu cá bằng mồi giả. Ông không những tự bện lấy mồi mà còn hướng dẫn cho những người khác cách làm. Ông kể cho chúng tôi nghe về những tông đồ của Chúa là người đánh cá, rồi ông để tôi và em trai tôi tự suy ra rằng tất cả những người đánh cá giỏi nhất ở biển Galilee là những người câu cá mồi giả và thánh John, vị thánh mà chúng tôi yêu thích, là một người câu cá mồi nổi^[3].

Thật sự là mỗi tuần, có một ngày được dành trọn cho việc đạo. Vào các buổi sáng Chủ nhật, tôi và em trai Paul đến trường Chúa nhật và sau đó dự lễ sáng để nghe cha chúng tôi giảng đạo, còn buổi chiều thì đi sinh hoạt hướng đạo và sau đó thì lại đi lễ chiều để nghe cha giảng tiếp. Giữa hai lễ, vào các buổi trưa Chủ nhật, chúng tôi phải học cuốn *Giáo lý vấn đáp Westminster*^[4] trong một tiếng và sau đó, trả bài trước khi chúng tôi được đi dạo trên các ngọn đồi với ông vào lúc ông nạp năng lượng giữa hai buổi lễ. Nhưng ông không bao giờ hỏi chúng tôi quá câu đầu tiên trong sách giáo lý: “Mục đích cuối cùng của con người là gì?”. Và chúng tôi đồng thanh trả lời để một đứa có thể đọc tiếp nếu đứa kia quên: “Mục đích cuối cùng của con người là vinh danh Chúa, và

để làm vui lòng Ngài mãi mãi”. Câu trả lời này có vẻ luôn làm ông hài lòng, tất nhiên là phải thế đối với một câu trả lời hay như vậy. Ngoài ra, ông nóng lòng muốn đi dạo trên các ngọn đồi để có thể lấy lại sự minh mẫn và năng lượng nhằm cống hiến cho buổi lễ chiều. Cách chủ yếu để ông lấy lại cảm hứng là kể cho chúng tôi nghe những gì ông sẽ giảng ở buổi lễ tới, lâu lâu lại xen vào những đoạn thành công nhất của lễ sáng.

Mặc dù vậy, thông thường mỗi tuần, tôi và Paul vẫn được dạy câu cá nhiều như được nghe giảng giáo lý.

Khi tôi và em trai đã trở thành những người câu cá giỏi, chúng tôi nhận ra rằng cha chúng tôi không phải là một người quăng câu cừ khôi, nhưng ông ném chính xác và điệu nghệ, và hay đeo găng ở tay quăng câu. Khi ông gài nút găng tay để chuẩn bị hướng dẫn cho chúng tôi, ông sẽ nói: “Đây là một nghệ thuật được trình diễn theo nhịp đếm đến bốn từ góc mười giờ đến góc hai giờ^[5]”.

Là một người Scotland theo Cơ đốc giáo dòng Trưởng lão, cha tôi tin rằng con người, về bản chất, là một mớ hỗn độn và đã bị sẩy chân khỏi trạng thái tốt đẹp ban đầu. Không biết làm sao hồi nhỏ tôi lại có ý nghĩ họ đã bị như vậy khi ngã từ trên cây xuống. Về cha tôi, tôi không bao giờ biết liệu ông có tin Chúa là một nhà toán học không, nhưng chắc chắn ông tin rằng Chúa có thể đếm và chỉ cần bắt được vào nhịp điệu của Chúa là chúng tôi có thể lấy lại sức mạnh và cái đẹp. Không giống nhiều tín hữu Trưởng lão, ông thường sử dụng từ “đẹp”.

Sau khi cài nút găng tay, cha tôi sẽ giữ cần câu thẳng ngay trước mặt, nó sẽ rung lên với nhịp đập của trái tim ông. Mặc dù chiếc cần dài hơn hai mét rưỡi, song nó chỉ nặng một trăm hai mươi tám gram. Nó được làm bằng thân tre chỉ có xuất xứ từ tận Vịnh Bắc bộ^[6]. Nó được quấn chỉ lụa màu đỏ và xanh, và lớp chỉ được quấn cẩn thận để làm cho chiếc cần tinh tế đó chắc nhưng không

quá cứng và có được độ nhún.

Bao giờ nó cũng phải được gọi là cần câu. Nếu ai đó gọi là cây sào, cha tôi sẽ nhìn anh ta như một trung sĩ Thủy quân lục chiến nhìn một cậu lính mới gọi khẩu súng trường là súng lục.

Tôi và em trai hẳn đã thích học câu cá bằng cách cứ ra sông và câu lấy vài con, bỏ qua toàn bộ những thứ “khó nhai” hay các vấn đề kỹ thuật làm cho việc đi câu bớt vui đi. Nhưng chúng tôi không làm quen với môn nghệ thuật của cha tôi cho vui. Nếu cha tôi có quyền, ông sẽ không cho phép ai không biết câu cá dám “làm nhục” cá bằng cách câu chúng. Vì thế, bạn cũng sẽ phải học nghệ thuật câu cá kiểu Trưởng lão và Thủy quân lục chiến, và nếu bạn chưa bao giờ cầm cần câu trước đây, bạn sẽ sớm nhận ra rằng cả trên thực tế lẫn lý thuyết, con người, về bản chất, là một mớ hỗn độn chết tiệt. Thứ đồ vật nặng một trăm hai mươi tám gram quán chỉ lùa rung động theo những cử động của cơ bắp con người cứ trở nên một que củi vô hồn, không tuân theo bất cứ điều đơn giản nào người ta mong muốn ở nó. Công dụng của que củi ấy đơn giản chỉ là kéo sợi dây câu, đoạn cước trong và mỗi giả^[7] lên khỏi mặt nước, vung qua đầu rồi vụt tới trước. Cú vụt phải làm sao cho tất cả đáp xuống mà không làm động nước: mỗi giả phải đáp xuống trước, đến đoạn cước nối, cuối cùng là dây câu; nếu không, lũ cá sẽ nhận ra con mồi là giả và lập tức biến hết. Dĩ nhiên, có những thế quăng câu mà ai cũng biết là khó, và đòi hỏi phải có kỹ thuật quăng câu điệu nghệ ở những nơi dây câu không thể vung qua đầu người câu vì có vách đá hay cây ở ngay phía sau, thế quăng ngang để mồi bay phía dưới những cây liễu mọc nhô ra sông, v.v... Nhưng có gì hay ho ở một cú quăng câu thẳng - chỉ là cầm lấy cần với dây câu rồi vụt qua sông?

À, trước khi là một người thuần thục, anh ta luôn luôn vung cần về phía sau quá mạnh, cũng như bình thường người ta luôn vung cây rìu hay cây gậy đánh golf quá mạnh về phía sau và phí phạm sức lực vào đó; với cần câu thì lại càng tệ hơn, do mỗi giả

thường bay ra sau quá xa, nó thường bị vướng vào bụi rậm hay vách đá phía sau. Khi cha tôi nói đó là thứ nghệ thuật kết thúc lúc hai giờ, ông thường nói thêm: “gần mười hai giờ hơn là hai giờ”, có nghĩa là chỉ nên vung cần câu ra sau, qua đầu một chút (thẳng ngay trên đầu là mười hai giờ).

Lúc đó, do người câu thường cố gắng quăng câu cho mạnh mà không giữ tư thế, anh ta vụt sợi dây câu ra trước, về sau, làm nó kêu vun vút, và đôi khi còn làm long mỗi giả ra khỏi đoạn cước nối, nhưng sức mạnh để vụt mỗi câu bé xíu qua sông không biết sao lại ném một nùi dây câu, cước nối và mỗi câu ra trước mặt người câu cá có đến ba mét. Nếu người câu mừng tượng được quỹ đạo vòng tròn của dây câu, đoạn cước trong và mỗi giả từ khi rời mặt nước cho đến khi trở lại mặt nước, anh ta sẽ dễ quăng câu hơn. Thông thường, sợi dây câu to sẽ rời mặt nước trước và dẫn đầu, đoạn cước nối và mỗi câu sẽ theo sau. Nhưng khi bay qua đầu, chúng sẽ phải cần một nhịp nghỉ để đoạn cước nối mảnh trong suốt và mỗi câu có thể đuổi kịp sợi dây câu lớn lúc này bắt đầu hướng ra trước và lại đuổi theo phía sau nó; nếu không như vậy, sợi dây câu bắt đầu quỹ đạo quay trở lại sẽ va chạm với đoạn cước nối và mỗi vẫn đang trên đường bay lên, như thế sẽ tạo thành một nùi dây nhợ rơi xuống nước cách người câu ba mét.

Tuy nhiên, gần như ngay khi cái thứ tự trước sau của dây câu, đoạn cước nối và mỗi câu được tái lập thì nó lại phải bị đảo ngược, vì mỗi và đoạn cước nối phải ở phía trước sợi dây câu to khi chúng nằm trên mặt nước. Nếu lũ cá trông thấy sợi dây câu vốn dễ lộ, thì người câu cá sẽ chỉ còn trông thấy những cái lưng đen trĩu phóng đi như tên bắn, và có lẽ lúc đó, anh ta cũng nên bắt đầu đi tìm cái vũng mới. Sau đó, ở cao tít trên đầu, ở vị trí quăng câu về phía trước (góc mười giờ), người câu cá lại nhả dây.

Tất nhiên, nhịp đếm đến bốn có công dụng của nó. Nhịp một kéo dây câu, đoạn cước nối và mỗi lên khỏi mặt nước; nhịp hai phát chúng gần như thẳng đứng lên trời; nhịp ba, theo cách nói của

cha tôi là tại đỉnh, đoạn cước nối và mỗi phải có một tích tắc nghỉ để rơi lại phía sau dây câu khi nó bắt đầu hướng về phía trước; nhịp bốn là lấy đà và thu dây vào cần cho đến khi đến vị trí mười giờ thì thả dây, để cho mỗi câu và cước nối đi ra phía trước dây câu, rồi thả cho chúng đáp xuống nhẹ nhàng và hoàn hảo. Người ta quăng câu được xa không phải do dùng sức, mà là do biết được khi nào thì ra lực. Cha tôi vẫn luôn nói: “Hãy nhớ đó là một thứ nghệ thuật được biểu diễn theo nhịp đếm đến bốn, giữa vị trí mười giờ và hai giờ”.

Cha tôi rất chắc chắn về một số vấn đề thuộc về vũ trụ. Đối với ông, tất cả những điều tốt đẹp - cả cá hồi lẫn sự cứu rỗi vĩnh hằng - đều là do ơn phước, còn ơn phước thì đến qua nghệ thuật, và để có nghệ thuật thì không dễ chút nào.

Vì thế, tôi và em tôi đã học quăng câu theo kiểu Trưởng lão, bằng chiếc máy giữ nhịp của mẹ tôi. Nó từng được đặt trên một chiếc đàn dương cầm ở dưới phố khi cha tôi mua nó. Thỉnh thoảng mẹ tôi lại đứng ở đầu hồi ngó xuống bến tàu, lo lắng tự hỏi không biết chiếc máy có nổi được không nếu nó rơi xuống nước. Trong lúc mẹ tôi quá lo lắng đến nỗi bà chạy thành thịch ra bến tàu để đòi lại nó thì cha tôi vỗ tay theo nhịp bốn với hai bàn tay khum.

Cuối cùng, ông cho chúng tôi làm quen với tài liệu về đề tài này. Ông luôn luôn cố gắng nói điều gì đó thật kiểu cách khi gài nút chiếc găng trên bàn tay quăng câu. Ông bảo với chúng tôi, khi em trai tôi được mười ba hay mười bốn tuổi gì đó rằng: “Izaak Walton không phải là một nhà văn đáng kính. Ông ta là một người Tân giáo^[8] và là một người câu cá bằng môi sống”. Mặc dù Paul nhỏ hơn tôi ba tuổi nhưng nó đã vượt xa tôi về mọi mặt liên quan đến câu cá, chính nó đã tìm ra một bản sách *The Compleat Angler* (Người câu cá hoàn hảo) trước nhất và nói với tôi: “Gã khốn đó thậm chí còn không biết viết chữ “complete” (hoàn hảo). Ngoài ra, gã còn đưa vào sách những bài ca để hát cho các cô thợ vắt sữa bò nghe”. Tôi mượn cuốn sách đọc, rồi bảo nó: “Một số bài

hát cũng hay”. Nó nói: “Có ai trông thấy một cô thợ vắt sữa bò bên dòng Blackfoot Lớn chưa? Em muốn thách gã đó đi câu thi với em một ngày ở sông Blackfoot Lớn”.

Paul rất giận dữ, và tôi không bao giờ nghi ngờ rằng nó sẽ thắng cược gã Tân giáo kia.

Khi bạn ở tuổi thiếu niên - mà có lẽ là trọn cuộc đời - việc bạn lớn hơn em trai bạn ba tuổi thường làm cho bạn cảm thấy nó là một thằng nhóc. Tuy nhiên, lúc đó tôi đã biết rằng em tôi sẽ trở thành một bậc thầy về câu cá. Ngoài việc được huấn luyện tốt, nó còn có đủ mọi thứ cần thiết khác - tài năng, sự may mắn, và có thừa sự tự tin. Ngay lúc ở tuổi ấy, nó đã thích đánh cược với bất cứ ai đi câu cùng nó, trong đó có cả tôi là anh trai nó. Đôi khi buồn cười và đôi khi chẳng buồn cười chút nào khi thấy thằng nhóc luôn muốn đánh cược và gần như chắc chắn sẽ thắng. Mặc dù lớn hơn nó ba tuổi, tôi vẫn không cảm thấy đủ lớn để đánh cược. Tôi cho rằng việc đánh cược chỉ dành cho những người đàn ông đội mũ rơm trật ra phía sau gáy. Vì thế, tôi đã bối rối và lúng túng ở những lần đầu tiên khi nó hỏi tôi có muốn “đánh cược một số tiền nhỏ để làm cho cuộc chơi thú vị hơn” không. Lần thứ ba, nó hẳn phải làm tôi tức giận, bởi vì sau đó nó không bao giờ nói với tôi về vấn đề tiền bạc nữa, thậm chí không bao giờ mượn vài đô la ngay cả khi nó gặp vấn đề thật sự về tiền bạc.

Chúng tôi phải rất giữ gìn trong quan hệ với nhau. Tôi thường nghĩ nó là một thằng nhóc, nhưng tôi chưa bao giờ có thể đối xử với nó theo cách đó. Nó chưa bao giờ là “thằng nhóc em tôi”. Nó là một bậc thầy của nghệ thuật câu cá. Nó không bao giờ thêm xin lời khuyên, tiền hay sự giúp đỡ của ông anh, và cuối cùng thì tôi cũng không thể giúp nó.

Một trong những điều đầu tiên anh em trai cố gắng phát hiện là sự khác biệt giữa chúng, vì thế một trong những điều mà tôi nhớ lâu nhất về Paul là việc nó thích đánh cược. Nó có thể đến các hội

chợ của quận và giả như đang cá cược ngựa đua, giống như người lớn, nhưng không sòng cá ngựa nào cho nó tham gia, bởi vì nó đặt cược quá ít và còn quá nhỏ tuổi. Khi bị từ chối, nó sẽ nói như đã nói về Izaak Walton hay bất cứ ai mà nó xem là kẻ thù: “Em muốn thách gã khốn ấy câu thi một ngày ở sông Blackfoot”.

Khi đã ngoài hai mươi, em trai tôi chơi những ván stud poker^[9] lớn.

Hoàn cảnh cũng giúp đào sâu thêm sự khác biệt của chúng tôi. Thế chiến thứ nhất nổ ra, đàn ông phải nhập ngũ, những khu rừng ngay lập tức thiếu người trông nom, vì thế vào tuổi mười lăm, tôi đã bắt đầu phục vụ trong lực lượng Kiểm lâm Hoa Kỳ, và trong nhiều mùa hè sau đó, tôi đã làm việc trong rừng, cả cho Kiểm lâm lẫn các trại khai thác gỗ. Tôi yêu rừng và tôi yêu công việc, nhưng trong nhiều mùa hè, tôi hầu như chẳng đi câu cá. Paul thì còn quá nhỏ để bỏ rìu hay kéo cưa cả ngày, ngoài ra, nó đã sớm quyết định rằng mình có hai mục đích chính trong đời: câu cá và không làm việc, ít nhất là không cho phép công việc gây trở ngại cho việc câu cá. Sau đó, vào tuổi thiếu niên, nó kiếm được một công việc mùa hè - làm nhân viên cứu hộ ở một hồ bơi của thành phố, để cuối giờ chiều, nó có thể đi câu, còn trong ngày, nó có thể ngắm các cô gái mặc đồ tắm và hò hẹn với các nàng vào buổi tối.

Đến lúc chọn nghề, Paul đã trở thành phóng viên của một tờ báo ở Montana. Trước đó, nó đã sớm nhận ra mục đích sống của đời mình; trong suy nghĩ của em trai tôi, mục đích này không mâu thuẫn với câu trả lời đầu tiên trong sách *Giáo lý vấn đáp Westminster*.

Hiển nhiên khác biệt giữa chúng tôi lẽ ra đã không quá lớn nếu chúng tôi không ở trong một gia đình gắn bó. Ở một bên của bức tường trong trường Chúa nhật của chúng tôi có viết câu: Thiên chúa là tình yêu.

Chúng tôi luôn cho rằng năm chữ này được viết riêng cho gia đình bốn người của chúng tôi và chẳng ăn nhập gì với thế giới bên ngoài. Tôi và em trai tôi nhanh chóng phát hiện ra rằng ở ngoài đó đầy những kẻ vô lại, càng xa khỏi Missoula, Montana thì càng nhiều hơn. Chúng tôi cũng ý thức được rằng mình rất cứng rắn, càng trưởng thành, nhận thức đó càng lớn lên, ít nhất là cho đến khi chúng tôi ngoài hai mươi tuổi và có thể còn lâu hơn, lâu hơn rất nhiều. Nhưng ngay sự cứng rắn của chúng tôi cũng khác nhau. Tôi cứng rắn vì được trui rèn trong môi trường khắc nghiệt là Kiểm lâm Hoa Kỳ và các trại khai thác gỗ. Từng buổi sáng trôi qua, tôi và mẹ tôi kinh hãi chứng kiến vị mục sư Scotland cố ép đứa con nhỏ của mình ăn cháo bột yến mạch. Cha tôi cũng kinh hãi, lúc đầu là vì đứa con ruột của ông không chịu dùng thức ăn của Chúa, và sau một thời gian là vì đứa con nhỏ xíu của ông tỏ ra cứng rắn hơn ông. Khi vị mục sư nổi điên lên, đứa bé cúi đầu trên đĩa thức ăn và chấp tay như thể cha nó đang đọc kinh trước bữa ăn. Chỉ có một biểu hiện cho thấy nó cực kỳ giận dữ: Môi nó sưng lên. Cha tôi càng phát hỏa thì món cháo càng nguội lạnh, cuối cùng thì cha tôi bùng nổ.

Lúc đó, không chỉ mỗi người chúng tôi nghĩ rằng Paul cứng rắn, mà nó cũng biết rằng chúng tôi cùng nghĩ về nó như vậy. Paul biết rằng tôi đã làm đốc công của một đội chữa cháy rừng và nếu nó làm dưới quyền tôi mà say xỉn khi làm việc, giống như khi nó làm phóng viên, thì tôi sẽ gọi nó về trại và đuổi thẳng cổ. Tôi biết rằng cơ hội để nó trở thành lính cứu hỏa cũng thấp như việc ăn cháo bột yến mạch vậy.

Chúng tôi có chung một triết lý về ấu đả đường phố là nếu có vẻ như không tránh nổi thì “tiên hạ thủ vi cường”. Chúng tôi đều nghĩ rằng đa số bọn khốn không cứng rắn như chúng huênh hoang - ngay cả những đứa đáng vẻ lẫn giọng điệu đều có vẻ “đầu gấu”. Nếu đột nhiên chúng cảm thấy vài cái răng rơi ra, chúng sẽ xoa miệng, nhìn đám máu trên tay rồi đề nghị đãi mọi người một chén rượu để dàn hòa. Theo lời em tôi thì: “Ngay cả nếu chúng

vẫn còn thích đánh nhau thì anh đã giành ưu thế lớn khi cuộc đấu bắt đầu”.

Chỉ có một điều không ổn với triết lý này - nó chỉ đúng về mặt thống kê. Đôi khi bạn lao vào một gã cũng thích đánh nhau như bạn nhưng lại thiện chiến hơn. Nếu bạn đánh gãy vài cái răng của hắn trước, hắn có thể sẽ cố đánh bạn chết tươi.

Tôi cho rằng mình và em trai sẽ không tránh khỏi một cuộc ẩu đả nguy hiểm mà cũng có thể là cuộc đấu cuối cùng. Với triết lý về ẩu đả của chúng tôi thì cuộc đấu đó sẽ giống như bài ca xung trận, khủng khiếp và chớp nhoáng. Có vài đoạn của nó tôi không nhìn thấy. Tôi không nhìn thấy mẹ tôi bước ra giữa cố can hai đứa. Bà thấp người và phải đeo kính, và ngay cả có kính cũng không nhìn thấy rõ. Bà chưa bao giờ chứng kiến một trận đánh nhau và cũng không có khái niệm người ta có thể bị thương nặng đến thế nào khi bị cuốn vào cuộc đấu. Và thế là bà bước ra chặn giữa hai đứa con trai. Thứ đầu tiên của bà mà tôi nhìn thấy là cái đỉnh đầu, mái tóc xám vẫn thành búi lớn với một cái lược lớn bên trong; nhưng điều đáng chú ý nhất là đầu bà ở quá gần Paul đến nỗi tôi không có chỗ trống để đấm thẳng em. Sau đó, tôi không còn nhìn thấy bà nữa.

Trận đấu dường như kết thúc ngay lập tức. Bà nằm trên sàn nhà, giữa chúng tôi. Sau đó thì cả hai bắt đầu khóc và đánh nhau như điên dại, đứa nào cũng hét lên: “Đồ chó đẻ, mày đã đánh chết mẹ tao rồi”.

Mẹ tôi gượng dậy. Vì mất kính nên không nhìn thấy gì, bà lảo đảo đi lòng vòng giữa hai chúng tôi, nói mà không biết đang nói với đứa nào: “Không, không phải tại con đâu. Tại mẹ trượt chân ngã thôi”.

Đó là lần duy nhất chúng tôi đánh nhau.

Có lẽ chúng tôi luôn luôn tự hỏi trong hai đứa thì đứa nào cứng

rắn hơn, nhưng nếu những câu hỏi thời niên thiếu không được trả lời đúng lúc trước một thời điểm nhất định thì sẽ không bao giờ có thể hỏi lại nữa. Vì thế, chúng tôi trở nên tử tế với nhau, theo như lời rắn ghi trên tường. Chúng tôi cảm thấy các khu rừng và dòng sông cũng tử tế hơn khi hai đứa ở bên nhau.

Quả tình là chúng tôi không hay câu cá cùng nhau nữa. Giờ đây, chúng tôi đều đã bước sang tuổi ba mươi, và từ nay về sau, “giờ đây” có nghĩa là mùa hè năm 1937. Cha tôi đã về hưu và cha mẹ giờ sống ở quê nhà Missoula, còn Paul hiện là phóng viên ở Helena, thủ phủ bang. Tôi đã “ra riêng và cưới vợ”, nói theo cách của em tôi về sự kiện này trong cuộc đời tôi. Hiện tại, tôi đang sống cùng gia đình vợ ở một làng nhỏ tại Wolf Creek. Tuy nhiên, Wolf Creek chỉ cách Helena có sáu mươi lăm cây số nên thỉnh thoảng chúng tôi vẫn gặp nhau, có nghĩa là đôi khi vẫn đi câu cá chung. Thật ra, lý do tôi sang Helena lần này cũng chỉ là để gặp Paul bàn về vụ câu cá.

Còn một lý do nữa là việc mẹ vợ tôi nhờ. Tôi không thích thú gì, nhưng khá chắc chắn là em tôi cuối cùng sẽ đồng ý. Paul chưa bao giờ từ chối tôi thẳng thừng. Vả lại, nó rất quý vợ và mẹ vợ tôi nên xếp họ vào diện thuộc về lời rắn trên tường, mặc dù không bao giờ nó có thể hiểu “đầu óc tôi bị làm sao” khi quyết định lấy vợ.

Tôi tình cờ gặp Paul ở trước Câu lạc bộ Montana. Câu lạc bộ này được những người đào vàng phát lên xây dựng ở địa điểm được cho là đã phát hiện ra vàng đầu tiên ở Last Chance Gulch. Mặc dù mới chỉ mười giờ sáng, song tôi có linh cảm em tôi sắp mua rượu. Tôi báo tin cho Paul trước khi ngỏ lời. Sau khi nghe tôi báo tin, em tôi bảo: “Hắn sẽ được chào đón như bệnh giang mai vậy”.

Tôi dặn em tôi: “Nhẹ tay với hắn một chút. Hắn là anh vợ anh”.

“Em sẽ không đi câu cá với hắn. Hắn ta là dân Bờ Tây và câu cá

bằng mỗi trùn” - Paul nói.

“Bỏ qua đi. Em biết là hấn sinh ra và lớn lên ở Montana mà. Hấn chỉ làm việc bên Bờ Tây thôi. Và giờ, hấn về quê nghỉ, đã viết thư cho mẹ vợ anh nói rằng muốn đi câu với hai anh em mình. Đặc biệt là với em”.

“Về cơ bản, mọi người ở Bờ Tây đều được sinh ra trên vùng núi Rocky, nơi họ không thành công với nghề câu cá bằng mỗi giả, vì thế họ chuyển xuống vùng Bờ Tây và trở thành luật sư, kế toán công có chứng chỉ, chủ tịch các hãng hàng không, kẻ đánh bạc, hay các nhà truyền giáo Mormon”.

Tôi không chắc Paul có định mua rượu không, nhưng thật ra nó đã uống rồi.

Chúng tôi đứng nhìn nhau, không thích những gì đang xảy ra nhưng cảnh giác để không sa quá sâu vào sự bất đồng. Tuy nhiên, chúng tôi thật sự quá bất đồng về chuyện anh vợ tôi. Ở một mặt nào đó, tôi còn ít ưa anh vợ tôi hơn Paul - không dễ chịu gì khi thấy trên khuôn mặt một người mà bạn không ưa có những nét của vợ mình.

Em tôi nói: “Ngoài ra, hấn là một kẻ câu cá bằng mỗi sống. Tất cả bọn con trai Montana sống ở Bờ Tây ngồi lê la ở quán rượu vào buổi đêm đều phét lác với nhau về tuổi thơ ở vùng đất vỡ hoang của chúng, rằng chúng là thợ săn, thợ đặt bẫy thú và người câu cá bằng mỗi giả. Nhưng khi trở về nhà, chúng thậm chí còn không hôn mẹ mình ngoài hiên trước khi cầm lon cà phê Hills Bros. đổ ra vườn sau đào trùn làm mỗi câu”.

Em tôi và chủ bút của nó “bao sân” hầu hết các bài trên báo Helena. Ông chủ bút là một trong những chủ bút “ao làng” cuối cùng thuộc trường phái châm chích cá nhân kiểu cổ điển. Ông ta bắt đầu uống rượu từ sáng sớm để không cảm thấy thương xót bất kỳ ai trong ngày, ông ta và em tôi dành cho nhau sự khâm

phục lớn. Cả thị trấn đều sợ họ, đặc biệt bởi vì họ rất sắc sảo, và trong một thế giới thù địch, cả hai đều cần tình yêu của gia đình và đã tìm thấy chỗ dựa đó. Cho đến lúc ấy, tôi vẫn cố ngăn Paul mua rượu nhưng cuối cùng phải chào thua và chắc chắn là em tôi đã nói: “Chúng ta hãy vào quán làm một ly”.

Tôi phạm sai lầm khi cách nói của tôi làm cho nó hiểu thành tôi không đồng ý và chỉ trích ý nó. Tôi nói: “Anh rất tiếc, Paul, nhưng giờ này hãy còn quá sớm, anh chưa thể uống được”.

Phải nói nhanh một chuyện khác, tôi đã không làm rõ thêm ý mình, ít nhất là tôi nghĩ vậy, mà nói tiếp: “Florence nhờ anh hỏi em”.

Tôi ghét phải đổ cho mẹ vợ của mình. Một lý do khiến tôi và Paul quý bà là vì bà trông giống cha tôi. Cả hai đều là người gốc Scotland từ Canada di cư xuống, cả hai đều có mắt xanh và tóc hung vốn là màu đỏ khi họ còn trẻ, và cả hai đều phát âm từ “about” theo phương ngữ Canada - nếu là nhà thơ, họ sẽ gieo vần từ này với “snoot”.

Mặc dù vậy, tôi không cảm thấy quá áy náy, bởi vì chính bà là người đã yêu cầu tôi hỏi Paul, và bà đã bắt đầu làm tôi khó xử khi pha trộn một chút sự thật vào lời tâng bốc của bà. Bà bảo: “Mặc dù mẹ chẳng biết gì về câu cá, song mẹ biết Paul là người câu cá giỏi nhất trên đời”. Đây là một phát biểu tinh tế. Bà biết cách rửa cá khi những người đàn ông quên làm, bà biết cách nấu, và quan trọng nhất là bà biết luôn luôn phải dòm chăm chăm vào giỏ của người câu cá và kêu lên: “Ôi trời, ôi trời!”. Vì thế, bà biết tất cả những gì người phụ nữ nào cùng thời với bà cũng biết về cá mú, mặc dù nếu nói là bà hoàn toàn không biết gì về câu cá cũng đúng.

“Mẹ rất muốn nghĩ đến việc Neal đi câu cùng Paul và con” - bà kết luận, hiển nhiên là bà đang hy vọng hẳn sẽ “gần đèn thì

rạng”, thậm chí còn hơn cả việc hấn sẽ học được kỹ năng câu cá của chúng tôi. Ở thị trấn của chúng tôi, tôi và Paul được mọi người gọi là “con của thầy giảng”, và hầu hết các bà mẹ đều cố không chỉ trở chúng tôi cho con họ xem, nhưng đối với người phụ nữ Scotland này thì chúng tôi là “những đứa con mục sư”. Ngoài ra, là những người câu cá mồi giả, chúng tôi phải ngâm mình đến tận thắt lưng cả ngày trong nước lạnh, điều này thì những kẻ phóng đăng^[10] phải đối mặt với những khó khăn có thực nhưng hóa ra là không phải không thể vượt qua.

“Những thằng bé tội nghiệp” - Mẹ vợ tôi nói, âm “r” của người Scotland nặng trĩu sau chữ “poor”. Không như những bà mẹ khác, phụ nữ Scotland phải làm quen với việc những đứa con đi hoang cả về thể xác lẫn tâm hồn, và đối với họ, tất cả những đứa con trai đều hoang đoàng, còn lòng mẹ thì luôn rộng mở chờ đón chúng trở về. Đàn ông Scotland lại dè dặt hơn rất nhiều trong việc cho phép những đứa con trở về, họ có làm vậy chăng nữa cũng chủ yếu là do phụ nữ chi phối.

Paul bảo: “Chắc chắn em sẽ đồng ý nếu Florence muốn vậy”. Và tôi biết rằng nó đã hứa như thế thì sẽ không bao giờ phản đối nữa.

“Chúng ta hãy làm một ly nào” - Tôi nói vào lúc 10 giờ 15. Và tôi trả tiền rượu.

Trước lúc 10 giờ 15, tôi bảo với Paul rằng Neal sẽ đến Wolf Creek vào ngày kia và ngày tiếp theo, chúng tôi sẽ đi câu cá ở sông Elkhorn. Tôi bảo nó: “Đây sẽ là một chuyến dã ngoại gia đình”.

“Tốt thôi” - Paul nói. Elkhorn là một nhánh sông nhỏ đổ vào sông Missouri. Tôi và Paul là những người chuyên câu cá to, chúng tôi nhìn một cách coi thường những người chồng kém cỏi khiến vợ phải chống chế: “Chúng tôi thích cá nhỏ. Chúng ăn là ngon nhất”. Nhưng Elkhorn có nhiều nét đặc trưng, trong đó có giống

Cá hồi Nâu khổng lồ từ sông Missouri ngược dòng lên đây.

Mặc dù Elkhorn là một trong những nhánh sông nhỏ mà chúng tôi yêu thích, Paul nói sau khi đã mua cho hai chúng tôi ly thứ hai: “Ngày mai, em không phải viết bài cho đến tận chiều tối, vì thế anh có muốn nghỉ một ngày để hai đứa mình đi câu ở con sông lớn trước khi đi dã ngoại không?”.

Tôi và Paul đã câu ở rất nhiều con sông lớn, nhưng khi một người nói đến “con sông lớn”, người kia biết đó là Blackfoot Lớn. Đó không phải là con sông lớn nhất mà chúng tôi từng câu, nhưng là con sông hùng vĩ nhất, và cũng là con sông có nhiều cá to nhất. Nó chảy thẳng và xiết - nhìn trên bản đồ hay nhìn từ máy bay xuống trông nó gần như một đường thẳng chảy hướng chính tây, xuất phát từ đầu nguồn trên đèo Rogers, nơi Phân tuyến lục địa^[11] xuôi xuống Bonner, Montana; tại đây, nó đổ vào nhánh South Fork thuộc sông Clark Fork của dòng Columbia. Suốt dọc quãng đường, nó luôn chảy xiết.

Ở gần đầu nguồn trên Phân tuyến lục địa có một điểm nhiệt kế đo được âm 56,5 độ C - đây là nhiệt độ thấp nhất từng đo được ở Mỹ (không kể Alaska). Từ đầu nguồn xuống đến cửa sông được tạo thành bởi những dòng sông băng. Một trăm lẻ năm cây số đầu tiên, những dòng sông băng từ phía bắc chảy xuống xô vào bờ phía nam của những thung lũng làm lở đất; bốn mươi cây số hạ nguồn được hình thành chộp nhoáng khi hồ băng lớn bao phủ vùng Đông Bắc Montana và Bắc Idaho phá vỡ cái đập băng băng và trải phần còn lại của những ngọn núi Montana và Idaho ra hàng trăm dặm của đồng bằng Tây Washington. Đó là trận lụt lớn nhất thế giới, có chứng cứ về địa chất chứng minh điều đó; đó cũng là một sự kiện địa chất lớn đến nỗi trí óc con người chỉ có thể cảm nhận mà không thể chứng minh cho đến khi có ảnh chụp từ vệ tinh.

Cái đường thẳng trên bản đồ cũng cho thấy nó có nguồn gốc là

sông băng; nó không có thung lũng khúc khuỷu, và các trang trại hầu hết nằm dọc nhánh phía nam không bị các sông băng ăn lở; thay vì mở ra một đồng bằng chiêm trũng rộng ở gần cửa sông, thung lũng, vốn được tạo thành sau một đêm bởi hồ nước đã biến mất khi cái đập băng băng tan chảy, ngày càng trở nên hẹp hơn cho đến khi cách duy nhất để một con sông, một tuyến đường sắt cũ chở gỗ và một đường ô tô có thể đi qua là hai tuyến đường sau phải chạy trên triền núi.

Đó là một nơi khó sống đối với cá hồi - dòng sông gào thét và dòng nước chảy quá xiết nên tảo không thể mọc nổi trên đá làm thức ăn cho cá, vì thế cá ở đây không có một chút mỡ thừa nào và chắc hẳn chúng giữ hầu hết các kỹ lục về nhảy cao của loài cá hồi.

Ngoài ra, đó là dòng sông mà chúng tôi hiểu rõ nhất. Tôi và em trai đã câu cá ở sông Blackfoot Lớn gần như là từ đầu thế kỷ - cha tôi thì còn sớm hơn. Chúng tôi xem nó như một dòng sông gia đình, như một phần máu thịt, và bây giờ, tôi rất miễn cưỡng khi phải chia sẻ nó với những trang trại, đám dân cư tạp nham của Great Falls^[12], quân xâm lăng Moor^[13] từ California tới.

Sáng sớm hôm sau, Paul đón tôi ở Wolf Creek, và chúng tôi lái xe vượt đèo Rogers, chỉ còn 0,3 độ nữa thì nhiệt kế xuống đến âm 57 độ C. Như thường lệ, đặc biệt là vào buổi sáng sớm, chúng tôi ngồi kính cẩn trong yên lặng cho đến khi vượt Phân tuyến lục địa, nhưng bắt đầu nói chuyện vào thời điểm chúng tôi nghĩ mình đang chảy vào một đại dương khác. Paul gần như luôn luôn có chuyện để kể, trong câu chuyện, nó là nhân vật chính nhưng không phải là người hùng.

Nó kể những chuyện tại Phân tuyến lục địa của mình với tâm trạng vô tư lự, mang một chút chất thơ như các phóng viên thường dùng để viết các câu chuyện cảm động. Nếu bỏ đi chất thơ thì các câu chuyện sẽ có vẻ như kể về chính nó và sẽ không

được gia đình tôi hưởng ứng, có thể tôi sẽ kịp nhận ra điều đó. Hẳn nó cũng cảm thấy sĩ diện nên kể rằng mình sống những cuộc đời khác, ngay cả khi nó kể bằng những câu chuyện cười như đánh đố tôi. Thường tôi không rõ mình đã nghe nó kể gì về bản thân khi chúng tôi bước qua ranh giới giữa hai thế giới của chúng tôi.

Nó mở đầu: “Anh biết đấy. Em đã câu cá ở sông Blackfoot được vài tuần”. Đầu tiên, câu chuyện của nó nghe như bản báo cáo. Nó đi câu một mình và kiếm được không khá lắm, vì thế nó đã phải câu đến tận chiều tối cho đủ số. Do nó quay về thẳng Helena nên phải lái đến Nevada Creek bằng một con đường cũ bụi mù dọc theo đường ranh đất và rẽ vuông góc tại các góc. Đó là một đêm trăng, nó mệt và cảm thấy cần một người bạn để trò chuyện cho tỉnh ngủ. Bất ngờ một con thỏ lớn nhảy ra đường và bắt đầu chạy theo đèn pha. Paul nói: “Em không chạy quá nhanh, vì em không muốn mất một người bạn đồng hành. Nó kể đã thò đầu ra ngoài cửa sổ để có cảm giác ở gần con thỏ hơn. Câu chuyện đượm chất thơ - một mái đầu tắm ánh trăng. Thế giới huyền ảo của ánh trăng bị xé nát bởi cái tam giác trắng sáng chói của đèn pha. Nằm ở trung tâm của cái tam giác cân xuyên màn đêm ấy là con thỏ, nếu không kể đến độ dài bước nhảy thì nó đã trở thành một con thỏ giày tuyết^[14]. Con thỏ lấp lánh ánh lân tinh ấy cố hết sức chạy ở tâm của tam giác cân nhưng lại sợ lạc hướng và khi nó ngoái nhìn để kiểm tra đường, đôi mắt nó sáng rực ánh trăng và xanh dương của vũ trụ. Em tôi nói: “Em không biết giải thích như thế nào về điều xảy ra sau đó, nhưng có một chỗ rẽ ở đường ranh đất. Con thỏ nhìn thấy chỗ rẽ, còn em thì không”.

Sau đó, Paul tình cờ kể rằng nó sửa xe hết 175 đôla; vào năm 1937, bạn hầu như có thể đại tu một chiếc xe với giá 175 đôla. Tất nhiên, em trai tôi không bao giờ kể rằng mặc dù không uống rượu khi câu cá nhưng nó luôn luôn bắt đầu uống khi câu xong.

Tôi lái xe đoạn còn lại xuôi dòng Blackfoot và tự hỏi mình vừa

được nghe một câu chuyện cảm động nhỏ với điều không may được biến thành chuyện cười, hay là Paul đã uống quá nhiều và đâm một cú chí tử làm nát cả đầu xe.

Dù là kiểu nào thì câu chuyện cũng chẳng hấp dẫn gì lắm, nên cuối cùng, tôi quyết định quên nó đi. Nhưng như các bạn thấy đấy, tôi đã không thể quên. Tuy nhiên, tôi bắt đầu nghĩ về hẻm núi nơi chúng tôi sẽ đến câu.

Hẻm núi ở phía trên cầu Clearwater cũ là nơi dòng Blackfoot gầm thét vang dội nhất. Một ngọn núi thì không thể nào bị bẻ gãy sống lưng, vì thế ngọn núi nén dòng sông vốn đã mạnh mẽ thành âm thanh và bụi nước trước khi cho nó chảy qua. Tất nhiên ở nơi đây, con đường không đi sát dòng sông nữa; ở hẻm núi không có chỗ cho đường mòn của người da đỏ; ngay cả vào năm 1806, khi Lewis chia tay Clark^[15] để đi tiếp dọc sông Blackfoot, ông cũng theo con đường an toàn ở ngoài rìa hẻm núi. Không có chỗ cho cá nhỏ và người câu cá nhát gan. Ngay cả tiếng gầm thét cũng tiếp thêm sức mạnh cho lũ cá và ít nhất là dọa được những người câu cá.

Khi câu cá ở hẻm núi, chúng tôi câu ở cùng phía vì một lý do đơn giản là ở hẻm núi không có chỗ nào để lội qua bờ bên kia. Tôi có thể nghe tiếng Paul vượt qua tôi để đến cái vũng phía trên, và khi tôi nhận ra thì không còn nghe thấy tiếng nó nữa. Tôi biết nó đã dừng lại để quan sát tôi. Mặc dù tôi chưa bao giờ có tham vọng trở thành một người câu cá cừ khôi, đối với tôi, điều quan trọng là làm một người câu cá và trông giống một người câu cá, đặc biệt là khi câu cùng em tôi. Thậm chí trước cả khi sự tĩnh lặng trở lại, tôi biết rằng tôi trông chẳng giống thứ gì cả.

Mặc dù tôi yêu hẻm núi này, nhưng đối với tôi, đó không phải là một nơi lý tưởng để câu cá. Ở đây, người ta dễ quăng câu xa, tuy nhiên, trong đa số các trường hợp, thường có vách đá hay cây ở ngay phía sau người câu cá, vì thế, anh ta phải đặt toàn bộ dây

câu ở phía trước mình. Điều này cũng giống như người ném bóng trong môn bóng chày không được vung tay lấy đà, và nó đẩy người câu cá mỗi giờ vào một thế gọi là “quăng câu cuốn”^[16], một thế quăng câu khó mà tôi chưa bao giờ thuần thục cả. Người câu cá phải lấy đủ dây để quăng được xa nhưng không vung chút dây câu nào ra phía sau, và sau đó, anh ta phải vận đủ lực với một quãng đà ngắn để vút ra xa trên mặt nước.

Anh ta bắt đầu gom phần dây thừa để quăng câu xa bằng cách thu dây câu của lần ném trước chậm đến nỗi một lượng dây nhiều hơn bình thường vẫn còn ở dưới nước, và đoạn dây lên khỏi mặt nước tạo thành nửa vòng dây chùng. Vòng dây được mở rộng bằng cách nâng tay thẳng lên và giật khuỷu tay lên cho đến khi nó tạo thành góc 1 giờ 30. Lúc đó, ở phía trước người câu cá có rất nhiều dây, nhưng anh ta phải vận dụng toàn bộ khả năng của mình để giật nó lên cao trên không trung và lên khỏi mặt nước để môi và đoạn cước nổi ra phía trước dây câu - lúc này cánh tay là cái pít-tông, cổ tay là khẩu súng ru-lô lấy cò, và ngay cả cơ thể cũng phải lấy đà cho cú bắn. Một điều nữa cũng quan trọng là lượng dây thừa còn ở dưới nước cho đến lúc cuối cùng phải tạo ra một bộ phóng nửa cứng nửa mềm cho cú quăng câu. Nó hơi giống như cú tấn công của con rắn chuông, với một đoạn đuôi dài nằm trên mặt đất như cái bộ phóng. Động tác này thật dễ dàng đối với một con rắn chuông, nhưng luôn luôn khó đối với tôi.

Paul biết tôi cảm thấy thế nào về chuyện câu cá của mình và cẩn thận không chỉ bảo để tôi khỏi cảm thấy “dưới cơ” nó, nhưng nó đã quan sát lâu đến nỗi bây giờ không thể cầm lòng bỏ đi mà không góp ý gì. Cuối cùng nó lên tiếng: “Bọn cá ở ngoài xa hơn”. Có lẽ sợ gây căng thẳng mối quan hệ gia đình, nó nhanh chóng nói tiếp: “Xa hơn tí xíu thôi”.

Tôi chậm rãi quay dây vào mà không nhìn ra sau - như thế không nhìn thấy nó. Có lẽ nó thấy hối tiếc vì đã nói ra, nhưng đã

lỡ nói rồi nên nó phải nói thêm điều gì đó. “Thay vì thu dây thẳng về phía mình, anh hãy kéo xéo góc với hướng hạ nguồn. Hướng xéo sẽ làm cho anh có thêm điểm tựa cho vòng dây để có thể vận thêm lực và quãng câu xa hơn một chút”.

Sau đó, Paul làm như chưa nói gì và tôi thì làm như chưa nghe thấy gì, nhưng ngay khi thẳng em trai đi khỏi, tôi bắt đầu thu dây theo chiều xéo, và “chiều” này quả thật có tác dụng. Ngay khi tôi cảm thấy mình đã quãng câu được xa hơn, tôi bèn tìm một chỗ mới để “làm lại cuộc đời”.

Đó là một quãng sông đẹp, cả đối với người câu cá lẫn nhiếp ảnh gia, mặc dù mỗi đối tượng này đều chĩa thiết bị của mình vào một mục tiêu riêng. Đó là một thác nước vừa đủ độ ngập. Vỉa đá ngầm nằm dưới mặt nước khoảng sáu mươi phân, do đó cả dòng sông cuộn trào một con sóng, vỡ tan ra thành bụi nước, sau đó rơi trở lại và chuyển thành màu xanh dương. Sau khi đã lấy lại sức lực sau cú đập, con sóng lại tràn bờ để xem mình đã rơi xuống dòng sông ra sao.

Không có con cá nào có thể sống ở ngoài đó, ở nơi mà dòng sông vỡ tung thành những sắc màu và những lượn sóng làm các nhiếp ảnh gia mê mẩn. Bọn cá sống ở nơi có những cuộn nước xoáy ngược, ngay dưới đám bọt bắn - đám bùn đất đó là một trong những thứ thu hút bọn cá nhất. Một phần của đám bọt lổm đổm ấy là phấn hoa của những cây thông, nhưng hầu hết là thân xác của bọn côn trùng đã bỏ mạng trên thác. Tôi xem xét tình hình. Mặc dù có thể tôi vừa ném xa thêm được một mét, song tôi vẫn còn phải nghĩ rất nhiều trước khi quãng câu để bù lại cho các điểm yếu khác của mình. Nhưng tôi cảm thấy mình đã khởi đầu đúng hướng - tôi đã nhận ra nơi có cá to và giải thích được lý do tại sao.

Sau đó, một điều lạ lùng đã xảy ra. Tôi trông thấy nó. Một hình thù đen trùi trũi trôi lên hụp xuống trong đám bọt. Thật ra, tôi

mường tượng mình đã trông thấy những cái ngạnh trên vây lưng của nó cho đến khi tôi tự nhủ thầm: “Chúa ơi, nó không thể to đến nỗi ta có thể nhìn thấy vây lưng”. Không những thế, tôi còn nghĩ thêm: “Thậm chí mình không thể trông thấy con cá trong đám bọt đó nếu từ đầu mình đã không nghĩ là nó có thể ở đó”. Nhưng tôi không thể giữ bỏ được niềm tin rằng mình đã trông thấy cái lưng đen của một con cá to, bởi vì là một người hay phải suy nghĩ, tôi biết mình thường không thấy thứ mà mình không nghĩ tới. Việc nhìn thấy con cá, mà ngay từ đầu, tôi đã nghĩ có thể ở đó đã dẫn tôi đến chỗ tự hỏi con cá sẽ bơi về hướng nào của dòng sông. Tôi nghĩ: “Hãy nhớ xem, khi mình quăng câu lần đầu, mình đã thấy nó trong cuộn nước xoáy ngược, nơi dòng sông cuộn xoáy phía thượng nguồn, vì thế nó sẽ hướng về phía hạ nguồn chứ không phải thượng nguồn như khi bơi ở dòng chính”.

Tôi bị cuốn theo câu hỏi mình sẽ dùng loại mồi giả nào, và kết luận là nên dùng một con mồi lớn, loại số bốn hay sáu, nếu tôi quăng câu phía sau cái đụn lớn trong đám bọt.

Từ mồi, tôi điếm đến đầu bên kia của quy trình quăng câu, và tự hỏi tôi sẽ quăng câu từ chỗ quái nào. Ở thác nước này, chỉ có những tảng đá khổng lồ, vì thế tôi chọn một trong những tảng lớn nhất, suy tính xem làm sao mình có thể leo lên, và biết rằng từ độ cao đó, tôi có thể ném câu xa hơn, nhưng sau đó lại phải tự hỏi: “Mình sẽ lôi con cá lên chỗ quái nào nếu mình câu dính nó khi đang đứng trên tảng đá cao?”. Vì thế tôi chọn một tảng đá nhỏ hơn. Tầm quăng sẽ ngắn hơn nhưng tôi có thể tuột xuống khỏi tảng đá, trong lúc tay cầm cần câu và con cá to thì nằm trên tảng đá.

Dần dần tôi đi đến câu hỏi mà tất cả những người câu cá ở sông nên hỏi trước khi họ quăng câu lần đầu: “Nếu tôi câu được con cá to, tôi sẽ lôi nó lên chỗ quái nào?”.

Một trong những điểm thú vị nhất của việc câu cá mỗi giả là sau một hồi không có gì trên thế giới còn tồn tại, chỉ còn những suy nghĩ về chuyện câu cá. Một điều nữa cũng thú vị là những suy nghĩ về chuyện câu cá thường diễn ra dưới dạng đối thoại, trong đó, Hy Vọng và Nỗi Sợ - hay trong nhiều trường hợp là giữa hai Nỗi Sợ - vật lộn với nhau.

Nỗi Sợ thứ nhất nhìn theo bờ nước và nói với tôi (nhân vật thứ ba ngoài hai nỗi sợ): “Trong vòng ba mươi mét chẳng có gì khác ngoài đá, nhưng đừng sợ và cố gắng lôi nó lên trước khi bạn lên được doi cát đầu tiên”.

Nỗi Sợ thứ hai nói: “Cách doi cát đầu tiên tới bốn mươi chứ không phải ba mươi mét. Thời tiết đang ấm nên mép cá sẽ mềm và nó sẽ giật rách mép để thoát khỏi lưỡi câu nếu bạn cố giằng co với nó suốt bốn mươi mét dưới nước. Không hay lắm nhưng tốt nhất là kéo nó lên một tảng đá gần hơn”. Nỗi Sợ thứ nhất nói: “Có một tảng đá to trên sông mà bạn sẽ phải giật nó qua trước khi cho nó đáp xuống, nhưng nếu bạn giật đủ mạnh để kéo nó sang phía bên này của tảng đá, có thể bạn sẽ vượt mất nó”. Nỗi Sợ thứ hai nói: “Nhưng nếu bạn cho nó đáp xuống phía xa của tảng đá, dây câu sẽ bị vướng dưới tảng đá, và bạn chắc chắn sẽ vượt mất nó”.

Muốn biết khi nào bạn nghĩ quá nhiều thì đó chính là lúc xảy ra cuộc đối thoại giữa *Bạn có thể để vượt mất nó* và *Chắc chắn bạn sẽ để vượt mất nó*. Nhưng tôi không thể dứt bỏ nó hoàn toàn, mặc dù tôi đã nghĩ sang chuyện khác. Mặc dù điều này không ghi trong sách vở, nhưng vẫn rất con người khi bỏ ra một chút thời gian trước khi quăng câu để cố mừng tượng xem con cá đang nghĩ gì, ngay cả nếu não của nó chỉ to bằng một quả trứng của nó, và ngay cả nếu khi bơi dưới nước, bạn khó mà tưởng tượng rằng một con cá có chuyện gì để mà nghĩ. Tuy nhiên, không ai có thể thuyết phục tôi tin rằng cá chỉ biết cảm thấy đói và sợ, tôi cho rằng một con cá không thể lớn nổi đến mười lăm phân nếu

nó chỉ cảm thấy được đến thế. Thật ra, đôi khi tôi còn tiến đến chỗ mừng tưởng rằng một con cá có những suy nghĩ hay ho. Trước khi quăng câu, tôi mừng tưởng rằng con cá có cái lưng đen trũi nằm lẩn đăm trong làn nước sủi bọt của thác. Nó đang nhìn về hạ nguồn và quan sát đám bọt chứa thức ăn trôi ngược về thượng nguồn giống như một quầy đồ ăn nổi được đưa đến để phục vụ thực khách. Và có thể nó đang tưởng tượng rằng đám bọt lốm đốm kia là món rượu nóng đánh trứng được rắc hạt nhục đậu khấu, rồi khi màu trắng của trứng tan ra và nó trông thấy những gì ở trên bờ, có lẽ nó sẽ tự nhủ: “Mình là một thằng chó đẻ may mắn, vì gã kia chứ không phải thằng em của nó đang câu ở cái vũng này”.

Tôi nghĩ ra toàn bộ những điều này, và một số ý nghĩ khác tỏ ra chẳng có giá trị gì, sau đó tôi quăng câu và dính con cá.

Tôi giữ vẻ trầm tĩnh cho đến khi cố gắng gỡ lưỡi câu ra khỏi miệng con cá. Nó nằm trên doi cát nhỏ nơi tôi giật nó lên, mình phủ đầy cát. Mang nó mở ra theo những cái ngáp cuối cùng. Sau đó, nó bất chợt đứng dựng lên bằng đầu trên cát, đuôi nó quất vào tôi, làm cát bay tứ tung. Đầu tiên, bàn tay tôi bắt đầu run rẩy, và mặc dù tôi nghĩ hình ảnh đó trông thật thảm hại, nhưng tôi không dừng được. Cuối cùng, tôi đã xoay sở mở được con dao xếp to, nhưng lại đâm trượt đầu con cá vài lần trước khi cắm xuyên được qua óc nó.

Ngay cả khi tôi bẻ cong người nó lại thì con cá vẫn dài quá cái giỏ đựng cá của tôi, vì thế đuôi nó vẫn thò ra ngoài.

Trên mình con cá có những chấm đen giống như của loài giáp xác. Trông nó như cá biển, cả đôi mắt tròn cũng vậy. Khi tôi đi ngang qua em tôi ở cái vũng kế bên, tôi thấy nó quan sát cái đuôi thò ra ngoài và chậm rãi bỏ mũ ra, nhưng không phải vì khâm phục tài năng câu cá của tôi.

Tôi đã câu được một con cá, vì thế tôi ngồi xuống và quan sát người câu cá.

Paul lấy thuốc lá và diêm ra khỏi túi ngực, bỏ vào trong mũ rồi kéo mũ xuống cho chặt để mấy thứ đó không rơi ra ngoài. Sau đó, nó tháo cái giỏ cá và đeo ở bờ vai để có thể bỏ ra nhanh chóng nếu con nước quá mạnh. Khi xem xét tình huống, em trai tôi không mất thời gian để phân tích riêng rẽ từng yếu tố. Nó nhảy khỏi tảng đá xuống vùng nước xoáy và bơi về phía vách đá thấp đã rơi xuống dòng sông làm chia đôi dòng nước. Nó mặc nguyên quần áo và chỉ bơi bằng tay trái - tay phải của nó nâng cao cần câu và đôi khi tôi chỉ còn nhìn thấy cái giỏ câu và cần câu, rồi khi cái giỏ câu ngập trong nước thì tôi chỉ còn nhìn thấy cái cần.

Dòng nước đập Paul vào vách đá thấp và hấn là đau, nhưng nó có đủ sức mạnh để bám những ngón tay trái vào một kẽ đá, nếu không, hấn đã bị cuốn vào vùng nước xanh biếc phía dưới. Sau đó, em tôi phải leo lên đỉnh của tảng đá bằng bàn tay trái, khuỷu tay phải được sử dụng như cái cuốc chim của người tìm quặng. Cuối cùng, khi nó đứng trên đỉnh tảng đá, quần áo của nó trông sũng nước, như thể chảy khỏi người.

Khi đã hết lão đảo, Paul giữ người kiểu như chó săn vịt - hai bàn chân đứng dẹt ra, thân mình hạ thấp và đầu lắc mạnh. Sau đó, nó lấy thế và bắt đầu quăng câu. Thế giới đối với nó chỉ còn là mặt nước.

Bên dưới em tôi là dòng sông bất tận, và ở nơi tảng đá chia dòng, hơi nước nghi ngút bốc lên. Những phân tử nước li ti tỏa ra từ sợi dây câu của nó tạo nên những vòng dây tơ thoát hiện, thoát biến mất trong làn hơi nước nghi ngút nhanh đến nỗi chúng chỉ trở thành những vòng dây nhờ ký ức. Bụi nước bắn ra từ người Paul nhỏ hạt hơn và bao quanh nó trong một vùng hào quang. Vòng hào quang tỏa ra từ em tôi lúc ẩn lúc hiện như thể đó là một ánh nền lập lờ cách người Paul một tấc. Hình ảnh của con người và

sợi dây câu tiếp tục biến mất vào đám hơi nước bốc lên từ mặt sông, tiếp tục cuộn lên đỉnh của vách đá. Ở đó, sau khi biến thành luồng khói cuộn cuộn trong cơn gió, chúng trở thành ánh mặt trời.

Dòng sông bên trên và bên dưới tảng đá tắm trong ánh cầu vồng, và Paul sẽ quăng câu mạnh và thấp về phía thượng nguồn, để cho mỗi nhả thia lia trên mặt nước nhưng không bao giờ chạm. Sau đó nó sẽ xoay người, quay ngược dây câu thành một hình bầu dục lớn phía trên đầu rồi quăng câu thấp và mạnh, xuôi theo dòng nước, một lần nữa lại để cho mỗi nhả thia lia trên mặt nước. Paul sẽ hoàn tất vòng tròn lớn ấy bốn, năm lần, tạo ra những chuyển động lớn vốn chẳng nói lên điều gì nếu bạn không biết rằng hiện ở đâu đó ngoài kia, một con mồi nhỏ đang nhả thia lia trên sóng, mà dù có biết đi nữa thì cũng không thấy nổi. Đáng sửng sốt là sự mênh mông sẽ quay trở lại khi dòng Blackfoot Lớn và bầu trời phía trên nó trở nên lóng lánh với những cung tròn của một cầu vồng lớn.

Em tôi gọi đó là “quăng câu ăn bóng”, và thật lòng tôi không biết có nên tin cái lý thuyết đó không - rằng lũ cá chú ý tới bóng của con mồi lướt trên mặt nước trong lần quăng câu đầu tiên, vì thế chúng đớp mồi ngay khi nó chạm mặt nước. Đó là một dạng lý thuyết “kích thích khẩu vị”, hầu như quá huyền hoặc không thể tin được, nhưng vào thời đó, mỗi người câu cá giỏi đều có một vài tin điều linh nghiệm với riêng anh ta chứ không ai khác. Quăng câu ăn bóng chẳng bao giờ linh nghiệm đối với tôi, nhưng có lẽ là vì cánh tay và cổ tay của tôi không đủ mạnh để giữ cho dây câu quay tròn bên trên mặt nước cho đến khi lũ cá tưởng tượng ra một đàn côn trùng mới nở đang bay ra.

Bộ đồ ướt ôm sát người em tôi làm cho dễ thấy được sức vóc của nó. Hầu hết những người quăng câu giỏi mà tôi biết đều là những người to lớn, cao hơn một mét tám ba, cao hơn tất nhiên đồng nghĩa với việc dễ vung được dây câu dài hơn trên không

thành một cung tròn lớn hơn. Em tôi chỉ cao một mét bảy tám, nhưng nó đã câu cá quá nhiều năm đến nỗi thân thể nó phần nào phát triển phù hợp cho việc quăng câu. Năm nay nó ba mươi hai tuổi, ở đỉnh cao của sức lực, nó có thể đặt toàn bộ thân thể và tâm hồn vào chiếc cột linh vật kỳ diệu nặng một trăm hai mươi tám gram. Cách đây khá lâu, Paul đã vượt xa cha tôi về khả năng quăng câu bằng cổ tay, mặc dù cổ tay phải của nó luôn quan trọng đến nỗi trở nên to hơn cổ tay trái. Cánh tay phải của nó, vốn bị cha tôi cột về một bên để chú trọng vào cổ tay, vung ra khỏi áo như một cỗ máy, và cánh tay này cũng to hơn cánh tay trái. Chiếc áo ướm gỗ lên rồi bung nút theo những cú xoay vai và hông. Cũng không khó hiểu tại sao nó là một “chiến binh đường phố”, đặc biệt là nó luôn ra đòn đầu tiên với nắm đấm phải.

Nhịp điệu cũng quan trọng như màu sắc và cũng tinh tế như vậy. Nhịp này chồng lên nhịp khác, nhịp bốn của dây câu và cổ tay mà cha chúng tôi dạy vẫn là nhịp điệu căn bản. Nhưng chồng lên nó là nhịp hai của cánh tay đẩy lên như cái pít-tông và nhịp bốn hình số 8 hoàn chỉnh dài, quan trọng nhất của những vòng dây ngược.

Hềm núi lung linh với nhịp điệu và màu sắc.

Tôi nghe thấy tiếng nói ở sau lưng. Một người đàn ông và vợ đi xuống con đường mòn, mỗi người xách một cần câu, nhưng có lẽ họ sẽ chẳng câu kéo gì nhiều. Có lẽ họ không có ý định gì khác hơn là được đi chơi ngoài trời cùng nhau, và sẵn dịp hái quả việt quất về làm bánh. Vào thời đó, chưa có nhiều thứ trang phục thể thao vải dày cho phụ nữ. Cô ta là một người phụ nữ to béo, vạm vỡ mặc quần yếm nam loại phổ thông, cặp vú của người mẹ căng lên dưới làn vải yếm. Cô ta là người đầu tiên trông thấy em trai tôi đang xoay vòng trên đỉnh vách đá. Đối với cô ta, Paul hẳn phải trông giống như một “nghệ sĩ quăng dây” ở một cuộc tranh tài của những người chăn bò, đang làm đủ mọi loại trò, ngoại trừ việc nhảy vào và nhảy ra cái thòng lọng của mình.

Người phụ nữ tiếp tục quan sát trong lúc quờ tay ra sau lưng để trải một đám lá thông ra ngò. Cô ta thốt lên: “Ôi trời, ôi trời!”. Anh chồng dừng lại, đứng yên và nói: “Giê-su”. Thỉnh thoảng anh ta lại kêu lên: “Giê-su”. Mỗi lần như vậy, cô vợ lại gật đầu. Cô ta nằm trong số những bà mẹ Mỹ không bao giờ mơ đến việc nói những lời báng bổ nhưng lại khoái trá trước những lời của chồng mình, và dần cảm thấy nghiện, giống như nghiện khói xì gà vậy.

Tôi dợm đứng lên đi tìm chỗ câu mới. “Ồ không” - cô ta nói - “Anh sẽ chờ chứ, phải không? Lúc nào anh ta vào bờ, anh sẽ thấy những con cá to của anh ta”.

“Không” - Tôi đáp - “tôi thà xem những con tép riu”.

Rõ ràng cô ta nghĩ là tôi điên, vì thế tôi nói thêm: “Tôi sẽ xem cá của nó sau”. Và để cho cô ta hiểu ra điều gì đó, tôi buộc phải nói tiếp: “Nó là em trai tôi”.

Khi tôi đi tiếp, cảm giác nhột nhột sau lưng cho tôi biết rằng hai vợ chồng nhà kia đang nhìn theo tôi - vì tôi là anh trai nó, và cũng vì tôi hơi gàn dở một chút.

Do mấy con cá của chúng tôi to, đáng để uống vài ly và trò chuyện rôm rả sau đó, nên chúng tôi trở về Helena trễ. Dọc đường, Paul hỏi tôi: “Sao anh không nghỉ lại đêm ở nhà em rồi sáng mai hãy xuống Wolf Creek?”. Rồi nó nói thêm rằng nó phải “đi chơi đêm”, nhưng sẽ trở về sớm sau nửa đêm. Sau này tôi mới biết lúc đó hẳn phải là hai giờ sáng. Tôi nghe tiếng chuông điện thoại và thoát khỏi làn sương mù cùng bụi nước của con sông, tỉnh giấc và nhấc điện thoại. Giọng người trong điện thoại hỏi: “Anh có phải là anh của Paul không?”. Tôi hỏi: “Có chuyện gì vậy?”. Anh ta nói: “Tôi muốn anh đến đây gặp em anh”. Nghĩ rằng điện thoại bị nhiễu, tôi đập vào điện thoại: “Anh là ai?”. Anh ta đáp: “Tôi là hạ sĩ trực. Tôi muốn anh đến gặp em anh”.

Quyển sổ séc vẫn còn nằm trong tay tôi khi đến nhà giam. Viên

hạ sĩ trực nhú mày, bảo: “Không, anh không phải đóng tiền tại ngoại cho anh ta đâu. Anh ta chuyên đưa tin vụ án và có bạn bè ở đây. Anh chỉ phải ngó anh ta một cái rồi đưa anh ta về nhà”.

Sau đó anh ta nói tiếp: “Nhưng anh ta sẽ phải quay lại. Một gã sẽ kiện anh ta. Cũng có thể là hai gã”.

Không muốn gặp Paul khi chưa biết ắt giáp gì, tôi tiếp tục hỏi: “Có chuyện gì vậy?”. Khi viên hạ sĩ trực nghĩ rằng đã đến lúc nói, anh ta bảo tôi: “Anh ta nện một gã gãy hai cái răng và bị thương khắp người”. Tôi hỏi: “Vậy thì gã thứ hai kiện nó vì chuyện gì?”. “Đánh vỡ đĩa. Cả một cái bàn nữa” - Viên hạ sĩ nói. “Gã thứ hai là chủ một nhà hàng. Gã bị em anh đánh ngã trúng một cái bàn của hắn”.

Giờ thì tôi sẵn sàng gặp em tôi, nhưng đã rõ là viên hạ sĩ gọi tôi đến đồn để nói chuyện. Anh ta nói: “Gần đây, chúng tôi phải cứu anh ta rất nhiều lần. Anh ta uống quá nhiều”. Tôi đã nghe được nhiều hơn những gì tôi muốn nghe. Có lẽ một trong những rắc rối gần đây nhất của chúng tôi là tôi chưa bao giờ muốn nghe quá nhiều về em trai mình.

Viên hạ sĩ kết thúc những gì anh ta muốn nói bằng cách cuối cùng kể cho tôi nghe những gì anh ta thật sự muốn nói: “Ngoài ra, anh ta còn thua trò stud poker lớn ở Hot Springs. Thật không hay khi thua ván bài lớn ở Hot Springs.

“Anh và em trai anh nghĩ rằng các anh cứng rắn bởi vì các anh là các “chiến binh đường phố”. Nhưng ở Hot Springs, người ta không chơi trò trẻ con kiểu đánh nhau tay không. Ở Hot Springs là trò stud poker lớn và tất cả phải quay cuồng quanh cuộc chơi đó”.

Tôi cảm thấy rối, từ chuyện cố bật dậy trong cơn say ngủ cho đến việc hiểu ra điều mà tôi không muốn hiểu. Tôi hỏi: “Chúng ta hãy bắt đầu lại. Tại sao em tôi ở đây và nó có bị thương không?”.

Viên hạ sĩ trả lời: “Anh ta không bị thương, chỉ không khỏe thôi. Anh ta uống quá nhiều. Ở Hot Springs, họ không uống quá nhiều”. Tôi bảo viên hạ sĩ: “Chúng ta hãy tiếp tục. Tại sao nó lại ở đây?”.

Theo lời viên hạ sĩ thuật lại thì Paul và cô bạn gái của nó đã vào nhà hàng Weiss’s để dùng bánh kẹp khuya. Đó là một nơi được ưa chuộng vào nửa đêm vì có các ngăn nhỏ ở phía sau, ở đó, bạn và bạn gái có thể ngồi và kéo rèm che lại. Viên hạ sĩ nói: “Cô bạn gái là người lai da đỏ. Anh biết cô gái ấy đấy” - Anh ta nói như thể ám chỉ tôi.

Paul và cô bạn của nó rõ ràng đang tìm một ngăn trống thì một gã ở ngăn họ đi qua thò đầu ra khỏi rèm, hét lên: “Wahoo”^[17]. Paul đã đâm ngay vào cái đầu ấy, làm nó rơi mất hai cái răng, còn thân mình thì ngã đè lên cái bàn. Chiếc bàn lật nhào, chén đĩa vỡ cắt vào thịt gã đó và bạn gái của gã. Viên hạ sĩ nói: “Gã đó bảo tôi: ‘Lạy chúa, tôi chỉ có ý là thật buồn cười khi đi chơi cùng một người da đỏ. Chỉ là một câu đùa thôi’”.

Tôi nói với viên hạ sĩ: “Chẳng buồn cười chút nào”, và viên hạ sĩ đáp lại: “Đúng, không buồn cười lắm, nhưng em của anh sẽ tốn bộ tiền và thời gian để thoát khỏi vụ này đấy. Điều không thật buồn cười là anh ta thua trong trò chơi ở Hot Springs”. “Anh có thể giúp anh ta sửa đổi không?”

“Tôi không biết phải làm gì” - Tôi thú thực với viên hạ sĩ.

“Tôi biết anh muốn nói gì” - Viên hạ sĩ thổ lộ với tôi. Các viên hạ sĩ vào thời đó vẫn là người Ireland. Anh ta nói: “Tôi có một thằng em nhỏ. Nó là một đứa tuyệt vời, nhưng luôn gây rắc rối. Nó là loại mà chúng tôi gọi là ‘dân nhỏ Ireland’”.

“Vậy anh làm gì để giúp anh ta?” - Tôi hỏi. Sau một hồi im lặng, anh ta đáp: “Tôi đưa nó đi câu cá”.

“Và nếu cách đó không hiệu quả thì sao?” - Tôi lại hỏi.

“Anh nên vào gặp em trai” - Anh ta trả lời.

Bởi mong muốn nhìn thấy Paul với hình ảnh đã thấy hôm trước, tôi đứng yên cho đến khi có thể thấy lại người phụ nữ mặc quần yếm từng kinh ngạc trước ngón quăng câu ăn bóng của nó. Sau đó, tôi mở cửa vào căn phòng nơi họ tổng những người say vào cho đến khi họ có thể đi thăng bằng trên một đường thẳng^[18]. “Cô bạn đang ở cùng anh ta” - Viên hạ sĩ nói.

Paul đang đứng trước cửa sổ, nhưng không thể đang nhìn ra, vì có một tấm ngăn dày giữa các chấn song, và nó không thể trông thấy tôi, bởi vì bàn tay quăng câu to bè đang ôm lấy mặt. Nếu không vì tình cảm tôi dành cho bàn tay ấy thì sau đó có lẽ tôi đã nghi ngờ rằng mình đã nhìn thấy nó.

Cô bạn gái của Paul đang ngồi dưới sàn, cạnh chân nó. Mái tóc của cô gái đen óng lên, cô ấy là một trong những người phụ nữ tôi thích. Mẹ cô gái là một người da đỏ Cheyenne miền Bắc, vì thế khi mái tóc đen óng lên, trông cô đẹp tuyệt, giống người da đỏ Algonkian ở Canada và người La Mã hơn là một người Mông Cổ nhìn nghiêng, và trông rất hiếu chiến, đặc biệt là sau khi uống vài ly. Ít nhất một trong số hai bà cố của cô cũng đã sống cùng các bộ lạc Cheyenne miền Bắc, khi họ và người Sioux tiêu diệt tướng Custer và Lữ đoàn kỵ binh số Bảy, và do người Cheyenne cắm trại ở Little Bighorn đối diện với ngọn đồi nơi họ trở thành bất tử, những người phụ nữ Cheyenne là những người đầu tiên thu dọn bãi chiến trường sau trận đánh.

Gã “mặt tái”^[19] này, kẻ đã lộ đầu ra khỏi ngăn của hần ở quán Weiss’s và hét lên “Wahoo”, may mắn là chỉ bị mất có hai cái răng.

Ngay cả tôi cũng không thể đi xuống phố bên cạnh cô ấy mà

không gặp rắc rối. Cô bạn gái của Paul thích cặp tay Paul một bên, tôi một bên và xuống Last Chance Gulch vào tối thứ Bảy, buộc mọi người phải nhảy xuống rãnh nước để tránh chúng tôi, và khi họ không nhường đường, cô ấy sẽ đẩy Paul hay tôi vào họ. Bạn không buộc phải đi rất nhanh xuống Last Chance Gulch vào tối thứ Bảy, lần mọi người xuống rãnh rồi tham gia vào một trận đấu đả dã dội, nhưng cô bạn gái của Paul luôn cảm thấy rằng mình đang có một buổi chiều đầy thất vọng và không được chiều chuộng nếu gã đàn ông đưa cô đi chơi không tham gia vào một trận đấu đả dã dội vì cô.

Tuy thế, khi mái tóc cô óng lên thì cô xứng đáng với trận đấu đả dã. Cô là một trong những vũ công đẹp nhất mà tôi từng gặp. Cô làm cho bạn nhảy cảm thấy như thể anh ta sắp bị bỏ lại đằng sau, hay đã bị bỏ lại sau rồi.

Thật là một cảm giác lạ lùng, tuyệt diệu và có phần bối rối khi ôm một người trong tay mà cô ấy đang cố nhổ bạn ra khỏi thế giới này và bạn không đủ giỏi để theo đuổi cô ấy.

Tôi gọi cô ấy là Mo-nah-se-tah, tên của người con gái xinh đẹp của tù trưởng bộ lạc Cheyenne, Tảng Đá Nhỏ. Đầu tiên, cô bạn gái của Paul không đặc biệt quan tâm đến cái tên - vốn có nghĩa là “cây cỏ non nhú lên vào mùa xuân”, nhưng sau khi tôi giải thích Mo-nah-se-tah được cho là mang thai đứa con trai ngoài giá thú của tướng George Armstrong Custer thì cô ấy bắt đầu mê cái tên như vẹt gặp nước.

Nhìn xuống cô bạn gái của Paul bây giờ, tôi chỉ có thể thấy mái tóc cô ấy xõa xuống vai và cặp chân xoải trên sàn phòng giam. Mái tóc cô gái thôi óng ả và tôi chưa bao giờ nhìn thấy đôi chân cô nằm bất động trên sàn như thế này. Biết rằng tôi đang nhìn xuống mình, cô gái cố gắng đứng lên, nhưng đôi chân dài của cô oặt xuống và đôi vớ tuột xuống chân; cô bạn gái của Paul lại duỗi chân ra sàn cho đến khi cặp vớ và nịt vớ lộ ra.

Hai người bọn họ bốc mùi còn tệ hơn buồng giam. Họ bốc mùi đúng như họ phải vậy - một cặp say rượu mà dạ dày chứa bất cứ thứ gì cơ thể tạo ra khi nó cảm thấy lạnh và say túy lúy, biết rằng một điều tệ hại đã xảy ra và không muốn ngày mai đến.

Chẳng có ai nhìn tôi, còn Paul thì câm lặng. Cô bạn của nó cất tiếng yêu cầu: “Hãy đưa tôi về nhà”. Tôi cho biết: “Tôi đến đây để làm việc đó”. Cô gái lại yêu cầu thêm: “Đưa anh ấy về nữa”.

Cô gái ấy là một vũ công đẹp, cũng như em tôi là một tay câu đẹp. Tôi xốc nách khiêng cô gái, những ngón chân của cô ấy kéo lê phía sau. Paul quay người lại, đi theo sau, không nhìn ngó hay nói năng gì. Cổ tay phải to quá khổ giữ bàn tay phải che mắt để, theo cách của người say rượu, Paul nghĩ rằng tôi không thể thấy nó và nó cũng có thể nghĩ rằng chính nó cũng không thể nhìn thấy mình.

Khi chúng tôi đi qua bàn của cảnh sát trực, viên hạ sĩ hỏi: “Tại sao tất cả các anh không đi câu cá đi?”

Tôi không đưa bạn gái của Paul về nhà của cô ấy. Vào thời đó, những người da đỏ không sống trong khu bảo tồn, mà phải sống ngoài phạm vi thành phố và thường thì họ cắm trại gần lò mổ hay bãi rác thành phố. Tôi đưa hai người trở về căn hộ của Paul. Tôi đặt Paul lên giường của nó, và đặt cô gái lên chiếc giường tôi ngủ lúc này, nhưng đã thay khăn trải giường để tấm khăn mới sẽ làm đôi chân cô ấy cảm thấy êm ái hơn. Khi được tôi đắp chăn cho, cô bạn gái của Paul bảo: “Lẽ ra anh ấy phải giết chết tên khốn đó”.

Tôi góp lời: “Có thể nó đã làm vậy rồi”. Ngay lúc đó, cô gái quay người nằm nghiêng rồi chìm vào giấc ngủ. Cô bạn của Paul luôn luôn tin bất cứ điều gì tôi nói với cô ấy, đặc biệt là việc kẻ thù bị thương vong nặng nề.

Lúc đó, bình minh ló dạng nơi phía ngọn núi bên kia sông

Missouri, vì thế tôi lái xe về Wolf Creek.

Vào thời ấy, phải mất một tiếng đồng hồ để lái xe qua sáu mươi lăm cây số đường xấu từ Helena đến Wolf Creek. Khi mặt trời mọc trên dãy Big Belt và sông Missouri, sơn thủy đều tắm mình trong ánh nắng thì tôi cố tìm điều gì đó mà mình đã biết về cuộc đời; điều đó có thể giúp tôi vươn tay ra và chạm được vào em trai tôi, khiến cho nó phải nhìn tôi và nhìn lại chính mình. Một lúc nào đó, tôi thậm chí còn nghĩ rằng cái điều mà viên hạ sĩ trực bảo tôi lúc đầu tiên thật hữu ích. Là một hạ sĩ cảnh sát trực văn phòng, anh ta phải biết rất nhiều về cuộc đời và anh ta đã bảo tôi Paul là phiên bản Scotland của “dân nhọ Ireland”. Hiển nhiên là trong gia đình của cha tôi có những “dân nhọ Scotland” định cư ở những tiền đồn khác nhau, từ cố hương trên đảo Mull ở miền Nam Hebrides đến Fairbanks, Alaska, 177 đến 185km phía nam vòng Bắc cực, là những nơi xa nhất mà người Scotland có thể đến vào lúc đó để thoát khỏi trát đòi của các viên cảnh sát trưởng cùng những viên đạn súng săn của những gã chồng ghen tuông. Tôi đã tìm hiểu về họ qua những người phụ nữ trong gia đình, chứ không phải từ những người đàn ông, toàn là hội viên Hội Tam điểm và tin vào những hội kín của nam giới. Tuy nhiên, các cô, các dì của tôi nói về họ một cách hoan hỉ, rằng họ toàn là những người đàn ông cao lớn và vui tính, đã đối xử với họ rất tuyệt khi họ còn là những cô bé. Từ những lá thư của các chú, các cậu tôi, rõ ràng là họ vẫn coi các cô, các dì là những cô bé. Cho đến tận khi họ qua đời ở những nơi xa, mỗi mùa Giáng sinh, những người anh vôi vữa này lại gửi cho các cô em bé nhỏ một thời những tấm thiệp dễ thương, nguệch ngoạc những lời đảm bảo rằng họ sẽ sớm “trở về Mỹ để giúp các em treo vớ vào đêm Giáng sinh”.

Vậy là tôi đã dựa vào phụ nữ để tự giải thích những điều mình không hiểu về đàn ông, tôi nhớ lại một vài cô gái mình đã hẹn hò có chú, bác giống với em tôi. Mấy ông chú đó là chuyên gia ở một số ngành nghệ thuật vốn là sở thích giải trí của họ - một ông là

họa sĩ màu nước, một ông khác là vô địch giải gôn câu lạc bộ - và mỗi người đều đã chọn một nghề cho phép họ có thể dành nhiều thời gian cho sở thích của mình. Cả hai đều có duyên, nhưng bạn không thật sự biết rằng mình hiểu được gì sau khi nói chuyện xong với họ. Vì họ không kiếm đủ tiền từ công việc để theo đuổi sở thích, nên gia đình họ thỉnh thoảng lại phải gặp luật sư của hạt để giải quyết êm thấm các vụ rắc rối.

Bình minh là lúc bạn cảm thấy sẽ tìm ra cách giúp một người thân mà bạn nghĩ là cần sự giúp đỡ, ngay cả nếu người ấy không nghĩ thế. Khi mặt trời mọc, mọi thứ đều sáng lóa nhưng lại nhìn không rõ.

Sau đó, cách Wolf Creek khoảng mười chín cây số, hiện ra con đường rẽ vào hẻm núi Little Prickly Pear, nơi bình minh đến trễ. Trong bóng tối lơ nhờ đột nhiên quay trở lại, tôi quan sát kỹ con đường, tự nhủ với mình rằng: chết tiệt, em mình chẳng giống ai khác. Nó không phải chú của bạn tôi hay anh của vợ tôi. Nó là em trai tôi và là một nghệ sĩ, khi cái cần câu nặng một trăm hai mươi tám gram nằm trong tay thì nó là một nghệ sĩ lớn. Nó không phí thời gian với cây cọ hay đi học để chơi một trò chơi tốt hơn. Nó cũng không nhận tiền ngay cả khi nó rất cần. Nó không chạy trốn bất kỳ ai để đến bất cứ nơi nào, đến vòng Bắc cực lại càng không. Thật là xấu hổ khi tôi không hiểu nó.

Tuy nhiên, ngay cả trong nỗi cô đơn khi ở hẻm núi, tôi biết cũng có những người giống tôi, họ có những người em mà họ không hiểu nhưng vẫn muốn giúp đỡ. Chúng tôi có lẽ là “những người trông nom em trai”, chúng tôi sở hữu một trong những bản năng lâu đời nhất, có lẽ là vô ích nhất và chắc chắn là ám ảnh nhất. Bản năng này không cho phép chúng tôi ngoảnh mặt làm ngơ.

Khi tôi lái xe ra khỏi hẻm núi thì ánh sáng ban ngày đã ngập tràn. Tôi đi ngủ và đánh một giấc cho đến khi vợ tôi gọi. Jessie bảo: “Đừng quên anh sẽ đi với Florence và em ra ga đón Neal”.

Thật ra thì tôi không quên, nghĩ về hẳn, tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Thật tốt khi nhớ ra rằng có một thành viên mà gia đình vợ lo ngại, và thậm chí còn tốt hơn khi nhớ ra rằng đối với mình thì hẳn ta hơi buồn cười. Tôi cần phải cảm thấy nhẹ nhõm, một sự nhẹ nhõm đầy khôi hài và có vẻ chẳng tệ hơn bất cứ sự nhẹ nhõm nào khác.

Vợ tôi vẫn đứng ở cửa vì nghĩ rằng tôi sẽ lăn người qua rồi cố ngủ tiếp như mọi khi. Nhưng cô ấy đã phải ngạc nhiên khi thấy tôi nhảy khỏi giường và bắt đầu mặc đồ. “Sẽ vui đây” - tôi nói với Jessie. Jessie bảo tôi: “Anh thật khôi hài”, còn tôi thì hỏi lại: “Anh có gì khôi hài?”. Jessie đáp: “Em biết anh không thích anh ấy”. Tôi xác nhận: “Anh-không-thích-anh-ấy” một cách rõ ràng và trịnh trọng để phòng khi giọng tôi còn bị ngái ngủ. Jessie lặp lại: “Anh thật khôi hài”, rồi đóng cửa lại, sau đó mở hé cửa và nói: “Anh chẳng khôi hài đâu” - chữ “chẳng” của vợ tôi nghe cũng không giống ai.

Hẳn là người cuối cùng xuống tàu. Hẳn đi dọc theo sân ga và cố nhớ lại xem theo suy nghĩ của mình thì một tay vợt đẳng cấp quốc tế phải đi đứng thế nào. Có thể thấy rõ hẳn là hành khách đầu tiên và cuối cùng bước ra khỏi toa tàu Great Northern tại Wolf Creek, Montana, mà mặc quần trắng bằng vải flannel và hai áo len. Lúc đó là thời mọi người mặc áo len quần vớ đỏ-trắng-xanh, còn hẳn mặc áo len cổ chữ V đỏ-trắng-xanh bên ngoài áo len cổ lọ đỏ-trắng-xanh. Khi hẳn nhận ra chúng tôi là họ hàng và hẳn không thể là Bill Tilden hay F. Scott Fitzgerald, hẳn đặt vali xuống và thốt lên: “Ô”, đến tôi thì hẳn không nói gì cả. Sau đó, hẳn đưa má ra để chờ được hôn. Trong khi những người phụ nữ thay phiên nhau hôn hẳn thì tôi có dịp quan sát kỹ cái va-li của hẳn. Nó nằm cạnh đôi giày trắng đen thanh lịch của hẳn, các cạnh màu vàng rơm đã bắt đầu toác ra và một cái khóa không còn khóa được nữa. Giữa tay xách có hai chữ viết tắt F. M., là tên của mẹ vợ tôi trước khi lấy chồng. Khi mẹ vợ tôi trông thấy cái va-li, bà đã bật khóc.

Vậy là hắn đã trở về nhà với gần như y nguyên những gì hắn đã có khi rời Montana, bởi vì hắn vẫn dùng chiếc vali của mẹ mình và nhận thức về bản thân là một tay vợt cúp Davis, và lần đầu tiên xuất hiện ở Wolf Creek, nơi bạn không thể nhảy qua lưới mà không đáp xuống đám xương rồng.

Cho đến tám giờ rưỡi hay chín giờ tối hôm đó, hắn mới cố thu nhỏ mình lại để có thể lén ra khỏi cửa mà không ai nhìn thấy, nhưng Florence và Jessie đang đợi hắn. Vợ tôi không biết rào đón, vì thế, để tránh khỏi bị sai bảo, tôi đã đứng bật dậy và hộ tống hắn ra quán Dùi Cui, mặc dù đôi khi khó mà gọi nơi này là quán rượu được.

Quán Dùi Cui là một toa xe chở hàng đã được tháo hết bánh xe và đặt trên sỏi ở bên kia cây cầu bắc qua sông Little Prickly Pear. Ở bên hông của toa xe có biểu tượng của công ty hỏa xa Great Northern - một con dê núi đang nhìn xuống, trông qua bộ râu trắng của nó, nằm giữa một khung nền rực sắc đỏ. Đây là con dê duy nhất từng nhìn thấy đáy thế giới của nó luôn bị chiếm lĩnh bởi một chai whisky dán nhãn "3-7-77", là những con số mà các ủy viên trật tự đính lên áo những kẻ lục lâm đã bị họ treo cổ, có lẽ để thể hiện kích thước của ngôi mộ. (Các con số này được cho là rộng ba feet, dài bảy feet, và sâu bảy mươi bảy inch). Quầy rượu là một khúc gỗ được bửa đôi bởi một người dùng rìu không khéo lắm, có thể là chính lão Dùi Cui, nhưng khách hàng của lão thì lại giỏi hơn lão nhiều khi làm cho nó lên nước bóng loáng chỉ bằng cùi chỏ. Dùi Cui thấp người, run rẩy, và không bao giờ rời khẩu súng ru-lô cùng cây dùi cui nằm bên dưới quầy rượu. Răng lão xếu xáo, có lẽ là do uống thứ rượu whisky mình bán, vốn được nấu đầu đó trên quãng Sheep Gulch.

Mấy cái ghế ở phía trước quầy rượu được chế từ kiện hàng tạp phẩm. Khi tôi và Neal bước vào, hai kiện gỗ đã có người ngồi, cả hai đều là những nhân vật từ lâu đã quen thuộc với con dê núi Great Northern. Một người được gọi là Cung Dài, bởi vì ở vùng

một thời là đất của người da đỏ này, bất cứ ai đạt đến nghệ thuật nói trạng về chiến tích săn thú và bắn súng của mình đều được gọi là “kéo cây cung dài”.

Tuy vậy, một lần được chứng kiến anh ta bắn súng, bản thân tôi không bao giờ hòa theo lối nghĩ là anh ta nói trạng về khả năng bắn súng của mình. Tôi đã thấy một người bạn của anh ta tung năm viên thuốc aspirin lên trời và ngay lập tức, chúng vỡ tung thành năm bông hoa trắng nhỏ sau năm phát đạn vang lên gần như cùng lúc.

Tôi cũng chắc rằng anh ta có thể thách thức tay vô địch của trại chăn nuôi Sieben trong trò bắn súng của mình. Đồng cỏ Sieben là một trong những đồng cỏ tốt nhất của vùng Tây Montana, kéo dài suốt từ thung lũng Helena đến Lincoln và xa hơn nữa. Chủ trại, Jean và John Baucus, đã kể về một người chăn cừu thân tín mà họ đã từng phải đưa vào bệnh viện. Tình trạng của anh ta xấu đi nhanh chóng. Họ không thể cởi đồ lót của anh ta ra, vì anh ta mặc quá lâu nên lông mọc xuyên qua vải. Cuối cùng, họ phải nhổ lông anh ta giống như nhổ lông gà vậy, và cuối cùng, đồ lót của anh ta rơi ra, da tróc ra theo. Ở ngực áo phanh đến tận bụng của Cung Dài, bạn có thể thấy lông đâm ra ngoài đồ lót.

Trên kiệu gỗ ở đầu bên kia của quầy rượu là một nhân vật nữ được lũ dê suốt dọc tuyến đường sắt Great Northern gọi là Da Sóng Cũ. Cách đây khoảng mười năm, vào dịp kỷ niệm Quốc khánh, cô ả đã được bình chọn là hoa hậu vùng Wolf Creek. Cô ả đã cưỡi ngựa không yên và đứng hẳn lên lưng ngựa khi đi qua các cư dân, đa số là nam giới, đứng dọc hai con đường của Wolf Creek. Váy cô ả bay cao, và ả đã thắng cuộc thi. Nhưng do không có những phẩm chất cần thiết để trở thành một kỵ sĩ chuyên nghiệp, cô ả đã sống bằng nghề tiếp sau mà bản thân vốn có sở trường. Tuy nhiên, ả vẫn còn mặc váy quần của các nữ kỵ sĩ miền Tây vào thời đó, mặc dù trang phục này hẳn sẽ trở thành vô dụng đối với cái nghề mới của ả.

Mặc dù mang tiếng là một thị trấn nhỏ nhưng Wolf Creek hiện ra lù lù trên bản đồ. Nó đóng góp hai nhân vật nổi tiếng gần như toàn quốc, một người vật ngã được bò mộng còn người kia quăng thòng lọng siêu hạng. Hai nghệ sĩ địa phương này biểu diễn ở hội chợ hạt suốt mùa hè và đủ khả năng kiếm được năm, sáu trăm đô-la một mùa, tất nhiên đã trừ chi phí bệnh viện. Da Sống Cũ không có ý định sống hết phần đời còn lại làm một vận động viên đầy thất vọng, vì thế, cô ả sống với gã quăng thòng lọng một mùa đông và với tay vật bò mùa đông tiếp theo. Thi thoảng, vào cuối mùa thu, khi thấy mùa đông tới có vẻ khắc nghiệt, cô ả sẽ cưới một trong hai người, nhưng hôn nhân không phải là niềm hạnh phúc tự nhiên của Da Sống Cũ, trước mùa xuân, cô ả sẽ tặng tịu với người kia. Việc tặng tịu này làm bộc lộ những phẩm chất lâu dài và bền vững của Da Sống Cũ; không như hôn nhân, có thể trông mong những phẩm chất này sẽ kéo dài qua tất cả các mùa đông.

Vào các mùa hè, khi các nghệ sĩ của cô ả đang sống bằng bánh hot dog ở các hội chợ hạt và bị húc thủng ruột khi vặn cổ bò thì Da Sống Cũ ngồi mọc rễ ở quán Dùi Cui, hạ mình mỗi chài các tay câu cá lạc bước. Đa số họ là những người câu cá bằng mồi sống và bằng lưỡi câu chùm đến từ Great Falls, vì thế đối với cô ả, cũng như đối với phần còn lại của thế giới, cuộc đời lăm lức lên voi xuống chó. Tuy nhiên, ở ả ta không thấy rõ những tác động của cuộc sống. Giống với nhiều tay kỳ siêu hạng, cô ả khá nhỏ nhắn nhưng rất dẻo dai và rất khỏe, đặc biệt là đôi chân. Cô ả đủ dãi dầu để xứng với biệt danh của mình, nhưng trông không già hơn nhiều so với tuổi ba mươi của mình - ba mươi năm chủ yếu sống bên ngựa cùng những người cưới ngựa, và môi trường thể thao của Great Falls.

Ngay cả khi cô ả và Cung Dài cùng ngồi ở quầy rượu thì họ cũng ngồi ở hai đầu bàn để những tay câu cá lang bạt kỳ hồ phải ngồi ở giữa và đãi rượu họ.

Đó là nơi tôi và Neal ngồi khi chúng tôi bước vào. “Chào Cung Dài” - Neal nói và bắt tay anh ta. Cung Dài không thích cái tên đó, mặc dù anh ta biết mọi người gọi như vậy sau lưng mình, nhưng đối với Neal thì anh ta đơn giản chỉ là Cung Dài. Sau vài ly 3-7-77, Neal bắt đầu khoác lác rằng tài bắn súng, săn thú, đặt bẫy của hắn còn hơn cả người đánh bẫy của chính phủ.

Có điều gì đó sâu thẳm bên trong Neal thúc ép hắn phải khoác lác trước các chuyên gia trong lĩnh vực đó, họ biết tổng rằng hắn đang nói khoác. Hắn là loại người cần bị lật tẩy khi đang nói khoác.

Còn đối với Da Sống Cũ thì Neal chưa nhìn tới. Tôi đã hiểu ra mảnh khõe đầu tiên trong việc của gái của Neal là phớt lờ họ, và bắt đầu nhận ra rằng đó thật là một mở đầu hiệu quả.

Tấm gương phía sau quầy rượu trông như một tấm đá bùn thời tiền sử được mài bóng và có những gợn sóng trên mặt. Neal nhìn gương liên tục, rõ ràng là bị mê hoặc bởi hình ảnh méo mó của chính mình, vẫn còn sống - đang đãi rượu mọi người và giành nói một mình, không nghe ai nói. Tôi cố phá vỡ thế độc tôn đó bằng cách nói chuyện với Da Sống Cũ đang ngồi kế tôi, nhưng cô ả chỉ chú ý khi bị phớt lờ, do đó ả phớt lờ tôi.

Cuối cùng, tôi lắng nghe, vì sẽ chẳng có ai lắng nghe tôi nói, mặc dù tôi chưa đi đến chỗ đãi rượu mọi người. Neal đã theo dấu một con rái cá và đàn con của nó lên tận đèo Rogers, nơi nhiệt kế chính thức ghi nhận âm 56,5 độ C. Trong khi hắn lần theo con rái cá thì tôi cố lần theo giống loài của nó qua mô tả của hắn. Hắn bảo: “Tôi đã gặp nhiều khó khăn khi lần theo nó, bởi vì lông nó chuyển thành màu trắng vào mùa đông”, (vậy hắn nó phải lai chồn ermine). Hắn kể sau khi đuổi nó leo lên cây: “Nó vươn người ra trên cành cây thấp, chuẩn bị phủ xuống con nai đầu tiên đi qua”, (vậy nó hắn phải lai sư tử núi. Nó cũng phải lai rái cá, bởi vì nó biết giễu cợt và cười nhạo hắn). Nhưng chủ yếu nó là

loài 3-7-77, bởi vì nó là loài thú duy nhất ở miền Tây Montana, ngoài loài người, đẻ con vào mùa đông. “Bọn rái cá con chồi đập ngay trong áo tôi” - Hấn nói, vén hai cái áo len đỏ-trắng-xanh lên cho chúng tôi thấy cái áo sơ mi.

Cung Dài gõ nhẹ phần đế dày của cái ly không trên mặt quầy rượu, không nói lời nào vì sợ có vẻ khiếm nhã. Nhưng Da Sống Cũ không thể nhịn nói lâu hơn được nữa, dù là gì chẳng nữa. Cô ả ngả người qua trước mặt tôi, nói vào một bên mặt của Neal: “Này, Anh Giai, bọn rái cá làm gì trên đỉnh của Phân tuyến lục địa vậy? Tôi nghĩ là rái cá bơi ở các lạch nước và chơi đùa trong bùn chứ?”.

Neal ngừng giữa câu và nhìn vào gương, cố nhận ra một hình ảnh méo mó khác với hình ảnh của kẻ đã kể câu chuyện. “Hãy uống thêm một ly nữa” - Hấn nói với tất cả những hình ảnh méo mó. Sau đó, lần đầu tiên hấn chính thức nhận ra một người phụ nữ đang hiện diện không phải bằng cách nhìn vào hình ảnh trong gương, mà là nhìn vào Dùi Cui bằng xương bằng thịt đứng sau quầy rượu, và ra lệnh: “Rót cả cho cô ta nữa”.

Da Sống Cũ nắm bàn tay lại khi ly rượu được đưa vào tay, nhưng vẫn tiếp tục nhìn gương mặt nhìn nghiêng của Neal. Ở thị trấn của các trang trại Wolf Creek, cô ả và con dê hăng Great Northern có lẽ chỉ thấy một vài gã đàn ông khác có khuôn mặt trắng xanh và đôi mắt trũng.

Khi tôi dợm nhắc người ra khỏi cái thùng gỗ để giữ lời hứa về nhà sớm, thì Cung Dài nói: “Cảm ơn”. Do tôi chưa từng đãi một ly rượu nào trong suốt buổi tối đó, nên tôi biết anh ta hẳn đang cảm ơn tôi vì để ông anh vợ lại. Ngay khi tôi vừa nhắc mông lên khỏi cái thùng, Da Sống Cũ liền chuyển sang đó ngồi để gần Neal hơn. Cô ả nhìn chăm chăm vào bộ mặt nghiêng của Neal, và mùi tình tứ toát ra từ thịt da cô ả.

Trên đường đi ra, tôi ngoái lại nói với Neal: “Đừng quên, anh sẽ đi câu cá vào sáng mai đấy”. Hẳn cũng ngoái ra sau và hỏi: “Cái gì?”.

Paul đến Wolf Creek sớm vào sáng hôm sau như đã nói. Mặc dù tôi và nó được tự do khi đã trưởng thành, song chúng tôi không bao giờ vi phạm nền giáo dục tôn giáo thuở thiếu thời: luôn luôn đi nhà thờ, đi làm và đi câu đúng giờ.

Florence đón nó ở cửa với vẻ đầy lo lắng: “Cô xin lỗi, Paul, nhưng Neal chưa dậy. Nó về nhà trễ”.

“Cháu thậm chí còn không ngủ đêm qua. Đánh thức anh ấy dậy đi, Florence”.

“Nó không được khỏe”.

“Cháu cũng không khỏe, nhưng cháu sẽ đi câu trong vài phút nữa”.

Họ nhìn nhau chăm chăm. Không bà mẹ Scotland nào thích bị bắt gặp có một đứa con trai lười biếng mê ngủ, và không có người câu cá Scotland nào lại muốn đứng chờ một người bà con không dậy nổi vì đêm qua say rượu. Mặc dù người Scotland làm ra whisky, nhưng họ cố không công nhận sự tồn tại của cơn mệt sau uống rượu, đặc biệt là trong gia đình. Thông thường, đây hẳn sẽ là một cuộc đấu không phân thắng bại giữa em trai tôi và mẹ vợ tôi, nhưng trong trường hợp hiếm gặp này, một phụ nữ Scotland không thể nghĩ ra một lời nào để bênh vực con trai mình, vì thế bà phải đánh thức hẳn dậy, mặc dù chỉ làm chiếu lệ thôi.

Chúng tôi chậm rãi chất hàng lên chiếc xe tải nửa tấn của Kenny, một đứa em vợ vẫn còn ở Wolf Creek. Ba người phụ nữ đã trải một tấm nệm cũ ở phần râm của thùng xe, sau đó họ đặt lên nệm người bà con sống ở Bờ Tây của họ. Sau khi đã tìm ra chỗ để món salad khoai tây, lò nướng và dụng cụ câu cá, sáu người chúng tôi

cố gắng thoải mái nhưng tuyệt đối không quấy rầy cái nệm.

Gần như toàn bộ năm cây số đầu tiên của con đường dẫn đến Elkhorn chạy song song với sông Missouri, bắt đầu khi nó xuất hiện từ khe núi khổng lồ mà Lewis và Clark gọi là Cửa vào các ngọn núi. Mặc dù dòng nước vẫn còn trong khi chảy thêm vài dặm xuống phía dưới, nhưng đất bắt đầu chuyển đỏ ngay khi dòng sông đổ ra khỏi các ngọn núi. Con đường kết thúc ở ngay dưới khe núi đen, nơi dòng Elkhorn đổ vào sông Missouri. Cũng như hầu hết những con đường đất chạy men theo sông Missouri, con đường toàn bụi xám và các rãnh thoát nước. Những rãnh thoát nước này chạy ngang đường không làm cho sức khỏe của Neal khá hơn, và bụi xám sẽ biến thành bùn nhão khi mưa xuống.

Kenny, em của Jessie hiện sống ở Wolf Creek, cũng giống như hầu hết những người sống ở các thị trấn với hai con đường - nó có thể làm được gần như mọi việc. Nó có thể lái chiếc xe tải nửa tấn xuyên qua vùng đất khó mà tìm được lấy một chiếc xe thô, và nó đã cưới Dorothy, một y sĩ có chứng chỉ hành nghề. Cô ta đậm người, khỏe mạnh, được đào tạo chuyên ngành hộ lý chăm sóc hậu phẫu. Các chủ trại bị thương lòi ruột sẽ một tay bùm ruột, một tay lái xe từ vùng quê vào thị trấn để tìm “y sĩ có chứng chỉ” khâu bụng lại. Florence và Jessie đều tham gia vào ngành y ở các mức độ khác nhau, và ba người bọn họ được coi là trung tâm y tế của vùng Wolf Creek. Giờ đây, ba người phụ nữ chúi đầu trên tấm nệm cũ, trên thực tế, tạo thành một đội chăm sóc tập trung.

Ken thân với tất cả các cư dân của Wolf Creek và hầu hết các chủ trại ở vùng xung quanh, đặc biệt là những người gốc Scotland. Họ là những người đến miền Tây sớm và sớm biết cách chăn nuôi gia súc trong khí hậu lạnh giá của núi cao. Đó là lý do chúng tôi được phép câu cá ở Elkhorn. Jim McGregor sở hữu vùng này, thậm chí đến cả dòng nước đầu nguồn, và mỗi hàng rào đều gắn bảng, theo thứ tự từ trên xuống, với các dòng chữ: “Không săn

bắn”, “Không câu cá”, và cuối cùng bổ sung thêm: “Cắm vào”. Kết quả là ông ta dành đồng cỏ cho cả bò lẫn nai sừng tấm, nhưng ông ta tính toán rằng làm vậy còn rẻ hơn là mở cửa đồng cỏ cho các tay thợ săn từ Great Falls sang, vì họ không phân biệt được bò và nai sừng tấm.

Một điều đặc biệt về con đường qua đồng cỏ là nó càng mờ nhạt bao nhiêu thì lại càng đi gần với lũ bò bấy nhiêu. Nó chỉ còn là hai vệt bánh xe chạy ngoằn ngoèo lên đỉnh dốc, sau đó nó lại ngoằn ngoèo qua bấy nhiêu khúc cua để xuống sông Elkhorn, vốn chỉ là một khúc quanh của rặng liễu và dòng nước uốn khúc qua đám cỏ cao cho đến khi ngọn núi mở ra và rặng liễu biến mất. Ở đỉnh dốc, hai vệt bánh xe vẫn đọng bụi xám, và những đám mây đen tụ lại trên những ngọn núi đen trên đầu.

Paul nhảy ra khỏi chiếc xe tải ngay khi nó dừng tại đáy thung lũng. Nó cầm cần câu, đoạn cước nối và hộp mồi giả trước khi tôi có thể thoát khỏi chỗ ngồi tồi tệ giữa Dorothy và Jessie. Hai người phụ nữ níu chặt tay tôi, thì thầm: “Chẳng lẽ anh lại đi, bỏ lại anh của bọn em sao”. Ngoài ra, tôi còn phải nhảy lò cò một lúc, bởi vì một chân bị tê cứng do bị chèn ép.

Vào lúc đó, Paul ngoái lại bảo: “Em sẽ đi xuôi xuống ba cái vũng và câu lên phía thượng nguồn. Anh tản ra và câu xuống hạ nguồn cho đến khi chúng ta gặp nhau”. Rồi nó đi mất.

Một lý do khiến Paul câu được nhiều cá hơn bất cứ ai khác đó là vì nó thả mồi chạm nước nhiều hơn bất kỳ ai. Nó cho biết: “Anh à, ở Montana, cá không đớp mồi trên không. Ở đây, anh không thể câu cá khi mồi giả ở trên không”. Bộ đồ câu của em trai tôi đã sẵn sàng ngay khi nó bước ra khỏi xe. Paul bước nhanh, nó ít khi phí thời gian thay mồi mà dành thời gian thay đổi độ sâu thả mồi hay là cử động giật mồi, nếu phải thay mồi thì nó sẽ cột dây với tốc độ của một cô thợ may, và còn nhiều mẹo khác. Thời gian mồi của nó ở dưới nước nhiều hơn tôi ít nhất là hai mươi phần

trăm.

Tôi nghĩ còn có một lý do khác khiến hôm nay nó muốn tách khỏi tôi càng nhanh và càng xa càng tốt - nó không muốn tôi nói chuyện với nó về đêm hôm trước.

Ken nói nó sẽ đi lên phía thượng nguồn để câu cá ở các đập hải ly. Nó thích các đập hải ly vì biết cách câu ở đó. Thế là nó vui sướng biến đi, lội bì bõm trong bùn sông và len qua các bụi cây rồi tuột xuống các đồng cành cây lung lay được gọi là đập hải ly; rồi cuối cùng trở về với một giỏ đầy cá và một nùi tảo biển quán quanh cổ. Jessie lại bấu tay tôi và cảnh cáo một cách ngắn gọn: “Đừng bỏ anh trai em”. Tôi xoa cánh tay rồi bắt gã anh vợ đi trước để hấn không trốn thoát được ngay. Chúng tôi đi xuống con đường mòn vòng qua khúc quanh đầu tiên, nơi nhánh sông hiện ra từ đám liễu và chảy xuyên qua trảng cỏ. Sau đó, bước chân hấn bắt đầu loạng choạng và cố ý làm ra vẻ đáng thương. Hấn nói: “Tôi vẫn chưa khỏe. Có lẽ tôi sẽ dừng ở đây và câu cá ở trảng cỏ”. Do khúc quanh của nhánh sông, mọi người không thể nhìn thấy hấn, và nếu hấn quay trở lại thì chỉ phải đi có vài trăm mét.

“Tại sao lại không?” - Tôi buột miệng và biết rằng đó là câu hỏi ngu ngốc vừa được thốt ra.

Mặc dù giờ này Paul hấn đã câu được ba, bốn con cá, còn tôi vẫn phải bỏ thời giờ bước xuống con đường mòn, cố bỏ lại thế giới ở phía sau mỗi bước chân của mình. Có một điều gì đó tiềm ẩn bên trong những người câu cá thôi thúc làm cho việc câu cá trở thành một thế giới hoàn hảo và riêng biệt - tôi không biết điều đó là gì và nằm ở đâu, bởi vì đôi khi nó ở trong cánh tay tôi, đôi khi ở trong cổ họng, lại có lúc không nằm ở cụ thể nơi nào, mà ở sâu thẳm trong lòng. Nhiều người trong chúng tôi lẽ ra đã trở thành những người câu cá giỏi hơn nếu không dành quá nhiều thời gian để quan sát và chờ đợi thế giới đó trở nên hoàn hảo.

Thứ khó lòng bỏ lại phía sau nhất, như tình cảnh của tôi hiện nay, có thể tạm gọi là lương tâm.

Tôi có nên nói với em tôi về những gì đã xảy ra tối hôm trước không? Tôi gọi điều đó một cách mơ hồ là “những gì đã xảy ra tối hôm trước” để không phải hình dung ra nó, đặc biệt là cái bàn tay cầm cần câu. Ít nhất, tôi có nên đề nghị giúp nó ít tiền, nếu nó phải bồi thường các hư hại? Tôi cứ miên man nghĩ về những cách hỏi mới cho câu hỏi xưa cũ này, vốn giờ đây được đóng khung bởi cặp chân vũ công xoải ra trên nền phòng giam, cho đến khi những câu hỏi về lương tâm cuối cùng lại biến mất, như mọi khi, mà không có câu trả lời nào. Tôi vẫn chưa biết tôi có quyết định nói chuyện với em trai mình hôm nay hay không.

Tuy nhiên, tôi vẫn lo lắng về một điều gì đó, bất kể là gì, cho đến khi tôi quay ngược lại trên con đường mòn và đi trở lại trắng cỏ để có thể nói rằng tôi đã quyết tâm phải nói.

Bên kia trắng cỏ là một con đập và phía trên nó là một cái vũng lớn xanh ngắt. Neal đang ngồi gà gật trên một tảng đá, lon cà phê Hills Bros. đỏ nằm bên cạnh hắn. Cổ hắn cúi xuống, trông xanh xao, phơi ra ngoài nắng và chẳng bao lâu, đỏ lựng như màu lon cà phê.

“Anh đang làm gì vậy?” - Tôi hỏi.

Tôi cho hắn một ít thời gian để nghĩ ra câu trả lời. “Tôi đang câu cá” - Cuối cùng hắn nói. Sau đó, hắn cố trả lời một lần nữa cho chính xác hơn: “Tôi đang câu cá và cảm thấy không khỏe”.

“Vùng nước lặn này thường không có cá, đúng không?” - Tôi hỏi khác.

“Tại sao” - Hắn nói tiếp - “Hãy nhìn mấy con cá dưới đáy vũng kia”.

“Mấy con đó là cá đác^[20] và cá mút^[21]” - Tôi trả lời hắn mà không thèm nhìn.

“Cá mút là cá gì?” - Hắn hỏi và trở thành người gốc Montana đầu tiên ngồi trên một tảng đá mà hỏi cá mút là gì.

Ở cái vũng bên dưới hắn là một mớ nhỏ màu hồng, chắc hắn là con trùn bị một cái lưỡi câu xuyên qua thân. Trên đoạn cước nối, ngay phía trên con trùn, có hai cái hột màu đỏ, rõ ràng là được cột ở đó để trang trí. Mớ trùn và hai cái hột đỏ lủng lẳng cách con cá mút gần nhất khoảng tám phân. Chẳng con cá nào động lòng, người câu cá cũng vậy, mặc dù cả hai phía đều nhìn nhau trên trời.

“Anh có muốn lúc nào đó đi câu cá mỗi giả với tôi và Paul không?” - Tôi hỏi.

“Cám ơn, nhưng không phải bây giờ”.

“Ờ, vậy thì hãy保重 và chúc vui vẻ”.

“Tôi đang vui đây”.

Tôi lại bước xuống con đường mòn với suy nghĩ sai lầm là lẽ ra tôi đã có thể làm được điều gì hay ho khi quay trở lại gặp anh vợ tôi. Tuy nhiên, đám mây lớn bay ra từ lối vào dãy Rocky tiếp tục nói với tôi rằng mặc dù tôi cố tìm những phút giây hoàn hảo, nhưng tôi sẽ không tìm thấy vào ngày hôm nay, và rằng tôi sẽ không câu được nhiều cá trừ phi tôi không lờn vờn ở quanh đây.

Tôi rẽ khỏi con đường mòn tại trảng cỏ tiếp theo, và lẽ ra đã có thể câu đủ định mức đưa ra ở hai hay ba cái vũng. Do Jim McGregor chỉ cho phép vài người câu cá đến nhánh sông nhỏ này thôi, nên nó đặc cá mà có lẽ không bao giờ lớn hơn mười lăm phân.

Tôi chỉ gặp một vấn đề khi câu cá và nó chỉ kéo dài trong vài lần câu đầu. Có một cái ngạnh ở cuối lưỡi câu, và trừ phi lưỡi câu ăn vào miệng hay hàm cá đủ sâu để dính ngạnh, còn nếu không thì con cá sẽ rách mép và vượt khỏi lưỡi câu. Vì thế, ngay khi cá đớp mồi, ta phải giật dây câu ngay, dù là trực tiếp bằng tay trái hay bằng cần câu bên tay phải. Thời điểm và độ mạnh phải hoàn hảo - quá sớm hay quá trễ, quá yếu hay quá mạnh đều làm cho con cá đau môi trong vài ngày, nhưng có thể sẽ sống lâu hơn để tinh khôn hơn.

Tôi buông mồi quá nhanh đến nỗi tôi giật mồi lên trước khi chúng kịp đớp mồi. Mỗi loại cá hồi khác nhau có một tốc độ ăn mồi khác nhau, và thời điểm chính xác để giật mồi sẽ thay đổi theo dòng chảy và thậm chí theo thời tiết và thời gian trong ngày. Tôi đã câu cá quá lâu ở dòng nước xiết của sông Blackfoot Lớn, nơi loài Cầu Vòng lớn xuất hiện từ phía sau lũy đá lớn. Những chủ trại đầu tiên đã thả xuống nhánh sông Elkhorn giống cá Hồi Suối Miền Đông, và đúng như tên của mình, chúng là loài trầm lặng hơn.

Một khi đã không giật ngay thì tôi chẳng còn buồn giật mồi nữa. Trông chúng thật đẹp - lưng đen trũi, thân điểm những đốm vàng và cam, bụng đỏ nổi với vây bụng đỏ viền trắng. Chúng là những hòa sắc vốn thường được vẽ trên những cái đĩa gỗ. Nhưng chúng chỉ là những đối thủ tầm tầm và ta có cảm giác chúng là những con cá chình vì chúng quá nhỏ. Ngoài ra, tên của chúng chống lại chúng, vì ở Tây Montana, từ “suối” không thường được coi là đồng nghĩa với “nhánh sông”.

Đột nhiên tôi tự hỏi không biết giờ này em tôi đang làm gì, bởi vì tôi biết chắc chắn nó chẳng phí công câu mấy con cá Hồi Suối Miền Đông cỡ mười lăm phân làm gì. Nếu tôi muốn theo kịp nó, tốt hơn tôi nên bắt đầu cố câu vài con Quái vật Nâu từ sông Missouri ngược dòng lên đây.

Câu cá là một thế giới được tạo ra tách biệt với tất cả các thế giới khác, và bên trong nó là những thế giới đặc biệt của riêng nó - một trong số đó là câu những con cá to sống trong dòng nước nhỏ, nơi không có đủ không gian và nước để cá và người câu cá thỏa sức vùng vẫy, và rặng liễu bên bờ con suối cản trở người câu cá.

Tôi dừng lại, rửa mấy con cá Hồi Suối Miền Đông, và xếp chúng trong giỏ giữa các lớp cỏ dại và lá bạc hà. Trông chúng đẹp hơn những con cá được vẽ trên đĩa. Sau đó, để chuẩn bị cho cuộc chơi lớn, tôi thay một sợi cước trong chụm được 4,6kg và mỗi giả số sáu. Tôi bôi sáp vào mười mét dây câu đầu tiên để đề phòng nó đã ngấm nước và không nổi, nhìn lại lần cuối mấy con cá Hồi Suối Miền Đông nằm trong đám lá bạc hà, rồi từ biệt thế giới của những con cá nhỏ.

Một bóng tối khổng lồ với đám mây lớn phía sau trùm lên tôi khi đang băng qua trắng cỏ. Hẻm núi Elkhorn sâu và hẹp đến nỗi một đám mây đen, hay nó cộng với một phần của đám mây tiếp theo, cũng có thể che phủ bầu trời. Đám mây đen có thể bay qua và mặt trời tiếp tục chiếu sáng hay tiếp theo nó là những đám mây còn đen hơn. Từ đáy hẻm núi, không có cách nào biết được đám mây nào sẽ bay đến, nhưng tôi có cảm giác trời sẽ không có nắng.

Bất chợt, vô số cá bắt đầu nhảy đến nỗi trông như những giọt mưa sớm cực lớn vừa sa. Khi cá bắt đầu nhảy như thế này, có điều gì đó đang diễn ra đối với thời tiết. Vào giây phút đó, thế giới là một bản giao hưởng của dòng Elkhorn, loài cá Hồi Nâu huyền thoại, thời tiết và bản thân tôi, và trong tôi chỉ còn tồn tại những suy nghĩ về nhánh sông Elkhorn, thời tiết và loài cá huyền thoại có thể chỉ tồn tại trong trí tưởng tượng của tôi.

Dòng Elkhorn trông đúng như tính chất của nó - một khe nứt trên mặt đất đánh dấu nơi dãy Rocky kết thúc và nơi khởi đầu

Đồng bằng Lớn. Những ngọn núi khổng lồ có sườn đen sẫm, trên đó mọc những cá thể gần như cuối cùng của loài thông núi. Sườn phía đông của chúng chuyển sang màu nâu và vàng, nơi những đám cỏ cao bình nguyên bắt đầu mọc, nhưng thi thoảng lại có những chấm đen là những cây thông lìa bầy ngoài lại phía sau lần cuối. Giống cá Hồi Nâu huyền thoại và hẻm núi hòa hợp với nhau trong những suy nghĩ của tôi. Giống cá hồi có lẽ có thực và nằm ngay trong tầm tay này rất to, lưng đen trũi, hai bên sườn màu vàng và nâu, có những chấm đen và vây viền màu trắng. Cả dòng Elkhorn lẫn giống cá Hồi Nâu đều nửa đẹp nửa xấu.

Tôi lội qua 150 đến 200 mét mặt nước, nơi những con “Hồi Suối” nhỏ vẫn còn nhảy như mưa sa và cuối cùng, đến một quãng sông đẹp, không có một con cá nào nhảy nhót. Ở đầu của một cái vũng, dòng nước rẽ làm hai tại một tảng đá lớn, xoáy ngược trở lại, trở nên sâu hơn, lắng lại, và cuối cùng trở thành dòng nước nông trôi lững lờ dưới rặng liễu. Tôi nghĩ sử dĩ không có cá nhảy ở dòng nước tuyệt đẹp này là vì chẳng có cá nhỏ. Hẳn phải có một con cá cụ giống như con hươu mộng với “bộ sừng hoàng đế”, vào mùa giao phối, đã đuổi tất cả các tình địch ra khỏi bãi.

Thông thường, sẽ tốt hơn nếu câu về phía thượng nguồn, để dòng nước được câu tiếp theo không bị khuấy đục, vì thế tôi bước trở lên bờ để lũ cá không trông thấy tôi và đi về phía thấp hơn của cái vũng, trước khi thả câu lần đầu. Vào lúc đó, tôi đã không còn tin vào lý thuyết con hươu mộng ở cái vũng này, nhưng đúng là tôi vẫn mong câu được một, hai con cá hồi suối ở vùng nước nông. Tôi di chuyển mà không khuấy động nước, đến chỗ nước sâu hơn ở phía thượng nguồn, nơi đám liễu bắt đầu xuất hiện và côn trùng từ trên cây rơi xuống nước.

Không có lấy một ánh bạc phản chiếu từ thân một con cá hồi đang vờn mồi, đột nhiên tôi nhận ra có gì đó không ổn. Tôi bắt đầu thắc mắc liệu có ai đã ném một thỏi thuốc nổ xuống vũng này và làm tất cả cá, trong đó có con cá cụ của tôi, chết phơi

trắng bụng không? Nếu còn có một con cá trong cái vũng này, thì chỉ có một chỗ duy nhất cho nó trốn - nếu nó không ở ngoài trống và không ở ngoài rìa của đám liểu - đó là ở dưới đám liểu. Tôi không thích thú gì trước cái viễn cảnh phải quăng câu vào đám liểu rậm rạp.

Cách đây nhiều năm, khi đó tôi đã gia nhập Kiểm lâm, vào cuối một mùa hè, tôi đi câu cá cùng Paul. Do lâu không đi câu, tôi đặc biệt cẩn thận chỉ quăng câu ở chỗ trống. Paul quan sát tôi câu cá ở cái vũng luôn dưới đám liểu cho đến khi nó ngứa mắt không chịu nổi.

Nó bảo tôi: “Anh à, anh không thể câu cá hồi trong bồn tắm. Anh thích câu ở mặt nước trống, có nắng vì anh là một người Scotland và sợ mất mỗi giả nếu quăng câu vào bụi rậm. Nhưng cá không tắm nắng. Bọn nó sống dưới những bụi rậm - vừa mát lại vừa an toàn trước những tay câu cá như anh”.

Khi cố chống chế, tôi lại càng làm lời chỉ trích của Paul trở nên có lý. Tôi phàn nàn: “Anh đã bị mất mỗi khi bị vướng vào đám bụi rậm”.

“Việc quái gì anh phải quan tâm?” - Em trai tôi hỏi - “Chúng ta đâu phải mua mỗi giả đâu. George luôn vui lòng bện thêm mỗi giả cho chúng ta mà. Không ai kiếm được một mẻ câu tốt mà không bị mất vài con mỗi giả trong bụi cây. Anh không thể câu được cá nếu không dám vào tận nơi chúng sống”.

“Đưa cần câu cho em” - Nó nói. Tôi nghĩ Paul lấy cần câu của tôi để tôi không cho rằng chỉ cần câu của nó mới quăng câu vào bụi cây được. Chính bằng cách này mà tôi đã hiểu ra cần câu của mình cũng có thể quăng câu vào bụi cây được, nhưng sự thật là tôi chưa bao giờ thuận thực việc này, có lẽ bởi vì tôi vẫn còn nhát tay vì sợ mất những con mỗi giả mà tôi chẳng phải tốn tiền mua.

Giờ đây tôi chẳng còn chọn lựa nào khác ngoài việc quăng câu

vào đám liễu, nếu tôi muốn biết tại sao cá lại nhảy tứ tung khắp xung quanh tôi, ngoại trừ ở cái vũng này, và tôi vẫn muốn biết bởi vì không còn là câu cá mỗi giả nếu bạn không luôn tò mò đi tìm câu trả lời cho những thắc mắc. Vì lâu không ném câu theo cách này, tôi quyết định luyện tập lại một chút, do đó tôi lúi xuống hạ nguồn rồi quăng câu vài lần vào bụi cây. Sau đó, tôi cẩn thận đi lên thượng nguồn đến nơi đám liễu rậm rạp hơn, bàn chân hết sức nhẹ nhàng để không làm đá sỏi kêu lạo xạo.

Dây câu bay cao và nhẹ nhàng khi vọt qua đầu tôi, ngược lại với khi trời có gió. Tôi rất phấn khích, nhưng vẫn giữ được bình tĩnh và kiểm soát được độ chính xác của cánh tay. Thay vì ra lực khi dây câu bắt đầu bay ra trước, tôi để nó bay tự do cho đến khi cái thước canh dọc trong mắt, não hay cánh tay gì đó bảo tôi rằng con mồi giả đã bay qua rìa của đám liễu gần nhất. Lúc đó tôi dừng phất tay cần, và nó bắt đầu rơi xuống theo chiều gần như thẳng đứng. Ba hay bốn mét rưỡi phía trước nơi con mồi đáp xuống, bạn có thể biết được cú quăng câu sẽ hoàn hảo hay không, và nếu cần thiết, vẫn có thể điều chỉnh một chút. Dây câu mềm và chậm đến nỗi ta có thể quan sát nó giống như làn khói bay lên từ ống khói lò sưởi. Một trong những nỗi rạo rức lạng lẽ của cuộc đời là tách ra khỏi cơ thể mình một chút để quan sát chính mình nhẹ nhàng trở thành tác giả của một điều đẹp đẽ, ngay cả khi chỉ là một làn khói mỏng bay lên.

Đoạn cước trong đáp xuống cành thấp nhất của một bụi cây và con mồi giả đứng đưa như quả lắc cách mặt nước khoảng một tấc, hay cũng có thể một tấc rưỡi gì đó. Để hoàn tất cú ném, tiếp theo tôi cần phải dùng cần câu rung dây câu để nếu dây câu không vướng vào bụi cây thì mồi giả sẽ rơi xuống mặt nước phía dưới. Có lẽ tôi đã làm như vậy, hoặc có thể con cá phóng lên khỏi nước và đớp con mồi đang nhún nhảy trên bụi cây. Đó là lần duy nhất tôi phải vật lộn với một con cá trong một bụi cây.

Người da đỏ thường hay đan giỏ bằng những cành liễu màu đỏ,

những cành này sẽ không bị gãy. Chỉ có cá hay người câu cá mới làm chúng gãy thôi.

Có một điều gì đó kỳ lạ, độc lập và thậm chí hơi hài hước xảy ra cho người câu cá to ngay sau khi một con cá to đớp mồi. Bên trong cánh tay, vai hay não của người câu cá to là một “cái cân”, và vào giây phút con cá to bị giật lên khỏi mặt nước thì người câu cá to, dù đang cực kỳ phấn khích, vẫn đặt cái cân dưới con cá và lạnh lùng cân. Anh ta không có đủ ba đầu sáu tay để làm mọi việc khác mà lẽ ra anh ta nên làm cùng lúc, nhưng anh ta cố gắng ước lượng tương đối chính xác trọng lượng của con cá để không bị thất vọng khi gỡ câu. Tôi tự bảo mình: “Thằng khốn kiếp này nặng đến ba, bốn ký”, và tôi cố tính đến một sự thật là có thể một phần sức nặng là do cành cây trĩ xuống nữa.

Bầu trời đầy lá vàng và những quả mọng màu xanh từ đám liễu rơi lả tả, nhưng các cành cây thì vẫn còn nguyên. Khi con Nâu lớn chuỗi lên khỏi bụi cây, nó làm rối dây ở mỗi cành cây mà nó đi qua. Nó đan bụi cây lại thành một mớ bòng bong với đầy các nút dẹt, nút ghề đơ và nút một vòng hai khóa.

Không có tai họa nào bất ngờ với thể xác và tâm hồn hơn việc để vượt mất một con cá to, bởi vì kết quả sau cùng là một sự chuyển đổi nhỏ giữa sự sống và cái chết. Nhưng với một con cá to, trong một khoảnh khắc, nó là trung tâm của thế giới, nhưng một tích tắc sau, nó đã biến mất. Chỉ có vậy. Nó đã vượt mất rồi. Con cá đã vượt khỏi tay còn trái tim bạn thì tan vỡ, chỉ còn lại một que củi nặng hai trăm tám mươi gram, ở đầu cột một sợi dây câu và một đoạn dây đan vọt trong mờ, ở cuối là một phân thép Thụy Điển nhỏ uốn cong, có cột một đoạn lông cổ gà.

Tôi thậm chí còn không hiểu nổi nó đã thoát thân bằng cách nào. Theo những gì tôi biết, có lẽ nó đã phóng thẳng lên bụi cây và tan thành mây khói.

Tôi lội ra phía bụi cây để xem có dấu hiệu thực nào còn lưu lại không. Có một đoạn nhợ câu vướng xung quanh, nhưng do tay tôi run quá nên không tháo được những đoạn rối phức tạp thít lấy những cành cây.

Ngay cả Moses có thể còn run hơn khi bụi cây phủ lên người cậu^[22]. Cuối cùng, tôi tháo đoạn cước trong khối dây câu và bỏ mớ dây rối vướng trong đám liễu.

Các nhà thơ nói về “khoảnh khắc”, nhưng chính những người câu cá mới thật sự trải nghiệm sự vĩnh hằng được nén lại thành một khoảnh khắc. Không ai thật sự biết khoảnh khắc là gì cho đến khi toàn bộ thế giới bất chợt kết tinh vào một con cá và con cá đột nhiên biến mất. Tôi sẽ nhớ mãi thằng khốn kiếp ấy.

Một giọng nói đột ngột vang lên: “Con cá to đấy”. Đó có thể là giọng nói của em trai tôi, cũng có thể là của con cá từ không trung bay trở lại và khoác lác về chính mình sau lưng tôi. Tôi quay người lại và bảo với Paul: “Anh đã để vuột mất nó”. Nó đã chứng kiến tất cả, vì thế, nếu tôi biết điều gì khác thì hẳn tôi đã kể với nó. Nhưng thay vì vậy, tôi lặp lại: “Anh đã để vuột mất nó”. Tôi nhìn xuống đôi bàn tay, và lòng bàn tay ngửa lên như thể đang cầu xin.

“Không thể làm được gì hơn” - Em tôi nói - “Anh không thể câu cá to trong bụi rậm. Thật ra, em chưa thấy ai cố làm như vậy trước đây”.

Tôi hiểu nó đang cố an ủi tôi, đặc biệt là khi tôi không thể dằn lòng không dòm mấy cặp đuôi nâu tổ bố với những chấm đen khổng lồ lộ ra khỏi cái giỏ câu của nó. “Em đã câu mấy con cá của em như thế nào?” - Tôi hỏi. Tôi rất kích động, và hỏi bất cứ điều gì tôi muốn biết.

“Em câu nó ở dòng nước nông, quang đãng, ở nơi không có bụi

cây”.

“Những con cá to như vậy ở chỗ nước nông và quang sao?”.

“Đúng, những con Nâu lớn. Mọi người quen câu bọn Cầu Vòng ở dòng nước lớn. Nhưng bọn Nâu lớn thường kiếm ăn dọc theo bờ của các trảng cỏ, nơi có châu chấu và thậm chí cả chuột nhắt rơi xuống nước. Nên đi dọc dòng nước nông cho đến khi ta có thể thấy những cái lưng đen trôi lên khỏi nước và bùn bị vẩn lên”.

Điều này càng làm tôi mất tinh thần hơn. Tôi nghĩ rằng mình đã câu một cách hoàn hảo và đúng theo cách em trai tôi đã chỉ, trừ việc nó không nói trước với tôi là phải làm gì khi một con cá phóng lên cây. Đó là một rắc rối của việc quần quanh một bậc thầy - kẻ mà bạn học được một điều gì đó từ anh ta, ví dụ cách quăng câu vào một bụi cây, nhưng bạn lại sử dụng chiêu này khi bậc thầy ấy thì làm ngược lại.

Tôi vẫn còn bị kích động. Vẫn còn một khoảng trống rất lớn bên trong tôi cần phải lấp đầy và một lời đáp cho một câu hỏi khác. Cho đến trước khi bật ra câu hỏi, tôi vẫn chưa biết phải hỏi thế nào. “Anh có thể giúp em tiền hay bất cứ điều gì không?” - Tôi hỏi.

Hoảng hốt trước lời mình vừa thốt ra, tôi cố gắng trấn tĩnh nhanh. Thay vì vậy, tôi lại càng làm cho sai lầm trở nên trầm trọng hơn. “Anh nghĩ em có thể cần giúp đỡ vì chuyện đêm hôm trước”.

Sợ Paul có thể hiểu lầm ý tôi về chuyện đêm hôm trước thành về cô bạn gái da đỏ của nó, tôi đổi đề tài: “Anh nghĩ có thể em sẽ tốn nhiều tiền để sửa lại cái đầu xe sau cái đêm đuổi theo con thỏ”. Bây giờ thì tôi đã phạm ba sai lầm.

Paul hành động như thể cha chúng tôi đề nghị đút cho nó ăn một bát cháo bột yến mạch. Nó cúi đầu yên lặng cho đến khi chắc

chấn là tôi sẽ không nói điều gì nữa. Sau đó nó nói: “Trời sắp mưa rồi”.

Tôi liếc nhìn bầu trời. Tôi đã quên bằng bầu trời kể từ khi cả thế giới sà xuống không cao hơn bụi cây. Tất nhiên vẫn có bầu trời ở phía trên, nhưng tất cả đã biến thành một đám mây đen hằn là quá nặng đối với hẻm núi này.

Em tôi lại hỏi: “Neal đâu?”

Câu hỏi làm tôi bất ngờ, và tôi phải nghĩ một lúc mới nhớ ra. Cuối cùng, tôi bảo: “Anh bỏ hẳn ở khúc cua đầu tiên”.

“Anh sẽ gặp rắc rối với chuyện này” - Em trai tôi cảnh báo.

Lời cảnh báo đó đưa tôi trở lại thực tại đến đoạn chiếc xe tải nửa tấn và mấy người phụ nữ Scotland. “Anh biết” - Tôi nói, và bắt đầu thu dọn cần câu. “Đã đủ cho ngày hôm nay rồi” - Tôi nói tiếp, đầu cúi xuống cái cần.

Paul hỏi: “Anh câu được đủ số chưa?”. Tôi đáp: “Chưa” - Mặc dù tôi biết nó muốn hỏi có phải tôi còn nhiều rắc rối phía trước, cho dù có kiếm được đủ số chằng nữa. Đối với những người phụ nữ không biết câu cá, người đàn ông trở về nhà mà không kiếm đủ số là đồ thất bại.

Em trai tôi cũng suy nghĩ theo cách đó. Nó nói: “Anh chỉ mất vài phút để kiếm đủ số với mấy con Hồi Suối. Bọn chúng vẫn đang nhảy nhót khắp nơi kia. Em chưa hút xong một điếu thuốc thì anh đã câu thêm được sáu con nữa rồi”.

Tôi đáp lời: “Cám ơn em, nhưng đã đủ cho ngày hôm nay rồi” - Trong thâm tâm, tôi biết nó không hiểu nổi tại sao kiếm thêm sáu con Hồi Suối nhỏ cũng không làm thay đổi được cái nhìn của tôi về cuộc đời. Cho đến giờ phút này, hôm nay rõ ràng là một ngày mà thế giới bên ngoài không để cho tôi làm điều tôi thật sự

muốn làm - câu một con Hôi Nâu lớn và nói chuyện với em trai tôi theo một cách hữu ích hơn. Thay vào đó là một bụi cây rỗng không và trời thì sắp mưa.

Paul rủ tôi: “Nào, chúng ta hãy đi tìm Neal”. Sau đó nó nói tiếp: “Lẽ ra anh không nên để hấn lại phía sau”.

“Cái gì?” - Tôi hỏi.

“Anh nên cố mà giúp hấn” - Em trai tôi trả lời.

Tôi có thể tìm ra từ nhưng không tạo thành câu cho phù hợp được. “Anh không bỏ hấn. Hấn không thích anh. Hấn không thích Montana. Hấn bỏ anh để đi câu bằng mồi sống. Thậm chí hấn còn không thể câu bằng mồi sống. Anh... anh không thích bất cứ điều gì ở hấn”.

Tôi có thể cảm nhận toàn bộ sự kích động của mình khi để vượt mất con cá lớn đi qua một biển tần và chuyển thành nỗi giận dữ đối với gã anh vợ tôi. Tôi cũng có thể cảm thấy rằng mình đang lặp lại ngay cả khi không nói lại cùng một câu. Ngay cả như vậy, tôi vẫn hỏi: “Em nghĩ anh có nên giúp hấn không?”.

“Nên chứ. Em nghĩ chúng ta nên giúp hấn”. “Bằng cách nào?”

“Dắt hấn đi câu cùng chúng ta”.

“Anh vừa bảo em. Hấn không thích câu cá”.

“Có thể là như vậy. Nhưng có thể hấn thích ai đó cố giúp hấn”.

Tôi vẫn không hiểu nổi em tôi. Bản thân nó luôn luôn từ chối bất cứ đề nghị giúp đỡ nào, nhưng bằng một cách tinh tế, nó chắc chắn đang đề cập đến mình khi nói về việc Neal cần giúp đỡ. Nó nói: “Nào, chúng ta hãy đi tìm hấn trước khi hấn bị lạc trong cơn bão”. Nó cố quàng tay qua vai tôi nhưng cái giỏ câu có cái đuôi to

thò ra ngoài xen giữa chúng tôi làm cho khó choàng qua được. Cả hai chúng tôi đều có vẻ lóng ngóng - đối với tôi là việc cố đề nghị giúp em trai, còn đối với nó là việc cố cảm ơn tôi về việc đó.

“Chúng ta hãy nhanh chân nhanh tay nào” - Tôi giục giã. Chúng tôi gặp một con đường mòn và bắt đầu đi lên phía thượng nguồn. Đám mây đen đang chiếm lĩnh hoàn toàn hẻm núi. Kích thước của thế giới bị nén lại chỉ còn khoảng 270 x 270 x 270m. Hẳn đã xảy ra tình trạng giống như thế này vào năm 1949, khi ngọn lửa khổng lồ từ khe Mann, khe núi kế tiếp ở quãng trên của sông Missouri, quét qua Phân tuyến lục địa, vào nhánh sông Elkhorn. Khe Mann là nơi Lực lượng Kiểm lâm đã thả xuống mười sáu trong số những tay nỏ dù chữa cháy giỏi, mười ba người trong số ấy sau đó phải được nhận dạng bằng răng. Đó cũng là cách cơn bão tràn xuống nhánh sông Elkhorn - quét sạch, phá sạch.

Như thể lũ cá đã được thông báo trước, không một con nào còn nhảy nhót nữa. Sau đó thì gió kéo đến. Con nước rời dòng suối nhẩy lên bụi cây, giống như con cá của tôi vậy. Bầu không khí dọc theo con suối đầy những lá liễu và quả xanh. Sau đó, bầu không khí biến mất khỏi tầm nhìn. Nó chỉ còn hiện hữu như những hình nón và cành cây quất vào mặt tôi rồi tiếp tục nghiêng ngả.

Cơn bão đến như một con ngựa hoang, chồm qua chúng tôi.

Chúng tôi bắt đầu băng qua trảng cỏ ở khúc quanh để tìm Neal, nhưng chẳng bao lâu, chúng tôi thậm chí không chắc chắn mình đang ở đâu. Đôi môi tôi ướt nước mưa. “Gã khốn không có ở đây” - Tôi nói, mặc dù cả hai chúng tôi đều không biết chính xác “đây” là đâu. Em tôi bác lại: “Không, hẳn ở đó”. Sau đó nó nói tiếp: “Và khô ráo”. Vì thế chúng tôi đều biết “đó” là ở đâu.

Vào lúc chúng tôi quay lại chiếc xe tải, cơn mưa đã đều hạt, và giờ được kiểm soát bởi trọng lực. Tôi và Paul lôi thuốc lá và diêm

từ bên trong mũ ra hong, nhưng tôi có thể cảm thấy nước đang chảy quanh các chân tóc của tôi.

Chiếc xe hiện ra trong cơn bão như thể trở về từ thời khẩn hoang, trông như một cỗ xe ngựa phủ bạt bị cơn mưa bao vây tứ phía. Ken hẳn là đã gấp rút trở về từ những con đập hải ly, kịp lúc để lấy ra vài tấm vải dầu cũ, chặt vài cây cọc rồi trải vải dầu lên trên thùng xe. Chính tôi chứ không phải em tôi là người đầu tiên ló đầu qua lớp vải và trở thành “gã da đen tinh ranh” trong màn phụ ở các rạp xiếc cũ, người ló đầu khỏi lớp màn hậu cảnh mà ai cũng có thể bỏ ra mười xu để ném một quả bóng chày vào mặt. Tuy nhiên, với cái đầu vẫn còn chui trong lỗ thủng, tôi cứng người, bất lực, không thể né được bất cứ thứ gì có thể ném vào đầu tôi hay thậm chí không thể xác định được trật tự mà mọi thứ xuất hiện. Trật tự thật sự hóa ra không theo như sự chọn lựa của tôi.

Đầu tiên là những người phụ nữ hiện ra và sau đó là cái nệm cũ. Những người phụ nữ hiện ra trước là vì hai người cầm dao cắt thịt, người còn lại - vợ tôi - cầm một cái nĩa dài, tất cả đều sáng lấp lánh trong bóng tối nhờ nhờ bên dưới tấm vải dầu. Một người phụ nữ ngồi xổm trên thùng xe, đang làm bánh mì kẹp thịt cho đến khi họ thấy đầu tôi xuất hiện giống như một mục tiêu trên tấm vải bạt. Sau đó họ chĩa các loại dao, nĩa về phía tôi.

Ở giữa thùng xe có một chỗ dột nơi tấm vải dầu bị sờn và không kín. Phía sau cùng của thùng xe là cái nệm cũ, nhưng do các loại dao, nĩa che khuất nên tôi không nhìn thấy chi tiết.

Vợ tôi nói trong khi vẫn còn chĩa cái nĩa dài về phía tôi: “Anh đi mất và bỏ rơi anh ấy”.

Mẹ vợ tôi thì nói khi đang liếc con dao vào cái que mài: “Tội nghiệp thằng bé, nó không được khỏe. Nó phơi nắng quá lâu”.

Bằng những từ có thể thốt ra khi cổ họng phơi ra trước mũi dao,

tôi hỏi: “Anh ấy nói với mẹ vậy à?”.

“Đúng, thằng bé tội nghiệp” - Bà mẹ vợ của tôi đáp và ngo ngoáy di chuyển về phía sau của thùng xe rồi vỗ đầu gã con trai của mình bằng một tay, trong khi nắm chắc con dao cắt thịt ở tay kia. Bị vướng tay, bà bỏ con dao ra phía sau.

Chỗ hở giữa các tấm giấy dầu làm nước chảy vào nhiều nhưng ánh sáng lại không lọt vào mấy, do đó phải mất một lúc lâu, mắt tôi mới quen với bóng tối để nhìn thấy gã anh vợ tôi đang nằm trên tấm nệm. Ánh sáng trước tiên làm nổi lên lông mày của hắn, trông thanh thản nhưng xanh xao. Lông mày tôi cũng sẽ như vậy nếu mẹ tôi dành cả đời làm bánh kẹp thịt cho tôi và bảo bọc tôi trước cuộc đời.

Em trai tôi ló đầu qua tấm vải và đứng cạnh tôi. Điều đó làm cho tôi cảm thấy an tâm hơn khi có một đại diện của gia đình tôi hiện diện. Tôi thầm nghĩ: “Một ngày nào đó, tôi hy vọng có thể giúp được nó nhiều như vậy”.

Mấy người phụ nữ làm cho em trai tôi một cái bánh kẹp thịt. Cũng như tôi, đầu và vai thì được che, nhưng phần còn lại thì vẫn ở ngoài cơn mưa như trút nước; Paul cũng thế. Không ai có ý định dịch người để dồn lại gần nhau hơn, như vậy có thể dành chỗ cho chúng tôi ở bên trong. Gã khốn được dành hẳn phần phía trên của thùng xe. Thay vì nằm dài hết tấm nệm, hắn chỉ cần ngồi lên.

Ở bên ngoài, nước tuôn xuống lưng tôi trên một mặt phẳng rộng, dồn vào một con rãnh hẹp chảy dọc xương cụt, rồi sau đó chẻ làm hai nhánh và đổ vào vớ của tôi. Khi những người phụ nữ không sử dụng dao kéo để làm bánh kẹp thịt cho Neal thì họ lại chìa về phía tôi. Tôi có thể ngửi thấy mùi tất cả những cái bánh kẹp mà họ không làm cho tôi, mùi nước dột chảy qua tấm bạt và hơi người chen chúc nhau bốc lên; tôi cũng có thể ngửi thấy mùi

bữa rượu túy lúy tối qua bốc lên từ cái nệm cũ. Có lẽ bạn cũng biết người da đỏ dựng những phòng tắm hơi của họ trên bờ sông. Sau khi vã mồ hôi đầm đìa, họ lập tức nhảy xuống dòng nước lạnh ở bên ngoài, và có lẽ cũng cần nói thêm: đôi khi họ đã bị chết ngay lập tức. Tôi cảm thấy rằng cùng lúc, tôi là hai nửa của chính mình, một nửa ở trong phòng tắm hơi, một nửa đang ở dưới dòng sông lạnh giá và sắp chết.

Trước khi chết, trong đầu tôi nảy ra một loạt những ý nghĩ cuối cùng. “Làm sao gã khốn đó lại phơi nắng quá nhiều được? Gã khốn chưa chứng kiến quá vài tiếng trời nắng kể từ khi hắn rời Montana để sang Bờ Tây”. Tôi có một ý nghĩ đặc biệt về vợ tôi. Tôi nói hết mọi điều với vợ tôi trong ý nghĩ: “Anh không bỏ anh của em. Chính anh của em, gã khốn, mới bỏ anh”. Tất nhiên tất cả những điều này chỉ là trong suy nghĩ. Với mẹ vợ tôi, tôi cố gắng nghĩ đến lần bà ta hắn đã phạm tội ngoại tình. Với cả vợ và mẹ vợ tôi, tôi nghĩ: “Vấn đề duy nhất của gã khốn là tất cả chất chống đông mà hắn đổ vào bộ tản nhiệt của hắn ở quán Dùi Cui tối hôm qua đã cạn hết rồi.

Mưa suốt đường về Wolf Creek, và chúng tôi bị sa lầy suốt dọc đường từ nhánh sông Elkhorn đến trại của Jim McGregor, nơi con đường bắt đầu được trải sỏi. Tất nhiên, Ken lái xe, còn tôi và Paul đẩy. Tôi đẩy xe với cái bụng rỗng không. Ngay trước khi tôi cảm thấy hai bên sườn mình gầy gập, tôi đi vòng ra phía tài xế và hỏi: “Ken, có thể nào lôi anh trai em dậy khỏi cái nệm để giúp bọn anh đẩy xe không?”

Ken trả lời tôi: “Anh biết nhiều về xe tải mà. Anh biết em phải có trọng lượng dần ở đuôi xe, nếu không, bánh sau sẽ chỉ xoay tít mà không kéo chúng ta ra khỏi bùn được”. Tôi quay lại phía sau, và tôi cùng Paul phải đẩy cái trọng lượng dần ấy đến trại. Đẩy xuống dốc cũng cực như đẩy lên dốc vậy. Lẽ ra chúng tôi cũng đã có thể đến phía đông Montana để đẩy một chiếc xe tải nửa tấn cộng với trọng lượng dần lên đến sông Powder, nơi họ phát minh

ra bùn lầy.

Khi chúng tôi về đến Wolf Creek, Paul ở lại để giúp tôi dỡ đồ ra khỏi xe, đồ đạc giờ đây nặng chịch do dầm bùn và nước. Chúng tôi dỡ cái nệm sau cùng. Sau đó, tôi chuẩn bị đi ngủ, người ngợm rã rời, hoặc có thể chỉ là kiệt sức do đói; còn Paul về Helena. Trên đường lê về phòng, tôi gặp Neal và mẹ của hắn ở cửa trước. “Trọng lượng dẫn” đã mặc hai cái áo len cúp Davis đỏ-trắng-xanh. Hắn đang nói dối mẹ hắn khi bị bà bắt gặp chuẩn bị lén ra ngoài. Hắn trông chưa bao giờ khỏe hơn thế. Tôi biết có hai cái kiện gỗ rất vui mừng được gặp hắn.

Tôi lên giường và chống lại cơn buồn ngủ cho đến khi đủ sáng suốt để đi đến một kết luận tương đối hiển nhiên và củng cố lại thành một câu: “Nếu tôi không đi khỏi nhà vợ trong vài ngày thì tôi sẽ không còn vợ nữa”. Vì thế sáng hôm sau, tôi gọi điện cho em trai tôi từ cửa hàng tạp phẩm để không ai bên nhà vợ nghe thấy. Tôi hỏi nó có còn ngày phép hè chưa nghỉ không, vì tôi cần đến hồ Seeley một thời gian.

Hồ Seeley là nơi chúng tôi có nhà nghỉ hè. Nó chỉ cách hẻm núi Blackfoot hai mươi bảy cây số và cách sông Swan cũng không xa hơn. Sông Swan đẹp như cái tên Thiên Nga của mình, vì nó trôi bèo bồng cạnh sông băng Mission. Tôi nghĩ em trai tôi vẫn còn cảm nhận được trận mưa ngày hôm qua chảy xuống lưng mình khi không có ai dịch người để cho chúng tôi bò vào dưới tấm vải dầu, vì thế nó hiểu điều gì đang diễn ra trong đầu tôi. Dù sao chẳng nữa, nó cũng trả lời tôi: “Em sẽ hỏi ông sắp”.

Đêm đó, tôi hỏi vợ tôi một câu - khi muốn thỏa thuận với cô ấy, tôi sẽ dễ làm chủ tình thế hơn nếu dùng một câu hỏi, thay vì một loạt câu tuyên bố. Vì thế tôi hỏi vợ tôi: “Em có nghĩ sẽ là một ý hay nếu anh và Paul đến hồ Seeley vài ngày không?”. Cô ấy nhìn xuyên thẳng qua tôi và đáp: “Có”.

Tôi vẫn sống sót qua ngày hôm sau. Ngày hôm sau nữa, khi Paul và tôi vượt qua Phân tuyến lục địa và bỏ lại thế giới phía sau, tôi vẫn chưa ngừng suy nghĩ. Nhưng vào khoảnh khắc chúng tôi bắt đầu sang phía bờ Thái Bình Dương, Paul bắt đầu kể cho tôi nghe về cô bạn gái mà nó mới quen. Tôi nghe một cách lơ đãng, chờ dịp để nói sang chuyện khác.

Tôi đã từng trải qua cảnh ngộ đó. Có lẽ nó đang kể câu chuyện tôi không thích nghe nhưng sẽ đỡ hơn nếu lần đầu tôi đọc được trên báo - hoặc có lẽ tôi đang phí thời gian nghi ngờ - có lẽ nó chỉ là đứa em của tôi, một nhà báo đang tiết lộ những mẫu tin quá riêng tư hay quá thơ mộng không thể đưa lên báo được.

“Cô ấy rất buồn cười” - Nó nói, khi chúng tôi rõ ràng đang lao xuống sườn phía tây của lục địa Bắc Mỹ. “Đúng” - Nó nói như thể tôi đã bình luận gì đó - “cô ấy rất buồn cười. Nơi duy nhất mà cô ấy để cho em làm tình là ở phòng thay đồ nam của nhà tập thể thao trường trung học”.

Và Paul nói tiếp như thể đáp lại lời tôi, hoặc cũng có thể là như vậy thật. “Ồ, cô ấy tính toán mọi thứ. Cô ấy biết một cái cửa sổ nhà vệ sinh nam không bao giờ đóng và em đẩy cô ấy lên rồi sau đó cô ấy chồm xuống và kéo em lên”.

Nó nói tiếp một mình: “Cô ấy muốn em làm tình với cô ấy trên cái bàn xoa bóp”.

Suốt quãng đường đến hồ Seeley, tôi cố lý giải không biết Paul muốn kể rằng mình đang gặp rắc rối với một cô gái nào đó, hay qua đó, nó muốn ám chỉ rằng tôi vẫn tiếp tục buông thả cuộc sống tinh thần của mình, mặc dù tôi đã đi lấy vợ. Tôi cứ nghĩ miên man cho đến khi có thể ngửi thấy mùi gỗ phỉ, rượu xoa bóp, máy sưởi với đồ tập sũng mồ hôi phơi ở trên, và các ngăn tủ của nam sinh sẽ không được lau dọn bên trong cho đến tận cuối mùa giải bóng bầu dục.

Tôi nhủ thầm: “Bây giờ ở đây nóng như quỷ. Câu cá sẽ không thuận lợi lắm. Bọn cá sẽ nằm hết dưới đáy”. Sau đó, tôi cố hình dung một con cá nằm ngửa trên bàn xoa bóp. Thật khó giữ cho dòng suy nghĩ được liên mạch mà không bị phân tâm với hình ảnh con cá giúp người câu cá chui qua cửa sổ nhà vệ sinh của phòng thay đồ nam. Vào lúc đó, chúng tôi lái vào một rừng thông rụng lá là nơi có nhà nghỉ của chúng tôi. Đột nhiên không khí mát dịu. Rừng thông này khoảng tám trăm đến một ngàn hai trăm năm tuổi, cây cao bóng cả ngăn cản hơi nóng luôn vào. Chúng tôi chưa dỡ hàng ra khỏi xe mà đi bơi ngay.

Sau khi đã thay đồ nhưng chưa chải đầu, chúng tôi mang quần bơi ra treo ở dây phơi đồ giăng giữa hai cây bóng nước. Sợi dây được cột cao để hươu không vướng sừng vào đó, vì thế, khi tôi đang đứng nhón gót để cố kẹp quần áo thì bỗng nghe tiếng xe hơi rẽ từ đường Kiểm lâm vào lối nhà chúng tôi.

Em trai tôi bảo: “Đừng ngoái lại”.

Chiếc xe chạy đến ngay sau lưng tôi thì dừng lại. Động cơ của nó hỗn hển thở ra hơi nóng. Nhưng ngay cả nếu nó phả hơi vào lưng thì tôi cũng không quay lại nhìn. Có ai đó rơi ra khỏi cửa trước.

Khi tôi ngoái nhìn, tay vẫn còn cầm chiếc kẹp quần áo, tôi nhận ra mình đã lầm khi nghĩ rằng có ai đó ngã ra khỏi cửa trước, bởi vì chiếc xe không có cửa trước. Mặc dù vậy, nó vẫn có sàn xe ở phía trước, và trên sàn có một lon cà phê Hill Bros., một chai 3-7-77 và một chai sâm banh dâu. Ở Montana, chúng tôi không quan tâm đến vị rượu whisky nếu chúng tôi có thể kiếm được sâm banh dâu để át mùi.

Trời đang vào giữa trưa, cứ như khung cảnh trong một bộ phim viễn Tây. Anh vợ tôi ngật ngưỡng ở tay lái, có lẽ giống như suốt quãng đường từ Wolf Creek đến đây.

Da Sóng Cũ nhắc mình lên khỏi đám lá kim - nơi ả ta đã ngã vào,

ngó quanh để định hướng lại, rồi bắt đầu bước thẳng đến chỗ tôi. Ắ ta hẳn sẽ tông vào em trai tôi nếu nó không miễn cưỡng tránh đường.

“Rất vui được gặp anh” - Ắ nói với tôi, vươn người về phía bàn tay tôi đang cầm cái kẹp quần áo. Như cái máy, tôi chuyển cái kẹp sang tay kia để ắ có thể bắt bàn tay mà ắ đang muốn bắt.

Đôi khi thứ trước mặt bạn to lớn đến nỗi bạn không biết liệu có nên nhận thức nó bằng cách nhìn lướt tổng thể trước, sau đó mới lắp ráp hay thêm vào các mảnh ghép, cho đến khi trong đầu bạn lóe lên khái niệm nó là gì. Tôi chỉ lắp vài mảnh ghép với nhau trước khi một giọng nói trong tôi cất lên: “Mình sẽ không bao giờ làm Paul tin được rằng mình không kéo nó vào vụ này”.

“Anh khỏe không?” - Ắ hỏi - “Tôi đưa Anh Giai đi câu cùng anh”.

Ắ luôn gọi Neal là “Anh Giai”. Ắ đã ngủ với quá nhiều đàn ông đến nỗi vấn đề nhớ tên của họ làm ắ mệt óc. Đến giờ, tất cả mọi người đàn ông - ngoài Dùi Cui, Cung Dài và hai nghệ sĩ cưỡi ngựa ném dây - ắ đều gọi là Anh Giai, trừ tôi thì ắ chỉ gọi là “anh”. Ắ có thể nhớ tôi nhưng ắ không bao giờ có thể nhớ rằng đã gặp tôi.

“Anh Giai không còn tiền nữa. Anh ấy cần anh giúp” - Ắ nói.

Paul bảo tôi: “Giúp anh ta đi”.

Tôi hỏi: “Anh ấy cần bao nhiêu tiền?”

“Chúng tôi chẳng cần tiền của anh. Chúng tôi muốn đi câu với các anh”.

Ắ Da Sống Cũ đang uống whisky hồng bằng cái ly giấy cũng màu hồng. Tôi đi đến chiếc xe và hỏi vào cái cửa sổ kế bên chỗ tài xế: “Anh có muốn đi câu không?”

Rõ ràng gã anh vợ tôi đã học thuộc lòng một câu để phòng trường hợp không nghe thấy gì. Hắn trả lời: “Tôi muốn đi câu với chú và Paul”.

Tôi bảo hắn: “Giờ quá nóng, chưa thể đi câu được”. Bụi vẫn còn cuốn qua rừng từ ngã rẽ ở con đường sỏi đến lối vào nhà chúng tôi.

Gã anh vợ tôi lặp lại: “Tôi muốn đi câu cùng chú và Paul”.

Paul nói: “VẬY THÌ ĐI”.

Tôi bảo Paul: “Tất cả lên xe của chúng ta, anh sẽ lái”.

Paul dành phần: “Để em lái cho”. Và tôi đồng ý.

Da Sống Cũ và Neal không thích ý tưởng tất cả đi bằng xe của chúng tôi. Tôi nghĩ chúng muốn ở một mình nhưng lại sợ và chán ở một mình nên muốn chúng tôi ở gần đó, nhưng không phải là ở băng trước. Tôi và Paul không tranh luận. Nó ngồi vào ghế tài xế còn tôi ngồi kế bên, còn hai đứa bọn chúng thì lằm bằm. Cuối cùng, Da Sống Cũ bắt đầu chuyển đồ của chúng sang băng ghế sau xe tôi - đầu tiên là chai sâm banh hồng rồi sau đó là lon cà phê Hills Bros.

Tôi nghĩ ngay từ đầu mình đã để ý thấy chúng không đem theo cần câu. Nếu là ai khác lái xe, tôi đã bảo chờ một chút để tôi kiểm tra lại xem chúng có bỏ quên cần câu bên xe chúng không, nhưng đối với Paul thì không thể khoan dung với người đi câu mà bỏ quên đồ câu của mình. Nó tỏ ra dịu dàng với tôi và nhanh chóng đề nghị giúp đỡ chúng, và không hề có ý sẽ cư xử thô lỗ khi phải đưa chúng đi câu vào giữa trưa, khi tất cả cá đều đang nằm nghỉ dưới đáy nước; nhưng sẽ quá tệ cho chúng nếu chúng chẳng để tâm đủ để có thể câu được khi đến đó.

Chúng dựa vào nhau và ngủ. Tôi thấy may mắn là mình không

phải cầm lái - tôi còn quá nhiều thứ phải suy ngẫm. Ví dụ, tôi ngẫm nghĩ tại sao phụ nữ lại là một lũ người dễ bị bịp và tất cả bọn họ đều muốn giúp một tên khốn như hấn chứ không phải tôi. Tôi suy nghĩ đặc biệt lâu về việc tại sao khi tôi cố giúp ai đó, cuối cùng tôi đều đề nghị giúp tiền hay đưa đi câu cá.

Qua một cái dốc cao, chúng tôi ra khỏi rừng thông và cụm hồ mát mẻ để đi vào ánh nắng chói lòa của bình nguyên Blanchard. Paul hỏi: “Anh muốn rẽ đường nào khi chúng ta đến giao lộ với đường Blackfoot?”. “Đường trên. Ở hẻm núi nước chảy quá xiết nên bọn chúng không thể câu được. Chúng ta hãy rẽ lên đầu hẻm núi, ở đó có một vài vũng nước đẹp trước khi dòng sông đi vào vùng đá” - Tôi đáp. Vì thế, chúng tôi rẽ khỏi con đường chính ở đầu bình nguyên và chạy xóc nảy qua phần còn lại của sông băng cho đến khi tới được một ngã ba sông cạnh rừng thông Ponderosa, nơi chúng tôi có thể đậu xe trong bóng râm.

Ở giữa sông, ngay ngã ba, có một dải cát dài. Nếu bạn có thể lội ra đó, bạn sẽ có một vị trí câu cá lý tưởng. Cá to ở cả hai phía của bạn, và không có khúc gỗ trôi hay rễ cây lớn hoặc tảng đá nào làm khó bạn khi bạn giật cá lên - chỉ có cát bao quanh người lũ cá, vì thế chúng không để ý thấy mình đang nằm trên đất cho đến khi há miệng tìm nước.

Mặc dù đã câu ở vũng này nhiều lần, song tôi vẫn đi khảo sát một vòng trước khi lấy cần câu. Tôi lò dò từng bước đến gần Paul như một con thú mắc bẫy sợ cành cây cong. Khi tôi ào xuống, cần câu trong tay, chuẩn bị kết liễu một con cá trong lần thả câu đầu tiên và thực sự đã quăng câu thì một phần ngọn núi ở bờ bên kia bắt đầu đổ xuống sông. Trước đây, tôi chưa bao giờ thấy một con gấu và rõ ràng nó cũng không thấy tôi cho đến khi nó nghe tiếng tôi văng tục do giật câu chậm trước cú đớp mồi đầu tiên. Tôi thậm chí không biết con gấu đã làm gì ở đó - bắt cá, bơi hay uống nước. Tôi chỉ biết nó chạy lên núi làm đất đá lở xuống ào ào.

Nếu bạn chưa bao giờ nhìn thấy một con gấu phóng qua núi thì bạn chưa hiểu được khi sợ thì gấu chạy thế nào. Tất nhiên hươu chạy nhanh hơn, nhưng không chạy thẳng một lèo lên dốc. Ngay cả nai sừng tấm, hai chân sau cũng không mạnh như vậy. Hươu và nai sừng tấm chạy dích dắc và vòng vèo rồi dừng lại thở. Con gấu rời mặt đất giống như một lưỡi tầm sét thu mình về và để lại tiếng sấm ở phía sau.

Paul đã cầm cần câu lên khi tôi trở lại xe. Nó hỏi tôi: “Neal và bạn hẳn có đi không?”. Tôi nhìn vào phía sau xe, nơi hai đứa bọn chúng vẫn còn ngủ, nhưng chúng cựa quậy khi tôi nhìn nên cũng có thể chúng không ngủ. Tôi bảo: “Neal, dậy và nói cho bọn tôi biết anh muốn làm gì”. Không như ý nghĩ của tôi, gã anh vợ cố gắng từng hồi để thức dậy. Cuối cùng, hẳn đẩy Da Sống Cũ ra khỏi vai rồi bước ra khỏi xe, người cứng đờ như một ông già. Nhìn ra bờ sông, hẳn hỏi: “Cái vũng đó thế nào?”. Tôi trả lời hẳn: “Tốt đấy. Thật ra thì bốn, năm cái tiếp theo cũng vậy”.

“Chú có thể lội ra dải cát ngoài kia không?” - Hẳn hỏi tiếp. Tôi bảo hẳn rằng tôi không thường ra đó, nhưng gần đây trời quá nóng đến nỗi mực nước sông đã hạ xuống ba tấc hơn và hẳn sẽ không gặp khó khăn gì khi lội ra đó.

“Đó là điều tôi sẽ làm, tôi sẽ ở lại đây và câu cá” - Neal nói. Hẳn chưa từng nhắc đến Da Sống Cũ lấy một lần. Ngoài việc hết lòng với nghệ thuật phớt lờ phụ nữ, hẳn cũng biết là tôi và Paul không nghĩ là ả ta nên có mặt ở đây, vì thế có thể hẳn đã nghĩ rằng nếu hẳn không nhắc đến ả thì chúng tôi sẽ không để ý đến ả.

Da Sống Cũ thức dậy và đưa cho Paul chai 3-7-77. “Làm một hợp đi” - ả nói. Paul cầm bàn tay ả và đẩy sang chỗ Neal. Như tôi đã nói, vì một vài lý do trong đó có sự dạy dỗ của cha chúng tôi, tôi và Paul không uống rượu khi câu cá. Nhưng sau đó thì vâng, thật sự là ngay khi cởi bộ quần áo ướt ra và có thể đứng lên đó, thay vì những lá kim của cây thông, một người sẽ nhoài vào ngăn để

găng tay của chiếc xe, nơi luôn để một chai rượu.

Nếu bạn nghĩ rằng điều tiếp theo tôi sắp kể cho bạn nghe mâu thuẫn với điều này thì bạn sẽ phải nhận ra rằng ở Montana, uống bia không được tính là nhậu. Paul mở thùng xe và lấy ra tám chai bia. Nó bảo Neal: “Bốn chai cho các anh và bốn chai cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ ướp ở mỗi vũng tiếp theo hai chai cho anh. Chúng sẽ làm các anh quên đi cái nóng”. Rồi em trai tôi cho bọn chúng biết nơi chúng tôi sẽ ướp lạnh bia và sau đó lẽ ra nó nên nghĩ cho kỹ trước khi bảo chúng rằng chúng tôi sẽ giấu bia của mình ở hai cái vũng tiếp theo, nơi chúng tôi sẽ kết thúc việc câu cá trên đường từ vách đá trở về.

Thế giới đã từng đẹp làm sao. Ít nhất thì con sông của những ngày xưa thật tươi đẹp. Và nó hầu như là của tôi và gia đình tôi cùng một vài người khác không ăn cắp bia. Bạn có thể ướp lạnh bia dưới sông, và nó sẽ lạnh đến nỗi khi bạn quay lại, nó sẽ không sủi bọt nhiều. Đó có thể là loại bia làm ở thị trấn kế bên, nếu thị trấn đó có mười ngàn dân hay nhiều hơn. Vì thế, đó có thể là bia Kessler làm ở Helena hay bia Highlander làm ở Missoula được chúng tôi ướp lạnh dưới sông Blackfoot. Thế giới đã từng đẹp làm sao khi tất cả bia đều không được làm ở Milwaukee, Minneapolis hay St. Louis.

Chúng tôi lấy đá dần lên chai bia để nó không bị cuốn đi mất. Sau đó, chúng tôi bắt đầu đi xuôi dòng một quãng cầu. Trời nóng đến nỗi ngay cả Paul cũng không quá hồi hả. Thế rồi đột nhiên nó phá vỡ trạng thái mê ngủ, nói: “Một ngày nào đó Neal hiểu được chính mình và hẳn sẽ không trở lại Montana. Hẳn không thích Montana”.

Khi nghe nhận xét này, tôi chỉ nhớ là đã thấy Paul quan sát mặt Neal khi hẳn đang thức dậy. Tôi nói: “Anh biết hẳn không thích câu cá. Hẳn chỉ thích kể cho phụ nữ rằng hẳn thích câu cá. Điều đó có lợi cho hẳn và cho mấy người phụ nữ kia. Và cả cho mấy

con cá nữa” - Rồi tôi nói thêm: “Nó làm cho họ cảm thấy tốt hơn”.

Trời quá nóng nên chúng tôi dừng lại và ngồi trên một khúc gỗ. Khi yên lặng, chúng tôi có thể nghe thấy tiếng lá kim rơi như những chiếc lá khô. Bỗng những chiếc lá kim ngừng rơi. “Em nên rời Montana. Em nên sang Bờ Tây” - Paul nói.

Tôi cũng đã nghĩ về điều đó, nhưng tôi vẫn hỏi: “Tại sao?”

“Ở đây, em đưa tin thể thao địa phương, những câu chuyện đời tư và tin vụ án. Em chẳng có việc gì để làm. Ở đây, em sẽ chẳng bao giờ có gì để làm”.

“Trừ việc câu cá và đi săn” - Tôi bổ sung.

“Và vương vào rắc rối” - Em trai tôi tiếp lời.

Tôi lại bảo với nó: “Anh đã từng nói với em là anh nghĩ có thể giúp nếu em muốn làm việc cho một tờ báo lớn. Khi đó, có thể viết những bài của chính em - những bài đặc biệt, thậm chí một ngày nào đó, là một mục do em phụ trách”.

Trời nóng đến nỗi những ảo ảnh của làn hơi nước bốc lên từ mặt sông hòa tan vào nhau. Khó mà biết được liệu những gì tôi đã nghe có phải là lời tiên tri hay không. Paul nói: “Chúa ơi, trời nóng quá. Chúng ta hãy xuống sông cho mát đi”.

Nó đứng dậy, nhặt cần câu của mình lên, cái cần câu quấn chỉ đẹp tuyệt của nó lung linh như làn không khí xung quanh nó. “Em sẽ không bao giờ rời Montana” - Em tôi nói - “Chúng ta hãy đi câu đi”.

Khi chúng tôi tách ra, nó bảo: “Em thích những rắc rối xuất phát từ việc ở lại Montana”. Vì thế chúng tôi quay lại nơi mình đã bắt đầu, và trời quá nóng nên việc câu kéo có thể chẳng khá mấy.

Và quả là không khá thật. Trong cơn nóng giữa trưa, vạ vật im ngủ dưới dòng nước cuộn chảy. Bạn cứ quăng câu rồi lại quăng câu trên dòng sông, và chẳng có gì ngoi lên khỏi mặt sông. Ếch cũng chẳng buồn nhảy. Bạn bắt đầu nghĩ rằng bạn là thứ duy nhất cử động ở dòng sông này. Có lẽ trong quá trình tiến hóa, toàn bộ sự sống di chuyển từ dưới nước lên cạn, tất cả, trừ bạn, và bạn đang trên đường xuống nước với một phần của bạn không ngấm dưới nước đã khô nẻ trong bầu không khí lạ lẫm. Với ánh nắng mặt trời phản chiếu từ mặt nước vào bạn và rơi thẳng vào phía dưới lông mày, ngay cả chiếc mũ rộng vành cũng chẳng có tác dụng gì.

Từ trước khi bắt đầu, tôi đã biết công việc sẽ khó khăn, vì thế tôi cố gắng tỏ ra nhạy bén. Tôi câu ở phía trước và phía sau của những tảng đá to, nơi bọn cá có thể trú trong bóng râm và dòng nước sẽ đem thức ăn đến cho chúng mà chúng không phải khó nhọc đi tìm. Tôi cũng tập trung vào dòng nước chảy dưới những bụi cây, nơi cá có thể nằm trong bóng râm và chờ lũ côn trùng nở trên nhánh cây rồi rơi xuống nước trước mũi chúng. Nhưng đã chẳng có gì trong bóng râm ngoại trừ sự dịu mát.

Cho rằng nếu một ý tưởng không đem lại kết quả gì thì điều ngược lại có thể có tác dụng, tôi rời bỏ hoàn toàn bóng mát mà bước ra trắng cổ quang đấng đầy châu chấu. Đối với người quen thuộc với một chủ đề, không có gì khó khăn để tìm ra lý do cho ý tưởng ngược lại. Tôi tự nhủ: “Đang mùa hè và lũ châu chấu ra phơi nắng được thì không lý gì lũ cá lại không”. Tôi lắp một con mồi giả có thân bằng cây bần trông như một con châu chấu to, béo ngậy, màu vàng. Tôi câu gần bờ, nơi ngay cả những con cá to cũng chờ châu chấu sảy chân. Sau khi câu với châu chấu bần nổi trên mặt nước, tôi cột một con mồi giả to có thân gỗ màu vàng, nó sẽ thấm nước và chìm như một con châu chấu chết. Vẫn không có lấy một con ếch nhảy ra.

Thân thể dễ bỏ cuộc hơn lý trí nhiều, vì thế, những người câu cá

mồi giả đã đưa ra “thuyết tò mò” với nội dung đúng như tên gọi. Theo thuyết ấy, cá, cũng như người, đôi khi đớp một thứ nào đó chỉ để xem nó là gì chứ không phải vì trông nó ngon lành. Với hầu hết những người câu cá mồi giả, đó là “thuyết giải pháp cuối cùng”; trong thực tế, đôi khi nó lại ứng nghiệm. Tôi cột một con mồi giả mà George Croonenberghs đã bện cho khi anh ta còn là một đứa trẻ - vài thập kỷ trước khi anh ta trở thành một trong những người bện mồi giả giỏi nhất miền Tây. Con mồi giả này được bện vào một phút ngẫu hứng của tuổi thơ, dùng đủ mọi nguyên liệu, từ lông hươu cho đến lông gà gô.

Một lần, khi đang câu ở thượng nguồn sông Blackfoot, tôi trông thấy một vật lạ có đầu và cổ bị cuốn trôi khi đang cố bơi qua sông. Tôi không thể nhận ra đó là gì cho đến khi nó lên bờ và đứng giữ nước. Lúc đó, tôi nhận ra một con linh miêu đang ướt sũng, và nếu bạn không biết một con linh miêu ướt trông thế nào thì đây, nó hệt như một con mèo nhỏ bị ướt. Khi con linh miêu bị ướt, nó là một con thú nhỏ hiền lành, gầy gò, nhưng sau khi lông đã khô và mượt trở lại, và một lần nữa cảm thấy chắc chắn rằng mình là một con mèo, nó quay lại, nhìn tôi và gầm gừ.

Tôi hy vọng người bạn câu vạm vỡ, George Croonenberghs, không phiền khi tôi nói rằng tác phẩm tuổi thơ này của anh khi chiến đấu dưới dòng nước trông giống như một con linh miêu. Dù sao chẳng nữa, đối với lũ cá, trông nó cũng thú vị.

Từ dưới dòng nước sâu vô vọng và bất động, sự sống xuất hiện. Nó trôi lên chậm đến nỗi trông như nó đang bơi ngược thời gian. Sau một hồi, tôi ước lượng nó dài khoảng hăm lăm phân. Nó đến mỗi lúc một gần, nhưng đến một khoảng nhất định, trông nó không lớn thêm nữa, vì thế tôi đoán được nó lớn cỡ nào. Ở một khoảng cách có vẻ là an toàn, thẳng cá hăm lăm phân bắt đầu lượn vòng quanh Đặc sản Linh miêu của George. Tôi chưa bao giờ trông thấy cặp mắt hoài nghi to như thế ở một con cá nhỏ như vậy. Nó luôn nhìn chăm chăm vào con mồi và dường như để

cho dòng nước cuốn nó đi quanh con mồi. Sau đó, nó thôi quạt nước, để cho thân mình chìm từ từ. Khi trông nó chỉ còn dài khoảng mười lăm phân, nó lại nổi lên, trở lại thành thẳng cá hăm lăm phân và kiểm tra con mồi của George lần cuối. Được nửa vòng tròn thì nó rời mắt khỏi con mồi và ngược nhìn tôi rồi phóng đi mất dạng. Rõ ràng đây là lần duy nhất có một con cá xem xét tác phẩm tuối thơ của George một cách nghiêm túc, mặc dù tôi vẫn đem nó theo vì tình cảm với George.

Tôi từ bỏ “lý thuyết” về sự tò mò, nằm sấp xuống và uống một ngụm nước, cảm thấy càng khát hơn khi uống xong. Tôi bắt đầu nghĩ đến món bia, và cho rằng chẳng nên phí thời gian nữa. Thật tình thì lẽ ra tôi đã bỏ câu và ngồi trong bóng râm, nhưng tôi không muốn bị em mình hỏi khi đang ngồi trong bóng râm: “Anh câu được mấy con rồi?”. Và phải trả lời: “Chẳng được con nào”. Vì thế, tôi tự nói với chính mình như câu nguyện: “Mình sẽ thử thêm một vũng nữa”.

Tôi không thích câu nguyện mà lời câu nguyện của mình không thành sự thật, vì thế tôi đi một quãng dài trên bờ sông để đến cái vũng cuối cùng mà mình đã câu nguyện này. Khi tôi trông thấy nó, thực ra tôi không nhìn kỹ, bởi vì nó là một quãng nước bình thường, nhưng khi đột nhiên nhìn lại, tôi có thể trông thấy cá nhảy khắp vũng. Hầu như ngay lúc ấy tôi ngửi thấy mùi gì đó, một mùi hôi. Thật ra, vào những ngày nóng bức, mấy cái vũng rất hôi. Tôi không muốn đến gần hơn, nhưng vào thời điểm này, mấy con cá không tồn tại vẫn đang nhảy nhót ngay trước mắt tôi. Tôi đi vòng qua con hải ly chết để xuống bờ vũng. Tôi biết mình đã tìm được đúng chỗ.

Khi nhìn thấy con hải ly chết, tôi biết tại sao cá lại nhảy. Ngay cả một người câu cá cuối tuần cũng biết con hải ly chết đã thu hút cả một bầy ong vo ve sát mặt đất và mặt nước. Ở đẳng cấp câu cá của mình, tôi biết mình đã có con mồi phù hợp để trông giống như chúng, và tôi không nghĩ rằng em tôi có loại mồi đó. Nó

không đem theo nhiều mỗi giả - tất cả đều giắt trên dải mũ của nó, nhiều nhất là hai mươi đến hăm lăm con, nhưng thật sự chỉ có bốn hay năm loại, bởi vì mỗi loại có nhiều cỡ. Chúng là thứ mà những người câu cá gọi là “loại phổ thông”, là loại mà người câu cá giỏi có thể bắt chước rất nhiều loại côn trùng và nhiều giai đoạn khác nhau của vòng đời côn trùng, từ ấu trùng cho đến khi mọc cánh. Cách nhìn mỗi giả của em tôi rất giống cách cha tôi, một người thợ mộc giỏi, nhìn các đồ nghề của mình - ông khẳng định rằng bất cứ ai cũng có thể phô diễn kỹ năng của thợ mộc nếu có đủ đồ nghề. Nhưng tôi không phải là một người câu cá đủ giỏi để coi thường đồ nghề. Tôi đem theo một hộp đầy mỗi giả, loại “phổ thông” và cả loại mà người câu cá gọi là loại “đặc biệt” - những con côn trùng non rất đặc biệt, ví dụ như kiến cánh, phù du, bọ đá^[23], bọ vân sam. Và cả ong nữa.

Tôi lấy một con mỗi giả mà George Croonenberghs đã bện phồng theo loài ong. Trông nó không giống ong lắm. Nếu bạn bắt đầu làm người câu cá mỗi giả, tốt hơn là bạn nên cẩn thận, đừng nghĩ cá cũng nhìn giống mình và mua những con “mỗi giả đặt ở quầy” - những con mỗi giả bán ở quầy tiệm thuốc mà dưới mắt bạn trông hết những con côn trùng thật. George có một bồn thủy tinh ở sân sau mà anh ta đổ đầy nước vào. Sau đó, anh ta nằm dưới cái bồn và nghiên cứu loài côn trùng mình sẽ phồng theo đang nổi ở phía trên, mà nhìn từ dưới lên thì trông chẳng giống chút nào. Tôi cột một con Ong của George - mà trông không giống ong, và câu được ba con cá bằng con mỗi đó. Chúng trông cũng khá khá nhưng không thể gọi là to - khoảng ba mươi sáu phân gì đó. Tuy thế, tôi cảm thấy khoan khoái vì đã cất được gánh nặng đang mang.

Không biết tại sao rất khó dừng ở số lẻ, vì thế, tôi muốn câu được thêm một con nữa cho đủ bốn, nhưng tôi cần phải chăm chỉ hơn nếu muốn câu được nó. Cuối cùng, khi tôi câu được rồi thì con cá lại nhỏ và tôi biết rằng nó là con cuối cùng, vì lũ cá còn lại đã cảnh giác với con Ong của George. Cái nóng ngày càng tăng của

buổi trưa giờ lại xua đuổi ruồi nhặng khỏi con hải ly chết và nó đã trở nên quá nặng mùi, vì thế tôi leo lên bờ sông và đi ngược chiều gió đến chỗ rẽ tiếp theo, nơi tôi có thể ngồi và nhìn xuôi dòng tìm Paul. Giờ đây nó có thể hỏi tôi, và tôi sẽ không xấu hổ khi bị bắt gặp ngồi trong bóng râm.

Tôi ngồi đó trong ánh nắng trưa nóng rẫy và cố quên đi con hải ly để nghĩ về món bia. Khi cố quên con hải ly, tôi cũng cố quên gã anh vợ và Da Sống Cũ. Tôi biết mình sẽ còn nhiều thời gian để ngồi đây và quên đi mọi thứ, vì em tôi sẽ không bao giờ dừng tay với ba hay bốn con cá như tôi, ngay cả khi nó sẽ gặp khó khăn khi cố câu thêm. Tôi ngồi đó, cố quên đi và quên đi, cho đến khi chỉ còn lại dòng sông trôi và thẳng tôi đang ngồi ngắm. Trên dòng sông, những loáng nước nhảy múa cùng nhau, vỡ tan vào nhau rồi nắm tay nhau nhảy quanh vòng quanh. Cuối cùng, người ngắm hòa với dòng sông làm một, chỉ còn lại một - dòng sông.

Ngay cả cấu tạo của dòng sông cũng phơi ra. Không xa phía dưới là một lòng sông khô cạn mà dòng sông đã từng chảy qua. Có một cách để hiểu về một thứ gì đó là qua cái chết của nó. Nhưng cách đây nhiều năm, tôi đã từng biết dòng sông khi nó chảy qua cái lòng sông giờ đây khô cạn này, vì thế tôi có thể làm cho chúng tích sỏi đá sống lại bằng dòng nước của ký ức.

Lòng sông chết cũng có mẫu hình của nó, và chúng tôi chỉ có thể hy vọng đến vậy. Mẫu hình chung của nó là những đường cong uốn khúc mà họa sĩ ưa thích dùng để ký họa thung lũng, từ ngọn đồi của tôi đến ngọn đồi cuối cùng, có thể nhìn thấy từ phía bên kia. Nhưng ở bên trong, nó được tạo thành bởi những góc nhọn. Dòng sông dường như chảy thẳng một khoảng, rẽ đột ngột, sau đó trôi êm trở lại, rồi gặp vật cản, lại rẽ gấp và lại trôi êm. Những đường thẳng không thật thẳng và những góc không thật vuông trở thành những đường cong đẹp của người họa sĩ và dòng sông chảy từ đây, ngang qua thung lũng, đến khuất tầm mắt.

Tôi cũng trở thành dòng sông khi biết nó đã được tạo thành như thế nào. Blackfoot Lớn là một dòng sông băng tan trẻ chảy xiết và dốc. Dòng sông chảy thẳng qua những thác ghềnh cho đến khi nó đụng vào những tảng đá lớn hay những cây to có rễ lớn. Đây là đoạn quanh co không hẳn là những góc vuông. Sau đó, nó uốn lượn và trở nên sâu hơn ở giữa những tảng đá lớn và chảy vòng trở lại qua những chướng ngại vật này, ở nơi ấy, những con cá to thường sống dưới đám bọt nước. Khi sông trôi êm trở lại, cát và những hòn đá nhỏ nó mang theo từ những thác ghềnh ở phía trên bắt đầu tỏa ra và lắng xuống đáy, dòng nước trở nên nông và lặng. Sau khi đã lắng đọng xong, nó bắt đầu chảy tiếp.

Vào một buổi trưa nóng bức, trí óc cũng có thể tạo ra những con cá và sắp đặt chúng theo cách nó đã tạo ra dòng sông. Nó sẽ để cho lũ cá sống hầu hết cuộc đời ở “vực xanh lớn” tại ngay ngã rẽ, nơi chúng có thể được những tảng đá lớn bảo vệ và nhận nhả chớ thức ăn được những con nước lớn cuốn tới. Từ đó, chúng có thể vượt thác ở phía trên khi chúng thật sự đói hay vào tháng Chín và trời mát, nhưng cuộc sống ở vùng nước xiết đó bao giờ cũng khắc nghiệt. Trí óc vốn sắp đặt mọi thứ cũng có thể dẫn lối cho lũ cá bơi vào dòng nước êm khi chiều xuống, khi đám muối mất và bướm đêm túa ra. Ở đây, người câu cá cần được khuyên nên dùng những con mồi nổi nhỏ và bơi sấp để chúng nổi trên mặt nước. Anh ta cũng cần được thông tin rằng trong con nước buổi chiều, mọi thứ phải hoàn hảo, bởi vì trong ánh hoàng hôn, lũ cá có thể nhìn thấy mọi thứ, vì thế ngay cả việc con mồi giả có quá nhiều lông ở đuôi cũng có thể làm cho lũ cá cảnh giác. Trí óc có thể sắp đặt tất cả những thứ này, nhưng lũ cá không phải bao giờ cũng tuân theo sự sắp đặt.

Những người câu cá cũng nghĩ rằng dòng sông đã được tạo ra với hình ảnh của họ ở trong tâm hồn nó, và họ nói về nó như thể họ là dòng sông. Họ nói về ba phần của quãng sông như một thể thống nhất và gọi nó là “vũng”, thác ghềnh là “đầu vũng”, khúc quanh lớn là “vực xanh” hay “hồ” và dòng nước nông, tĩnh lặng

bên dưới là “đuôi vũng” - họ nghĩ nơi này nông và lặng nên có thể lội qua và “thử câu ở bờ bên kia”.

Khi những loáng nước trên dòng sông phía trước tôi nhảy múa với nhau và hòa tan vào nhau, tôi có thể cảm thấy những mẫu hình từ cuộc đời của chính mình hòa cùng với chúng. Chính tại đây, trong khi chờ em trai, tôi đã bắt đầu câu chuyện này, mặc dù tất nhiên vào lúc đó, tôi không biết rằng những câu chuyện đời giống dòng sông hơn là quyển sách. Nhưng tôi biết một câu chuyện đã bắt đầu, có lẽ là rất lâu rồi, gần dòng nước gầm thét. Và tôi cảm thấy ở phía trước, tôi sẽ gặp một điều gì đó không bao giờ bị xói mòn, vì thế sẽ có một khúc quanh gấp, những xoáy nước sâu, một bãi lầy và sự êm đềm.

Người câu cá thậm chí còn có một cụm từ để mô tả điều anh ta làm khi nghiên cứu những mẫu hình của dòng sông. Anh ta nói là mình đang “đọc con nước”, và có lẽ để kể những câu chuyện của mình, anh ta cũng phải làm gần giống như vậy. Lúc đó, một trong những vấn đề lớn nhất của anh ta là đoán xem ở đâu và vào thời khắc nào trong ngày, cuộc sống sẵn sàng để ta khai thác thành một câu chuyện đùa. Và để đoán xem liệu nó sẽ là một câu chuyện đùa hay hoặc dở.

Tuy thế, đối với tất cả chúng ta, việc đọc những con nước buồn dễ hơn rất nhiều.

“Anh câu được khá không?” - Giọng nói và câu hỏi cho biết nếu hồn tôi không ở tận nơi đâu và nhìn quanh, tôi sẽ thấy em tôi. Nhận định này trở nên chắc chắn khi giọng nói lại hỏi tôi: “Anh đang làm quái gì ở đây vậy?”.

“Ồ, chỉ là đang suy nghĩ thôi” - Tôi trả lời, như chúng ta đều trả lời như thế khi không biết mình đang làm gì.

Paul bảo trời quá nóng, không thể câu được nhưng nó đã câu cho đến khi kiếm được “một mớ lộn xộn kha khá”, nghĩa là mười hay

mười hai con cỡ vừa. “Chúng ta hãy đi lấy bia nhé”. Nó rủ tôi. Khi nó nói đến “bia”, mọi thứ trở lại với tôi - món bia, con hải ly, gã anh vợ, và bạn câu của hắn.

“Lạy Chúa, chúng ta cần phải đi lấy bia” - Tôi tán thành.

Paul tiếp tục xoay cái mở chai quanh ngón tay út. Chúng tôi quá khô họng đến nỗi cảm thấy tai mình kêu khi cố nuốt nước bọt. Về nội dung cuộc nói chuyện, chúng tôi chỉ lặp lại điệp khúc của người câu cá mùa hè: “Một chai bia chắc chắn sẽ ngon”.

Có một lối đi uống nước của thú rừng cắt từ bờ xuống đến quãng sông nơi chúng tôi đã ướp bia của mình, và chúng tôi đi xuống đó với đôi chân cứng đờ. Paul đi trước, và khi đến gần dưới, đầu gối có vẻ mềm hơn, nó liền hướng về dòng sông. Chúng tôi đã ngâm bia dưới dòng nước chảy để làm lạnh bia nhưng không phải ở chỗ nước chảy quá xiết, vì nó sẽ cuốn chai bia đi.

“Em không thấy nó” - Paul nói khi dò bằng chân. “Ồ, em chưa tìm đúng chỗ đấy thôi. Nó phải ở đó chứ” - Tôi đáp lại và lội ra để tìm chai bia cho nó, bản thân cũng nghi ngờ việc mình có thể tìm thấy.

Nó nói: “Đừng tìm xung quanh nữa, chẳng ích gì đâu. Đó là nơi chúng ta đã chôn nó”. Em trai tôi chỉ những cái hốc trong lớp đất sét dưới đáy vũng, nơi chúng tôi đã lôi các tảng đá ra để dần lên mấy chai bia. Tôi dò dưới một trong những cái hốc đó bằng mũi ủng lội nước như thể chai bia có thể trốn khỏi tầm mắt của tôi trong cái hốc chỉ to bằng cỡ tảng đá nhỏ. Paul cũng làm như vậy. Không có chai bia nào trốn dưới mấy cái hốc, chúng quá nhỏ nên mấy chai bia không thể chui lọt được.

Chúng tôi đã chịu khát quá lâu. Giờ đây, đứng ngập đến gối trong mấy cái hốc dưới lớp đáy bằng đất sét, chúng tôi khum tay và bắt đầu uống nước sông. Từ chỗ chúng tôi đến chiếc xe vẫn còn thêm ba vũng nữa, nơi chúng tôi chôn mấy chai bia, nhưng

chúng tôi đã gần như từ bỏ hy vọng tìm thấy bia.

Paul nói: “Tổng cộng chúng ta đã chôn tám chai bia ở bốn vũng. Anh có nghĩ bọn chúng đã uống hết tám chai bia, ngoài phần còn lại của chai 3-7-77 không?”.

Nó nói một cách nhẹ nhàng, vì còn nể nang tôi, vợ và mẹ vợ tôi. Nhưng tôi không thể bác bỏ bất cứ điều gì nó đang nghĩ. Mặc dù đã đi trở lại con đường mòn, chúng tôi vẫn luôn nhìn thấy dòng sông và cả hai chúng tôi đều không thấy một người câu cá nào. Còn ai khác có thể lấy bia nữa?

Tôi thổ lộ: “Paul, anh rất tiếc. Anh ước gì mình đã biết cách để có thể tránh xa cái gã này”.

“Anh không thể tránh hẳn được” - Paul khẳng định.

Hốt nhiên chúng tôi đã làm một điều mà trong một tích tắc, có vẻ lạ lẫm đối với tôi, xét đến việc chúng tôi đã biết là tất cả bia đã biến mất mà không cần vội vã kiểm tra và chúng tôi cũng biết mà không cần chứng cứ là ai đã lấy trộm. Chúng tôi đột ngột quay lại và lao lên khỏi dòng nước với một tiếng gầm, như hai con thú khi lội qua được dòng sông, nhảy lên bờ khi dòng nước đã nông hơn và làm sóng tràn vào bờ mãi một lúc lâu sau khi chúng tôi đã lên bờ. Sau đó, tôi có thể dễ dàng hiểu được sự dè dặt của chúng tôi chỉ dành cho nhau và tiếng gầm cùng cú nhảy lên bờ là dành cho những kẻ đã lấy bia của chúng tôi.

Những viên đá lạo xạo và bắn ra khỏi bước chân khi chúng tôi đi dọc bờ. Ở mỗi vũng tiếp theo, chúng tôi lại lặp lại nghi thức nhìn chằm chằm vào chỗ trống cạnh những tảng đá đã bị lăn sang một bên.

Sau đó, chúng tôi đến nơi có thể nhìn thấy từ xa chiếc xe của mình đậu trên bờ sông và dưới đó, dòng sông chia đôi với dải cát ở chính giữa.

Không có ai rời chiếc xe đến nơi có bóng râm. Tôi có thể cảm thấy nó sẽ nóng thế nào nếu chúng tôi đụng vào cái chắn bùn trong khi cởi quần áo ướt ra.

Tôi nói: “Anh không thấy họ”. “Em cũng vậy” - Paul tiếp lời.

“Chúng không thể ở trong xe” - Tôi lại nói. Và Paul lại tiếp lời: “Ngày hôm nay, đến chó cũng phải chết nếu chúng ta bỏ quên nó trong xe”.

Rảo bước đi tìm chúng, tôi không nhìn đường nên đã vấp vào một tảng đá và ngã chổng cùi chỏ xuống vì đưa tay ra để tránh ngã lên cần câu. Tôi đang nhặt cát ra khỏi vết thương thì Paul hỏi: “Cái gì ở trên dải cát thế?”. Vẫn còn đang cố nhặt các mảnh đá xanh đen ra khỏi chỗ trầy, tôi phỏng đoán: “Có thể là con gấu”.

“Con gấu nào?” - Em trai tôi hỏi vặn.

“Con gấu chạy lên núi” - Tôi kể với nó - “Đó là nơi nó từ trên núi xuống uống nước”.

“Không phải là gấu” - Paul nói chắc nịch.

Tôi xem xét dải cát. “Có thể là hai con gấu” - Tôi lại đoán già đoán non.

“Nó đúng là hai” - Em tôi khẳng định - “nhưng không phải gấu”.

“Tại sao em nói là ‘nó’ trong khi có hai con?” - Tôi hỏi Paul.

“Nó không phải là gấu. Nó màu đỏ”.

“Chờ chút, em sẽ thấy nó đi lên núi. Sau đó, em sẽ thấy nó là gấu. Gấu sẽ chạy thẳng lên núi”.

Lúc này, chúng tôi đi rất chậm, như thể sẵn sàng nhảy sang hai bên nếu con vật bất chợt lao đến.

“Nó màu đỏ. Và nó là bất cứ cái gì đã uống bia của chúng ta”.

Tôi bảo nó: “Thậm chí nó cũng không phải là người. Nó màu đỏ theo như em nói”.

Giờ thì chúng tôi dừng lại một cách bất an, giống như lũ thú tiến đến một vũng nước và trông thấy cái gì đó ở nơi chúng sẽ uống nước. Chúng tôi không thở phì phì và tát, nhưng chúng tôi có thể cảm nhận được uy lực của hơi thở và cú tát. Không còn cách nào khác, chúng tôi buộc phải đi tới.

Chúng tôi tiếp tục đi cho đến khi chúng tôi biết, nhưng không thể tin nổi. “Gấu à, chết tiệt. Đó là một cặp mộng trần” - Paul nói.

“Hai cặp mộng trần” - Tôi chĩnh lại.

“Em cũng muốn nói thế” - Paul đồng ý với tôi - “Đó là hai cặp mộng trần. Cả hai đều đỏ lựng”.

Chúng tôi vẫn không tin nổi dù đã nhìn thấy tận mắt. “Tôi là đồ chó đẽ”, Paul nói. “Anh cũng vậy” - Tôi nói để xác nhận lại.

Bạn sẽ chưa bao giờ thật sự trông thấy một cặp mộng trần cho đến khi bạn nhìn thấy hai cặp mộng r ám nắng trên một dải cát ở giữa sông. Hầu như toàn bộ những phần khác của cơ thể đều tan biến. Thân người là một cặp mộng lớn đỏ lựng sắp rộp lên, với tóc ở một đầu là nơi có cái đầu và bàn chân gắn với đầu còn lại là đôi chân. Tối nay, chúng nó sẽ lên cơn sốt.

Lúc đó, cảm giác của tôi là như vậy, nhưng giờ đây, khi tôi nhìn lại qua sự đa cảm của ký ức, câu chuyện thuộc về một thế giới đồng nội, nơi bạn có thể trút bỏ quần áo, làm tình với một cô gái ở giữa dòng sông, sau đó, lăn qua nằm sấp và ngủ thiếp đi trong

vài tiếng đồng hồ.

Thời nay, nếu bạn thử làm một điều gì đó giống như thế trên sông Blackfoot, cả nửa thành phố Great Falls sẽ đứng trên bờ sông chờ dịp đánh cắp quần áo của bạn, lúc bạn chìm vào giấc ngủ. Có thể là còn sớm hơn nữa.

“Này” - Paul hét lên với hai tay làm loa quanh miệng. Sau đó nó huýt sáo bằng hai ngón tay út.

“Anh nghĩ chúng có sao không?” - Nó hỏi tôi - “Anh thường làm việc dưới nắng vào mỗi mùa hè trong lực lượng Kiểm lâm mà”.

Tôi trả lời nó: “Ờ, anh chưa bao giờ thấy ai chết vì say nắng, nhưng chắc chắn chúng sẽ khốn khổ, thậm chí không mặc nổi đồ lót bằng len trong vài tuần lễ”.

“Hãy đưa chúng lên xe” - Paul đề xuất ý kiến. Chúng tôi cởi giỏ cá ra, dựa cần câu vào một khúc gỗ cho dễ thấy và để không ai giẫm lên.

Chúng tôi đã lội gần đến dải cát thì Paul dừng lại và đưa tay cản tôi lại. “Chờ chút. Em muốn nhìn một lần nữa để em sẽ luôn nhớ”.

Chúng tôi đứng đó một phút và ghi nhớ vào khoảng trống ít ỏi còn lại trong trí óc của mình. Đó là một sự ghi khắc bằng màu sắc. Ở tiền cảnh của bức tranh là lon cà phê Hills Bros., sau đó là những lòng bàn chân mềm mại đỏ hồng quay xuống dưới, hai cặp móng cháy xèo xèo dưới ánh mặt trời, và ở hậu cảnh là một đống quần áo với cái quần đỏ của cô ở trên cùng. Bên cạnh là phần còn lại của chai 3-7-77, nóng rẫy khi chạm vào. Không thấy cần câu hay giỏ câu.

Paul lại nói: “Cầu cho hấn dính thật nhiều vi trùng giang mai, nhưng cũng cầu cho hấn không bị liệt”.

Tôi chưa bao giờ quăng câu lại ở vũng này, nơi tôi đã coi là một chốn trú ẩn khi đi săn.

Chúng tôi lội hết quãng đường còn lại đến dải cát mà không phát ra tiếng ộp oạp, sợ làm hai đứa kia tỉnh giấc. Tôi cho rằng chúng tôi đã nghĩ: “Khi thức dậy chúng sẽ bắt đầu lột da”. Tôi biết mình đã nghĩ gì. Tôi đã làm việc mấy mùa hè ở lãnh thổ của rắn chuông vào cuối tháng Tám, và tôi nghĩ khi chúng thức giấc, nhận ra trời nóng thế nào, chúng sẽ lột da và bị mù một thời gian rồi sẽ tấn công bất cứ cái gì chúng nghe thấy. Tôi nhớ là mình đã luôn nghĩ rằng chúng sẽ rất nguy hiểm khi thức giấc, vì thế tôi bước quanh chúng một cách thận trọng, giữ khoảng cách an toàn.

Khi chúng tôi đến gần, ở hai đứa ấy hiện ra những bộ phận không thể nhìn thấy từ bờ. Từ chúng mọc ra đôi chân ở giữa mông và bàn chân, những cái lưng và cổ, đặc biệt là cổ ở giữa mông và tóc. Chúng đổ cho đến tận tóc, những lọn tóc xoắn. Thật khó biết được tóc chúng quấn tự nhiên hay quấn lại dưới ánh nắng. Tóc bung ra từng sợi như được uốn bằng cái kẹp uốn tóc nóng.

Paul tiến tới để xem trong chai 3-7-77 còn lại gì, trong khi đó, tôi đứng lại nghiên cứu giải phẫu tạo hình. Mỗi sợi tóc là một sự đau đớn đến tận gốc, nhưng đó không phải là điều tôi sẽ lúi lại để nói với Paul. Tôi suy nghĩ lung đến nỗi phải lúi lại đến khi va vào nó.

“Ả có hình xăm trên mông” - Tôi chợt phát hiện.

“Anh không đùa chứ?” - Paul hỏi lại tôi.

Rồi nó đi vòng quanh cô ả như thể đi ngược chiều gió trong một cuộc săn lớn, trước khi cố gắng tiếp cận con mồi. Sau đó, nó lúi lại và hoàn tất vòng tròn khi gặp tôi. “Tên viết tắt của mấy gã chặn bò của ả là gì?”

“B.I. và B. L.”

“Anh chắc chứ?”

“Chắc chắn”.

“À, không khớp, bởi vì ả xăm chữ LO ở một bên hông và chữ VE ở bên còn lại”.

Tôi chỉnh lại: “LOVE, với một cái gạch ở giữa”.

“Chết tôi mất” - Paul kêu lên và lùi ra, đi vòng quanh và bắt đầu xem xét lại tình hình từ đầu.

Da Sóng Cũ nhảy dựng lên như cái đèn xoắn ốc ở hiệu cắt tóc. Người ả màu đỏ, trắng và xanh. Trắng ở nơi ả nằm sấp trên cát, lưng ả là một thang màu toàn những sắc đỏ, đỏ đến tận tóc, chỉ trừ vết xăm màu xanh đen. Ai đó lẽ ra nên quay vòng ả và chơi bài “Muôn năm sao và sọc” (The Stars and Stripes Forever).

Da Sóng Cũ nhìn quanh đây kích động để định hướng, rồi sau đó lao nhanh như chớp về phía đồng quần áo, mặc vội cái quần thun đỏ của ả vào. Khi đã chắc chắn bạn không còn có thể nhìn miễn phí cái phần thân đã nuôi miệng ả, ả dịu xuống. ả không mặc thêm đồ nào nữa, nhưng đi thơ thẩn trở lại, nhìn tôi và nói: “Ồ, là anh à”.

Sau đó, ả nhìn cả hai chúng tôi và nói tiếp: “À, cái gì ở trong đầu các anh vậy, các chàng trai?”. ả đã sẵn sàng phục vụ chúng tôi.

Tôi đáp: “Chúng tôi ra đón Neal”.

Da Sóng Cũ thất vọng: “Ồ, các anh muốn nói đến Anh Giai hả”.

Tôi xác nhận: “Tôi muốn nói đến hắn”. Và khi tôi chỉ tay vào gã anh vợ, hắn rên rỉ. Tôi nghĩ hắn không muốn thức dậy và thấy

mình bị bỏng nắng, nhức đầu nữa, sau cơn say. Hấn lại rên rĩ và chuôi sâu hơn nữa xuống dưới cát. Cái bụng trắng của Da Sóng Cũ bị phủ đầy cát, và có vết hằn ở những chỗ da ả bị nhấn lại khi ả nằm đè lên. Cát chảy ra từ rốn của ả.

Paul bảo: “Mặc đồ của cô vào và giúp chúng tôi lôi hấn ta dậy”. Da Sóng Cũ trông có vẻ phẫn nộ. ả nói: “Tôi có thể lo cho anh ấy”. Paul bảo: “Cô đã làm rồi đấy thôi”.

ả khăng khăng: “Anh ấy là người đàn ông của tôi. Tôi có thể lo cho anh ấy. Ánh nắng không làm gì được tôi”. Và tôi cho rằng ả đã nói đúng - gái điếm của ngư dân làm tiền dưới nắng.

Paul tỏ ra cương quyết: “Mặc đồ vào, không thì tôi sẽ đá vào mông cô đấy”. Cả ả và tôi đều biết nó muốn nói gì.

Paul đi đến chỗ đóng quần áo và bắt đầu tách đồ của Neal ra khỏi đồ của ả. Chúng nằm theo trật tự lúc lột ra. Đó là lý do tại sao cái quần đỏ của ả lại nằm trên cùng, và cái dây thắt lưng của ả lại nằm dưới cùng.

Tôi bảo Paul: “Làm vậy là tốt, nhưng chúng ta không thể mặc đồ cho hấn. Anh không nghĩ hấn sẽ chịu nổi quần áo cọ xát vào người”.

“Vậy thì chúng ta sẽ đưa hấn về nhà trần truồng” - Paul nói.

Khi nghe thấy từ “nhà” Neal đột ngột ngồi dậy, cát chảy thành dòng khỏi người hấn.

“Tôi không muốn về nhà” - Hấn cho biết.

“Vậy thì anh muốn đi đâu, Neal?”

“Tôi không biết, nhưng tôi không muốn về nhà”.

Tôi bảo hắn: “Có ba người phụ nữ ở nhà biết cách chăm sóc cho anh”.

“Tôi không muốn gặp ba người phụ nữ ấy” - Hắn nói, và cát lại chảy khỏi người hắn.

Da Sóng Cũ cấp đồ của ả dưới cánh tay. Tôi cúi xuống, nhặt đồ của Neal lên và để cho hắn cấp nách. “Đây này”

- Tôi nói, nắm lấy cánh tay còn lại của gã anh vợ: “Tôi sẽ giúp anh lội trở vào bờ”.

Neal nhẩy bật ra vì đau. “Đừng đụng vào tôi” - Hắn nói với Da Sóng Cũ - “Cầm đồ cho anh. Cấp nách đau lắm”.

“Anh cầm đi” - ả bảo tôi, và tôi làm theo. ả nắm lấy cánh tay mà Neal đã giật ra khỏi tôi và dắt hắn đến mé nước. Đi được một quãng, ả quay đầu lại, nói với tôi: “Anh ấy là người đàn ông của tôi”. ả là một người phụ nữ khỏe mạnh và rắn rỏi. Blackfoot là một con sông lớn và khó lội. Gã đàn ông đã không thể lội qua nếu không nhờ đôi chân khỏe của ả.

Đi được nửa đường, Paul quay đầu lại và quay lại lấy chai 3-7-77 còn dở. Sau khi Da Sóng Cũ đưa Neal lội qua hết sông, ả để hắn tự dò dẫm qua các tảng đá bằng đôi chân mềm của mình, và lội ngược trở lại dải cát. Chân ả cũng mềm, nhưng ả lội trở lại dải cát để lấy lon cà phê Hills Bros. đỏ.

Tôi gặp Da Sóng Cũ trên bờ khi ả quay trở lại.

“Có gì quý trong lon cà phê đó vậy?” - Tôi hỏi ả.

“Tôi không biết. Nhưng Anh Giai luôn thích giữ nó bên mình”.

Có một cái chần mỏng ở ghế sau của chiếc xe mà chúng tôi dùng để trải trên đất khi chúng tôi đi picnic. Lá kim của cây linh sam

bám vào đó. Chúng tôi đặt Neal và Da Sóng Cũ ở ghế sau rồi ném cái chăn lên người chúng - có lẽ là do một vài lý do. Cũng có thể là để cho chúng không bị bỏng thêm, đặc biệt là bởi gió nóng, và cũng có thể là để cảnh sát bang không bắt chúng tôi vì tội lỏa lồ. Nhưng vào lúc cái chăn vừa chạm vào vai, chúng oằn mình cho đến khi cái chăn rơi ra. Vì thế, chúng tôi lái về Wolf Creek, hoàn toàn phơi ra trước nắng gió và cảnh sát.

Neal không bao giờ ngồi thẳng lên, thỉnh thoảng hấn lại lằm bằm: “Tôi không muốn gặp ba người phụ nữ ấy”. Mỗi lần hấn lằm bằm câu này, Da Sóng Cũ lại ngồi thẳng dậy đáp lời: “Đừng lo. Em là người phụ nữ của anh. Em sẽ lo cho anh.” Mỗi lần hấn lằm bằm câu này, tôi lại ghì chặt lấy tay lái. Tôi cũng không muốn gặp ba người phụ nữ ấy.

Trên suốt đường đi, tôi và Paul không nói chuyện với nhau hay với chúng. Chúng tôi để cho một đĩa lằm bằm dưới nách của chính hấn, còn đĩa kia nhẩy dựng lên rồi lại vùi mình trong đồng quần áo. Nhưng khi chúng tôi đến gần Wolf Creek thì tôi có thể cảm thấy Paul đang sẵn sàng thay đổi cách thức. Nó từ từ nhòai người lên cho đến khi có thể chạm vào băng ghế sau. Tiếng lằm bằm lại vang lên: “Tôi không muốn về nhà”. Paul vươn tới, nắm lấy cánh tay thuộc về cái nách kia, kéo hấn dậy. Cánh tay chuyển sang trắng bệch ngay cả khi nó bị bỏng nắng. Paul bảo: “Anh đã sắp đến nhà rồi. Chẳng còn chỗ nào khác để đi đâu”. Không còn tiếng lằm bằm nữa. Paul vẫn tiếp tục giữ lấy cánh tay.

Ả gái điếm vẫn ương ngạnh, ả và Paul tranh cãi với nhau. Paul đã quen nói chuyện với những người phụ nữ ương ngạnh, còn ả thì quen dùng những lời lẽ “có gươm có đao”. Cuộc tranh cãi là về việc chúng tôi sẽ tống cổ ả ngay khi về đến thị trấn hay ả sẽ ở lại và chăm sóc Anh Giai. Những từ ngữ phát ra toàn là: “Chúa nguyên rửa mày, tao sẽ lo”, “Chúa nguyên rửa mày, không phải việc của mày”. Paul nói với tôi khi đang cãi vã: “Khi đến thị trấn, anh hãy dừng ở phòng khiêu vũ bằng gỗ”.

Phòng khiêu vũ gỗ là tòa nhà đầu tiên ở rìa của thị trấn. Đó là một nơi rất tốt để đánh nhau, và ở đó đã xảy ra vô số trận chiến, đặc biệt là vào các đêm thứ Bảy - lần nào cũng do các tay say rượu của Wolf Creek cố nhảy với bạn gái của những kẻ say từ vùng Dearborn tới thực hiện.

Dựa trên mức độ báng bổ thì bạn không thể xác định ai thắng trong cuộc tranh cãi, nhưng khi chúng tôi đến gần thị trấn hơn thì Da Sống Cũ vươn tới đóng quần áo và lấy mấy thứ mặc lên người. Có một khúc quanh ở nhánh sông và con đường ngay trước khi bạn đến phòng khiêu vũ gỗ. Khi Da Sống Cũ trông thấy khúc quanh, ả nhận ra mình sẽ không kịp mặc hết quần áo vào khi chúng tôi đến phòng khiêu vũ, vì thế, ả bới gấp đóng quần áo và túm lấy những thứ của ả.

Ngay khi tôi dừng xe, Da Sống Cũ điên cuồng thọc tay vào đóng đồ, mở cửa xe và nhảy ra ngoài. ả ở mé đối diện với Paul trên chiếc xe, và ả hẳn đã nhận ra rằng việc đó sẽ cho ả một lợi thế xuất phát đủ lớn. ả để mặc cho cửa xe đung đưa, khư khư ôm chặt mớ quần áo trên tay. Ở trên cùng của mớ quần áo là chiếc quần lót của Neal, không biết là do ả lấy nhầm hay muốn giữ làm vật lưu niệm. ả càu nhàu tiếp khi ôm chặt mớ quần áo, giống như một người đóng hàng thắt một nút vương miện^[24] để chắc chắn rằng cả kiện hàng sẽ không bung ra trong suốt chuyến đi gian khổ ở phía trước.

Sau đó, ả nói với em tôi: “Mày là thằng khốn kiếp hôi hám”. Paul ra khỏi chiếc xe như thể xe không có cửa rồi đuổi theo ả.

Tôi nghĩ mình biết Paul cảm thấy thế nào. Nó không ưa ả, mà nó cũng không thật sự có ấn tượng mạnh đối với ả. Chính gã khốn đang nằm lổa lổ ở ghế sau mới là người nó ghét. Gã khốn đã làm hỏng gần như hoàn toàn chuyến đi câu mùa hè của chúng tôi. Gã khốn câu cá bằng môi sống đã xâm phạm mọi điều trong câu cá mà cha chúng tôi đã dạy bằng cách đem theo một con diêm và

một lon cà phê tròn nhưng lại không đem cần câu. Gã khốn câu cá bằng mồi sống đã chơi con đỉm ngay giữa dòng sông của gia đình tôi. Và sau khi uống hết bia của chúng tôi, gã khốn ấy ở ngay phía sau xe không ai đụng tới được vì ngại ba người phụ nữ.

Da Sống Cũ chạy chân không và cố giữ lấy mớ đồ của ả cùng cái quần lót của Neal, vì thế Paul bắt kịp ả sau khoảng mười bước. Nó đá ả khi đang chạy, tôi nghĩ là ngay vào giữa chữ “LO” và chữ “VE”. Trong vài giây, cả hai bàn chân của Da Sống Cũ chới với trong không trung phía sau ả. Hình ảnh đó in dấu trong ký ức tôi.

Khi đã có thể tựa quỳ chân tay, tôi nhìn lướt qua gã anh vợ hai lần rồi đếm đến bốn. Bốn là số người phụ nữ ở ngoài đường sẵn sàng bảo vệ hần - một ở giữa đường và ba ở trong ngôi nhà phía dưới một chút.

Đột nhiên, trong lòng tôi trào dâng một ham muốn được đá đít một người phụ nữ. Trước đây, tôi chưa bao giờ biết đến ham muốn đó, nhưng giờ đây, nó tràn ngập trong tôi. Tôi nhả ra khỏi chiếc xe và bắt kịp Da Sống Cũ, nhưng trước đó, ả đã bị đá đít bởi một chuyên gia, vì thế tôi hoàn toàn để vuột mất ả. Tuy vậy, tôi vẫn cảm thấy dễ chịu hơn bởi nỗ lực của mình.

Tôi và Paul đứng bên nhau mà xem Da Sống Cũ chạy cong đuôi xuống con đường xuyên qua thị trấn. ả không còn lựa chọn nào khác. ả sống ở phía bên kia của thị trấn, trong một khe núi hẹp. Sau khi về đến gần nhà, ả dừng lại vài lần để nhìn lại phía sau, và tôi với Paul đều không thích những điều ả nói mà chúng tôi không thể nghe được. Mỗi lần như vậy, chúng tôi lại giả vờ như chúng tôi sắp đuổi theo ả tiếp, và ả lại dịch gần hơn tới túp lều của mình. Cuối cùng, ả và mớ đồ biến mất, chỉ còn chúng tôi với băng ghế sau. “Giờ thì chúng ta không còn việc gì nữa ngoài việc đưa hần về nhà” - Em trai tôi chép miệng. Khi chúng tôi quay lại xe, nó nói thêm: “Anh gay go rồi”. “Anh biết, anh biết” - Tôi nói.

Nhưng tôi không thật sự biết. Tôi vẫn không biết những người phụ nữ Scotland sẽ trông thế nào khi họ đấu tranh để giữ niềm kiêu hãnh và không còn nhiều cơ sở để làm được điều đó. Phòng khi bạn nghi ngờ, họ vẫn luôn giữ được lòng kiêu hãnh.

Ngay cả Neal cũng cố lấy lại tinh thần. Hắn cố mặc đồ vào trước khi mấy người phụ nữ trông thấy hắn. Hắn chất đồng quần áo bên ngoài xe, và khi không thể tìm thấy cái quần lót, hắn bắt đầu cố gắng mặc quần vào, nhưng bị vấp ngã và tiếp tục vấp ngã. Hắn giữ cái quần ở phía trước mình và cố xỏ chân vào. Tuy nhiên, hắn vấp ngã quá nhanh nên không theo kịp cái quần, hắn chưa bao giờ tới gần được cái quần quá một tấc tay.

Hắn thở không ra hơi khi chúng tôi giữ lấy hắn và thở hỗn hển khi chúng tôi mặc quần cho hắn. Đôi chân của hắn sưng quá to nên không mang giày vào được. Chúng tôi khoác áo trên vai hắn và để đuôi áo thả xuống lưng. Khi chúng tôi đưa hắn vào nhà, trông hắn như một kẻ đắm tàu mà chúng tôi đã tìm thấy trên đảo.

Florence đi ra khỏi bếp và khi trông thấy tôi cùng Paul đang dìu ai, bà bắt đầu lau tay vào cái khăn lau đĩa.

“Các anh đã làm gì con trai bé bỏng của tôi?” - Mẹ vợ tôi hỏi gặng.

Nghe tiếng của mẹ, Jessie cũng từ nhà bếp đi ra. Cô có vóc người cao và tóc màu hung. Tôi khom người trước cô do cố dìu gã anh trai của cô.

“Anh là đồ khốn” - Cô ta nói vào mặt tôi. Đồ khốn mà tôi đang đỡ nặng cả tấn.

“Không” - Paul phản bác.

“Tránh đường” - Tôi bảo Jessie. “Bọn tôi phải đặt anh ấy lên giường”.

“Anh ấy bị bỏng nắng nặng” - Paul nói.

Những người phụ nữ mà tôi lớn lên cùng không bao giờ chân chù khi có việc cần làm, đặc biệt là những gì liên quan đến y khoa. Hầu hết mọi người đều có phản ứng hóa học tức thì là rúm người lại vì đau hay trước sự biến dạng xấu xí, nhưng những người phụ nữ mà tôi lớn lên cùng đã bị y học hút hồn rồi.

“Nào, cởi đồ nó ra” - Florence ra lệnh đồng thời lùi lại nơi cửa phòng ngủ và mở ra.

“Con sẽ đi tìm Dotty” - Jessie nói. Dotty là y sĩ có chứng chỉ.

Neal không muốn mẹ cởi đồ cho mình, còn mẹ hấn thì nghĩ chúng tôi hậu đậu nên cứ đẩy chúng tôi ra. Trước khi chuyện này có thể xảy ra, Jessie đang ở trong phòng ngủ cùng Dorothy. Tôi không biết làm cách nào mà một y sĩ có thể mặc đồng phục nhanh đến vậy, nhưng tôi có thể nghe tiếng sột soạt của vải hồ cứng khi cô ta đi qua cửa. Khi Neal nghe tiếng vải hồ, hấn thối vạy vẹo người để thoát khỏi chúng tôi. Dorothy thấp người và đầy uy lực, còn Jessie và mẹ cô ấy thì cao và gầy, nhưng rất khỏe. Tôi và Paul đứng bên giường tự hỏi tại sao chúng tôi đã không thể cởi được quần áo của hấn ra. Chẳng bao lâu, gã anh vợ của tôi đã trở thành một cái xác đỏ lựng nằm trên cái khăn trải giường màu trắng.

Hầu như cũng ngay lúc đó, tôi và Paul, những người đã nắm cả thế giới trong tay khi cầm cái cần câu một trăm hai mươi tám gram, không hề may mắn được phục vụ. Chúng tôi bị vút sang một bên như thể chúng tôi không có khả năng nấu nước hay tìm băng gạc hoặc đem vào nếu chúng tôi tìm thấy.

Lần đầu tiên Jessie đi qua ngang mặt tôi, cô ta nói toạc móng heo: “Tránh đường”. Tôi biết trước đây, vợ tôi không thích tôi nói với cô ta như vậy.

Theo phản ứng hóa học, tôi và Paul lùi lại phía cửa phòng ngủ, nhưng em tôi đến đó trước và dậm bước ra quán Dùi Cui để làm một ly, tôi cũng cần phải uống. Mặc dù vậy, tôi đã không khép cửa phòng ngủ trước khi ba người phụ nữ đến gặp tôi.

Ngay khi Florence thấy con trai mình đỏ như tôm luộc, bà tiến đến gần để tìm hiểu lý do. Đối với những người phụ nữ Scotland, vấn đề y khoa đặt trên vấn đề phẩm hạnh. Bà nhìn lại một lần nữa để chắc chắn rằng Dorothy đã lo liệu vụ này, xong, bà gọi tôi.

Bà mẹ vợ đứng trước mặt tôi cứng còng như thể đang đứng cho nhiếp ảnh gia Scotland thế kỷ mười chín David Octavius Hill chụp ảnh. Đầu bà lẽ ra đã có thể được giữ yên để chụp tốc độ chậm nhờ một cây chống không trông thấy được ở phía sau cổ của bà. Bà yêu cầu tôi: “Hãy kể cho tôi nghe. Việc nó bị bỏng nắng từ đầu đến chân xảy ra như thế nào?”. Tôi sẽ không kể cho bà nghe, và tôi cũng sẽ không nói dối nếu tôi biết không thể thoát thân bằng lý do đó. Cách đây rất lâu, tôi đã học được, đôi khi chứng nghiệm qua kinh nghiệm xương máu của chính mình, rằng lòng mộ đạo của người Scotland đi kèm với việc biết trước tội lỗi. Chúng tôi muốn nói đến tội lỗi sẵn có - chúng tôi không phải phạm tội để biết về tội lỗi.

Tôi nói với bà: “Anh ấy không thấy thích đi câu cá với chúng con, và khi chúng con quay lại thì thấy anh ấy đang nằm ngủ trên cát”.

Bà mẹ vợ biết tôi sẽ chỉ kể đến vậy. Cuối cùng, nhiếp ảnh gia thế kỷ mười chín đã lấy đi cái trụ chống ở phía sau cổ của bà. Bà nói: “Tôi quý anh”. Tôi biết bà không thể nghĩ ra điều gì khác để nói. Tôi cũng biết bà nói thật lòng. “Tại sao anh không ra ngoài đi?” - Và bà mẹ vợ của tôi nói thêm.

“Đợi đã” - Dorothy nói với tôi, rồi chuyển công việc cho Florence. Dorothy và tôi là những người dâu, rể của gia đình và thường có

cảm giác là nếu không đoàn kết lại thì chúng tôi sẽ bị treo cổ từng người một. “Đừng lo về anh ấy” - Cô nói - “Bỏng độ hai. Rộp da. Lột da. Sốt. Vài tuần là khỏi. Đừng lo về anh ấy. Đừng lo cho chúng tôi. Phụ nữ chúng tôi có thể giải quyết được.

Dorothy nói: “Thật ra, tại sao anh và Paul không ra khỏi đây? Chúng tôi còn Ken và anh ấy có thể làm mọi thứ. Neal là anh của anh ấy. Hơn nữa, tôi nghĩ, thậm chí không cần các anh ở đây. Tất cả những gì các anh có thể làm là đứng quanh và ngó, và lúc này đây, không ai trong gia đình này muốn bị ngó cả”.

Mặc dù thấp người nhưng Dorothy có bàn tay to. Cô ta nắm lấy bàn tay tôi và bóp. Tôi nghĩ đó là lời tạm biệt của cô ta nên quay người toan bước đi, nhưng cô kéo tôi lại và hôn nhẹ rồi quay lại tiếp tục làm việc.

Cứ như thể mấy người phụ nữ đã thỏa thuận với nhau về một kiểu cơ chế con thoi, hai người luôn bên bực Neal còn một thì đứng về phía tôi. “Đợi đã” - Jessie nói, trước khi tôi đóng cửa lại ở sau lưng mình.

Đàn ông gặp bất lợi khi nói chuyện với một người phụ nữ cao bằng anh ta, tôi đã cố gắng rất lâu và rất vất vả để vượt qua khó khăn này.

“Anh không thích anh ấy phải không?” - Vợ tôi hỏi.

“Em yêu” - Tôi hỏi lại: “Anh có thể yêu em mà không thích anh ấy chẳng?”

Jessie chỉ đứng nhìn tôi, vì thế tôi tiếp tục nói và nói nhiều hơn những điều tôi định nói. Tôi nói những điều cô ấy đã biết, nhưng có thể có một điều cô ấy muốn nghe lại. Tôi nói: “Jessie. Em biết là anh không biết nói dối. Anh không thích anh ấy. Anh sẽ không bao giờ thích anh ấy. Nhưng anh yêu em. Tuy nhiên, đừng tiếp tục thử thách anh bằng cách không cho anh chọn lựa. Jessie,

đừng để cho anh ấy...”. Tôi ngưng không nói tiếp vì tôi biết lẽ ra, tôi nên tìm một cách khác ngắn hơn để nói những điều đã nói.

“Đừng để anh ấy làm gì?” - Vợ tôi hỏi - “Anh định nói gì vậy?”.

“Anh không thể nhớ mình định nói gì” - Tôi trả lời - “nhưng anh cảm thấy không tìm được tiếng nói chung với em”.

“Em đang cố giúp một người” - Jessie nói - “Một người trong gia đình em. Anh hiểu chứ?”.

Tôi đáp: “Anh hiểu”.

“Em không thể giúp được” - Vợ tôi thú nhận. “Anh cũng hiểu điều đó”.

“Chúng ta nói chuyện quá lâu rồi” - Jessie nói tiếp - “Tại sao anh và Paul không quay lại Blackfoot và hoàn thành chuyến đi của mình? Anh và nó không có tác dụng gì ở đây. Nhưng dù anh đi đâu, đừng bao giờ quên liên lạc với em”.

Mặc dù Jessie bảo rằng chúng tôi đã nói chuyện quá lâu, song cô ấy chỉ bước lùi có một bước. Vợ tôi lại hỏi: “Hãy kể cho em nghe. Tại sao anh ấy lại bị bỏng từ đầu đến chân?”. Khi cần hỏi điều gì, những người con gái Scotland hầu như là những bản sao hoàn hảo của mẹ họ.

Tôi kể cho cô ấy nghe những gì tôi đã kể cho bà mẹ vợ của tôi và cô ấy trông hết mẹ khi lắng nghe.

Vợ tôi tiếp tục câu chuyện: “Hãy kể cho em nghe, ngay trước khi anh và Paul đưa Neal vào, anh có vô tình trông thấy con điếm chạy qua thị trấn với một ôm đầy quần áo không?”.

“Có thấy từ xa” - Tôi trả lời.

Jessie lại hỏi: “Hãy cho em biết nếu anh của em trở về nhà vào mùa hè tới, anh có cố gắng giúp anh ấy vì em không?”

Mất một lúc lâu, cuối cùng tôi mới đáp: “Anh sẽ cố”.

Sau đó vợ tôi cho biết: “Anh ấy sẽ không trở về đâu” và cô nói thêm: “Hãy nói cho em biết, tại sao những người muốn được giúp đỡ lại khá hơn nếu không được giúp - ít nhất là không tệ hơn. Thật ra, đó chính là sự thật, không tệ hơn. Người ta nhận tất cả sự giúp đỡ họ có thể kiếm được, và vẫn trở lại y như cũ”.

“Trừ khi họ bị bỏng nắng” - Tôi tiếp lời.

“Chẳng có gì khác cả”.

“Hãy nghe anh nói này” - Tôi nói như một lời đề nghị - “nếu anh trai em trở về vào mùa hè tới, cả hai chúng ta sẽ cố giúp anh ấy nhé”.

“Nếu anh ấy trở về” - Vợ tôi gật đầu. Tôi nghĩ mình đã trông thấy những giọt nước mắt trong mắt Jessie, nhưng tôi đã lầm. Trong suốt cuộc đời, tôi chưa bao giờ thấy vợ mình khóc. Và Neal cũng chẳng bao giờ trở lại.

Không làm mất thời gian của nhau nữa, hai chúng tôi nói hầu như cùng lúc: “Đừng bao giờ xa cách nhau”. Và chúng tôi đã không bao giờ xa cách, cho đến khi cái chết của cô ấy đã chia lìa đôi lúa.

Jessie nói: “Tránh đường”. Chỉ đến lần này cô ấy mới cười sau khi vừa dứt tiếng. Sau đó, vợ tôi bắt đầu đóng cửa ngay trước mũi tôi. Khi khung cửa chỉ còn một khe hẹp, chúng tôi hôn nhau, và với một mắt, tôi cố nhìn xung quanh cô ấy. Họ bơi mỡ cho gã anh vợ tôi từ đầu đến chân như một cái bắp ngô nướng. Họ đã chuẩn bị đủ lượng băng gạc để bắt đầu quấn quanh hắn như một xác ướp.

Tôi ra quán Dùi Cui uống một ly với Paul, rồi thêm một ly nữa. Em trai tôi giành trả tiền và đòi trở về Blackfoot ngay trong đêm đó. Nó nói: “Em xin nghỉ phép mấy ngày, vì thế, em vẫn còn một ngày phép”. Sau đó, nó nài nỉ tôi đi về đường Missoula và ở lại với cha mẹ một đêm. Nó bảo: “Có thể chúng ta thuyết phục được ông già đi câu cùng vào ngày mai”. Sau đó nó đòi lái xe.

Vị trí thông thường của chúng tôi đã bị đảo ngược, và tôi là người anh phải dùng đến câu cá vì tác dụng chữa lành vết thương lòng của dòng nước mát. Nó biết tôi bị đổ lỗi vì chuyện của Neal, và nó hẳn có thể nghĩ rằng cuộc hôn nhân của tôi đang rạn nứt. Nó đã nghe tôi bị vợ gọi là thằng khốn, và nó đã đi khỏi nhà khi tôi và ba người phụ nữ Scotland công khai bày tỏ tình cảm thương yêu với nhau, mặc dù văn hóa Scotland hạn chế thể hiện tình cảm. Thật ra, tôi đang lằng lằng vì tình yêu và vài lần đã cười phá lên mà chỉ có thể giải thích là vì hạnh phúc, nhưng Paul có thể đã nghĩ là tôi đang cố tỏ ra can đảm trước một sự xáo trộn của cuộc đời. Tôi không thật sự hiểu em trai nghĩ gì, nhưng nó dịu dàng với tôi như tôi vẫn thường cố đối xử với nó.

Trên đường đi, nó bảo với tôi: “Mẹ cũng sẽ rất mừng khi gặp chúng ta. Nhưng mẹ sẽ hết hồn khi chúng ta xuất hiện mà không báo trước, vì thế, chúng ta hãy dừng tại Lincoln để gọi điện về nhà”.

“Em gọi mẹ đi. Mẹ thích nghe giọng em”.

“Được thôi, nhưng anh phải thuyết phục cha đi câu cùng chúng ta”.

Thế là nó sắp đặt mọi thứ cho chuyến đi mà hóa ra là lần đi câu chung cuối cùng của chúng tôi. Paul nghĩ vì tất cả chúng tôi.

Mặc dù chúng tôi đã gọi điện trước, nhưng mẹ chúng tôi vẫn hồi hộp khi chúng tôi đến Missoula. Bà cố vịn tay trong tạp dề, ôm lấy Paul, cười, tất cả mọi việc xảy ra cùng lúc. Cha chúng tôi

đứng ở phía sau và chỉ cười. Tôi vẫn còn cảm thấy lâng lâng tuy lúc ấy chỉ đứng ở phía sau. Bất cứ khi nào chúng tôi sum họp gia đình, Mẹ và Paul đều luôn là tâm điểm của sự chú ý. Em trai tôi sẽ ngả người ra sau khi ôm mẹ và cười, nhưng bà thì chỉ có thể ôm lấy nó và cố cười.

Chúng tôi về đến Missoula trễ. Chúng tôi đã cẩn thận không ăn dọc đường, mặc dù ở Lincoln có một nhà hàng ngon, bởi vì chúng tôi biết rằng nếu chúng tôi ăn ở đó, chúng tôi cũng vẫn phải ăn lại ở Missoula. Đầu bữa ăn tối, mẹ đặc biệt dịu dàng với tôi, bởi vì cho đến giờ, bà đã không chú ý nhiều đến tôi, nhưng chẳng bao lâu, mẹ quay trở lại với bánh mì tròn mới nướng, và bà phết bơ vào bánh của Paul.

“Đây là món thạch anh đào dại mà con thích đấy” - Mẹ nói và chuyển món ăn sang cho nó. Bà nấu các món quả dại và thịt rừng rất ngon, và bà luôn chuẩn bị sẵn món thạch anh đào dại cho em tôi. Vào một lúc nào đó bà lại quên mất rằng tôi mới là người thích thạch anh đào dại, đây là một sự nhầm lẫn nhỏ mà ba người đàn ông của bà chẳng ai phiền lòng cả.

Cha mẹ tôi giờ đã nghỉ hưu, và chẳng có ai thích lạc hậu với thời thế, đặc biệt là mẹ tôi, vốn trẻ hơn cha tôi và đã quen với việc “điều hành nhà thờ”. Đối với họ, Paul là phóng viên, là mối dây liên hệ chính với thực tế của họ, là máy thu hình thế giới đang dần xa cách họ và dù gì thì họ cũng chưa bao giờ hiểu rõ. Paul phải kể cho họ nghe hết chuyện này đến chuyện khác, mặc dù họ không tán thành một số chuyện. Họ ngồi quanh bàn rất lâu. Khi chúng tôi bắt đầu đứng dậy, tôi nói với cha: “Chúng con sẽ rất vui nếu cha đi câu với chúng con vào ngày mai”.

“Ồ” - Cha tôi nói và ngồi lại xuống ghế, máy móc mở cái khăn ăn của ông ra và hỏi: “Paul, con có chắc là muốn cha đi cùng không? Cha cũng không còn câu được ở một vài vũng trong số các vũng lớn. Cha không còn lội nước được nữa”.

Paul đáp: “Chắc chắn là con muốn cha đi cùng. Chừng nào cha còn có thể đến gần lũ cá thì cha còn có thể câu được chúng”.

Đối với cha tôi, mệnh lệnh cao nhất là làm bất cứ điều gì con cái muốn ông làm, đặc biệt là câu cá. Vị mục sư là cha chúng tôi trông như thể vừa được giáo đoàn yêu cầu quay trở lại để giảng lại buổi chia tay.

Đã quá giờ đi ngủ của cha mẹ, tôi và Paul cũng đã có một ngày dài, vì thế tôi nghĩ mình sẽ rửa chén giúp mẹ rồi sau đó chúng tôi sẽ đi ngủ. Nhưng tôi thật sự biết rằng mọi thứ sẽ không đơn giản như vậy, và cha mẹ chúng tôi cũng biết thế. Ngay sau khi ăn một lúc, Paul duỗi chân duỗi tay và nói: “Em nghĩ em nên ra thị trấn thăm mấy đứa bạn cũ. Em sẽ không về khuya quá, nhưng đừng thức chờ em”.

Tôi giúp mẹ rửa chén. Mặc dù chỉ có một người đi khỏi nhưng không khí im ắng hẳn. Paul đã nán lại đủ lâu sau bữa tối để chúng tôi nghĩ rằng nó sẽ vui lòng trải qua một buổi tối ở nhà. Chúng tôi ai cũng biết vài đứa bạn của nó, và tất cả chúng tôi đều biết đứa bạn mà nó rất quý, thằng ấy to lớn, dễ tính và dễ thương đối với chúng tôi, đặc biệt là với mẹ của chúng tôi. Nó vừa ra tù lần thứ hai.

Từ lúc mẹ tôi đứng nhìn cánh cửa đóng kín cho đến khi bà đi ngủ, bà chỉ bảo: “Chúc ngủ ngon”. Khi đã lên đến gần đỉnh cầu thang, bà ngoái đầu nói với xuống cha tôi và tôi.

Tôi không bao giờ biết được cha tôi hiểu Paul đến mức nào. Tôi thường cho rằng ông biết rất nhiều vì có một thiếu số khá lớn trong mỗi giáo đoàn tự xem việc thông báo cho mục sư biết tình hình con cái của ông ta là một bổn phận tôn giáo. Đôi khi cha tôi cũng bắt đầu nói với tôi về Paul như thể ông sắp mở ra một chủ đề mới, nhưng sau đó ông lại bất chợt ngưng lại trước khi nó trào ra.

“Con có nghe đạo này Paul làm gì không?” - Ông hỏi. Tôi trả lời ông: “Con không hiểu cha muốn nói gì. Con đã được nghe đủ thứ chuyện về Paul. Chủ yếu là con nghe nói nó là một phóng viên giỏi và cũng là một người câu cá giỏi”.

“Không, không” - Cha tôi nói - “Nhưng chẳng lẽ con không nghe nó làm gì đạo sau này à?”

Tôi lắc đầu.

Lúc đó tôi nghĩ rằng ông chuyển hướng những gì ông đang nghĩ, và chệch khỏi những gì ông sắp nói.

Ông lại hỏi tôi: “Con không nghe là nó đã đổi cách viết tên từ Maclean thành McLean à. Giờ nó viết họ bằng chữ L hoa”.

Tôi đáp: “Ồ, chắc rồi. Con biết hết về điều đó. Nó kể với con rằng nó chán việc chẳng có ai viết tên nó đúng cả. Mọi người thậm chí còn viết phiếu lương của nó với chữ L hoa, vì thế cuối cùng nó quyết định đầu hàng và viết tên theo cách mà mọi người hay viết”.

Cha tôi lắc đầu khi nghe tôi giải thích, lý lẽ đó không phù hợp. Ông lẩm bẩm với chính mình và với tôi: “Thật là khùng khiếm khi viết họ với chữ L hoa. Giờ đây, ai đó sẽ nghĩ rằng chúng ta là người Scotland đồng bằng chứ không phải dân đảo”.

Cha bước ra cửa, nhìn ra ngoài, và khi trở vào, ông không hỏi tôi câu nào nữa. Ông cố nói với tôi. Ông dùng những lời lẽ trừu tượng, nhưng ông đã bỏ ra cả đời người để làm cho người nghe quen với những ý niệm trừu tượng của ông, vì thế họ sẽ không gặp khó khăn gì khi liên kết những khái niệm trừu tượng đó với những điều cụ thể trong cuộc đời họ.

“Con còn quá trẻ để giúp bất kỳ ai, còn cha thì lại quá già” - Ông nói - “Giúp đỡ ở đây không có nghĩa là phép lịch sự như đãi món

thạch anh đào đại hay giúp tiền”.

“Giúp đỡ là trao một phần của chính mình cho người sẵn lòng đón nhận và thật sự cần sự giúp đỡ đó”.

“Vì thế” - Ông chuyển sang lối thuyết pháp cổ - “Chúng ta ít khi có thể giúp được ai. Hoặc là chúng ta không biết cần trao phần nào hoặc có thể chúng ta không thích trao bất cứ phần nào của mình. Lúc đó thì thông thường là phần người ta cần thì ta lại không muốn trao. Và thậm chí còn phổ biến hơn là chúng ta không có phần người ta cần. Điều đó cũng giống như một cửa hàng bán phụ tùng xe hơi ở thị trấn luôn nói: ‘Rất tiếc, chúng tôi vừa bán hết loại phụ tùng đó’”.

Tôi nói với ông: “Cha trầm trọng hóa vấn đề quá. Giúp đỡ đâu cần phải lớn lao đến vậy”.

Cha hỏi tôi: “Con có nghĩ rằng mẹ con giúp nó bằng cách phết bơ vào bánh mì của nó không?”

“Có thể. Thật ra thì đúng, con nghĩ mẹ đã giúp nó bằng cách đó”.

“Con có nghĩ rằng mình đã giúp nó?”

“Con đã cố giúp nó. Vấn đề là con không hiểu nó. Thật ra, một trong những khó khăn là con còn không biết nó có cần giúp đỡ hay không. Con không biết, đó là rắc rối của con”.

“Lẽ ra cha mới chính là người nói ra câu đó” - Cha tôi nói - “Chúng ta đều sẵn lòng giúp đỡ, nhưng lạy Chúa, nó cần giúp gì?”

“Cha vẫn còn biết câu cá” - Ông kết luận - “Ngày mai, chúng ta sẽ đi câu với nó”.

Tôi nằm chờ một lúc lâu rồi cuối cùng cũng chìm vào giấc ngủ. Tôi cảm thấy ở tầng trên, cha mẹ tôi cũng đang chờ đợi.

Thông thường tôi thức dậy sớm để làm theo điều răn mà chỉ một vài người trong chúng ta thực hiện - dậy sớm để chiêm ngưỡng ánh ban mai mà Thượng đế ban cho chúng ta. Một vài lần tôi nghe tiếng em tôi mở cửa phòng, sửa sang chăn màn cho tôi, rồi đóng cửa phòng. Tôi bắt đầu tỉnh giấc khi nhớ ra rằng em trai tôi dù thế nào cũng chưa bao giờ đi làm hay đi câu trể. Tỉnh thêm một chút nữa, tôi nhớ rằng đây là chuyến đi câu mà em tôi sẽ chăm sóc tôi. Giờ tôi bắt đầu loáng thoáng nghĩ rằng nó đang nấu bữa sáng cho tôi, và khi biết đúng là như vậy, tôi đứng dậy mặc quần áo. Cả ba người đang ngồi ở bàn, uống trà và chờ đợi.

Mẹ nói, như thế sau một đêm ngủ dậy bà bỗng nhận ra mình là Nữ hoàng của ngày hôm đó: “Paul làm bữa sáng cho chúng ta”. Câu nói này làm em trai tôi cảm thấy vui và cười ngay từ đầu ngày, nhưng khi nó múc thức ăn cho tôi, tôi nhìn kỹ và thấy được những vằn đỏ trong mắt nó. Một người câu cá tất nhiên cũng bải hoải sau một đêm say xỉn - sau vài giờ câu thì cơn mệt cũng tiêu tan, chỉ còn lại sự háo nước, mặc dù anh ta đứng cả ngày ở dưới nước.

Chẳng biết sao chúng tôi không thể khởi đầu suôn sẻ vào buổi sáng hôm đó. Sau khi tôi và Paul ra riêng, cha chúng tôi đã cất đồ câu đi, có lẽ ông nghĩ rằng mình sẽ chẳng bao giờ sử dụng lại nữa, vì thế bây giờ ông không nhớ nổi mình đã để ở đâu. Mẹ chúng tôi phải đi tìm gần như mọi thứ cho ông. Bà chẳng biết gì về câu cá và đồ câu, nhưng bà biết cách tìm đồ đạc, ngay cả khi chẳng biết hình dáng chúng thế nào.

Paul, người thường làm mọi người lo lắng vì nôn nóng lao xuống dòng nước, liên tục bảo cha: “Cha đừng lo. Trời đã mát hơn. Hôm nay chúng ta sẽ vớ bở. Cha đừng lo”. Thế nhưng cha tôi, người mà em trai tôi đã thừa hưởng dòng máu nóng đối với chuyện câu cá, lại nhìn tôi, rõ ràng là căm ghét chính mình vì già nua và vì không thể giữ bình tĩnh.

Mẹ tôi phải chạy từ dưới tầng hầm lên đến tầng sát mái và lục lọi hầu hết các rương tủ ở tất cả các tầng để tìm cái giỏ câu, cùng lúc chuẩn bị bữa trưa cho ba người đàn ông, mà mỗi người lại muốn ăn một loại bánh kẹp khác nhau. Sau khi đã tổng tiến chúng tôi lên xe, bà kiểm tra từng cánh cửa xe để đảm bảo không ai có thể rơi ra khỏi xe. Sau đó bà lau bàn tay vào tạp dề, mặc dù tay bà không ướt, và nói “Cám ơn Chúa” khi chúng tôi lái xe đi.

Tôi cầm lái, và tôi biết từ trước khi khởi hành là chúng tôi sẽ đi đâu. Chúng tôi không thể đi xa đến sông Blackfoot, bởi vì chúng tôi khởi hành trễ, mà phải là một quãng nước có hai hay ba cái vũng sâu cho Paul và tôi, cũng như một cái vũng nhiều cá và bờ không quá dốc để cha chúng tôi có thể leo xuống. Cũng vì ông không thể lội nước nên vùng nước câu tốt phải nằm ở phía bờ của ông. Cha và Paul tranh luận khi tôi lái xe, mặc dù họ biết cũng rõ như tôi là chúng tôi sẽ phải đi đâu, nhưng mỗi người trong gia đình chúng tôi đều xem mình là người quyết định cách câu cá ở sông Blackfoot. Khi chúng tôi đến con đường nhánh dẫn đến dòng sông ở phía trên miệng nhánh sông Belmont, lần đầu tiên cha chúng tôi và Paul cất lên tiếng nói chung. “Rẽ đây” - Hai người đồng thanh nói, và tôi làm như đang theo chỉ dẫn của họ, rẽ theo hướng mà họ có không bảo thì tôi cũng sẽ đi.

Con đường nhánh đưa chúng tôi xuống một vùng đất bằng đầy đá cuội và cỏ may. Chẳng có gia súc nào gặm cỏ ở đó; cào cào cất cánh giống như chim và bay một quãng thật xa, bởi vì ở vùng đất bằng đó, các bãi cỏ nằm cách xa nhau, ngay cả đối với lũ cào cào. Bản thân vùng đất bằng và đám đá cuội ở đó là tàn tích lờ mờ chớm của một trong những thảm họa địa chất kinh khủng. Vùng đất bằng này rất có thể là dấu vết còn lại của một cái hồ từ kỷ băng hà, lớn bằng nửa hồ Michigan, ở vài chỗ sâu đến hơn sáu trăm mét cho đến khi cái đập băng bị vỡ và con thủy quái sống trên đồi này bực nước xuống các bình nguyên phía đông Washington. Cao tít trên những ngọn núi ở phía trên, nơi chúng tôi dừng lại câu cá là những vết xẹo nằm ngang do những tảng

băng trôi qua cửa vào.

Tôi phải lái xe cẩn thận về phía sông để gầm xe không cán lên một hòn đá cuội làm vỡ cầu. Vùng đất bằng đột nhiên kết thúc và con sông nằm sâu bên dưới một bờ dốc, lấp loáng ánh bạc đằng sau những thân cây rồi chuyển sang màu lam tương phản với một vách đá đỏ và lục. Đó là một thế giới khác cho ta nhìn và cảm, cùng một thế giới khác của đá. Những viên đá cuội trên vùng đất bằng được đẽ gọt từ kỷ băng hà cuối cùng cách nay chỉ mười tám, hai mươi ngàn năm, nhưng những tảng đá đỏ và lục của thời tiền sử nằm cạnh dòng nước lam thì hầu như nằm ở tầng đáy của không gian và thời gian.

Chúng tôi dừng lại, nhìn xuống bờ sông. Tôi hỏi cha tôi: “Cha có nhớ hồi chúng ta nhặt rất nhiều đá đỏ và lục ở dưới đó về xây lò sưởi không? Một số viên là đá bùn đỏ có những đường gợn sóng trên mặt”.

“Một số viên có những giọt mưa trên mặt” - Cha tôi nói. Trí tưởng tượng của ông luôn được kích thích bởi ý nghĩ mình đang đứng trong cơn mưa cổ xưa rơi lộp bộp trên bùn trước khi bùn trở thành đá. “Gần một tỉ năm trước” - Tôi nói khi hiểu được ông đang nghĩ gì.

Cha tôi ngừng lại. Ông đã từ bỏ niềm tin rằng Chúa đã tạo ra vạn vật, bao gồm cả sông Blackfoot, trong vòng sáu ngày, nhưng ông cũng không tin rằng công việc này quá khó khăn đối với quyền năng của Chúa, đến nỗi Ngài cứ phải làm mãi, làm mãi.

“Gần nửa tỉ năm trước” - Cha tôi nói như muốn góp phần hòa hợp khoa học và tôn giáo. Ông vội vã, không muốn bỏ phí bất cứ giây phút nào của tuổi già vào việc tranh cãi, trừ phi là tranh cãi về chuyện câu cá. “Chúng ta đã mang những tảng đá to này lên bờ sông” - Ông nói tiếp - “nhưng giờ thì cha không thể leo xuống được nữa. Dù vậy, ở hai cái vũng phía dưới, dòng sông tràn bờ và

hầu như không có bờ dốc. Cha sẽ đi xuống đó câu cá, còn hai con câu ở hai cái vũng đầu tiên. Cha sẽ chờ ở ngoài nắng. Đứng vội”.

Paul nói như để động viên: “Cha sẽ câu được mà”, và đột nhiên cha lại tự tin vào chính mình. Sau đó ông đi khỏi. Chúng tôi có thể thoáng thấy ông đi dọc bờ sông vốn là đáy của một hồ băng lớn. Ông giữ thẳng cần câu ngay phía trước mặt và thỉnh thoảng lại vung nó về phía trước, có lẽ là tái hiện một ký ức kỷ băng hà nào đấy, trong đó, ông đâm lao vào một con voi răng máu lông lá và dùng nó làm bữa sáng.

Paul lại nói: “Hôm nay chúng ta hãy đi câu cùng nhau”. Lúc đó tôi biết rằng nó vẫn đang để ý chăm sóc tôi, bởi vì chúng tôi hầu như luôn luôn tách ra khi đi câu.

“Được thôi”.

“Em sẽ lội qua sông và câu ở bờ đối diện”

Tôi gật đầu: “Được thôi”, và thật sự xúc động. Ở bờ bên kia sau lưng bạn là những vách đá và cây cối, vì thế hầu như chỉ có thể quăng câu cuốn, hoàn toàn không phải là sở trường của tôi. Ngoài ra, ở đây dòng sông chảy xiết và không có chỗ nào dễ lội qua, và xếp ngay sau thú câu cá của Paul là thú bơi qua sông với cần câu trong tay. Hóa ra nó không phải bơi ở đây, nhưng khi nó lội qua sông, thỉnh thoảng bức tường nước dâng lên đến bờ vai phía thượng nguồn của nó, trong khi lại không cao hơn hông ở phía sau nó. Paul vấp vấp lội lên bờ, kéo theo cả trọng lượng của đám quần áo sưng nước, và vẫy tôi một cách nhiệt tình.

Tôi đi xuống bờ sông để câu cá. Gió mát đã thổi về từ Canada mà không gây ra cơn bão điện từ nào, vì thế bọn cá sẽ trôi lên khỏi đáy và kiếm ăn trở lại. Tôi đang nhìn khắp xung quanh để xem nên gắn mồi gì thì một con hươu tiến xuống bờ nước, đầu nó nhô ra thụt vào giữa hai vai để quan sát phía trước. Nhưng tôi không phải nhìn xa hơn cổ và mũi mình. Mấy con côn trùng vụng về

đâm sâu vào mặt tôi, bám lấy cổ tôi và ngo ngoáy trong lớp áo trong của tôi. Lóng ngóng và mềm oặt - chúng đã được sinh ra trước khi có bộ não. Chúng sống dưới nước trong vòng một năm trên những đôi chân, bò lên một tảng đá, trở thành côn trùng, giao phối bằng đốt thứ chín và thứ mười của bụng, rồi chết đi. Sau đó, cơn gió nhẹ đầu tiên thổi chúng xuống nước, nơi có lũ cá háo hức lượn quanh. Chúng là giấc mơ trở thành hiện thực của cá - ngu ngốc, ngon lành và kiệt sức vì hoan lạc. Vẫn khó biết được phần đời quan trọng nào của con người dài tương đương giai đoạn từ lúc sống dưới nước trên đôi chân đến giây phút kiệt sức, chết yếu trên đôi cánh.

Tôi ngồi trên một khúc gỗ và mở hộp mỗi giả của mình ra. Tôi biết mình phải lấy một con mỗi giống hết những con côn trùng này, bởi vì khi không có loại mỗi lớn thế này hay mỗi cá hồi, bọn cá sẽ không đụng đến bất cứ thứ gì khác. Chúng cứ là cho đến giờ, tôi thấy Paul vẫn chưa giật cái nào.

Tôi nghĩ là nó không có loại mỗi phù hợp, và tôi biết mình có loại mỗi đó. Như tôi đã giải thích trước đây, nó giết tất cả mỗi giả trên dải mũ. Em trai tôi nghĩ rằng với bốn hay năm loại mỗi phổ thông ở nhiều cỡ khác nhau, nó có thể bắt chước hành động của gần như bất cứ loại côn trùng dưới nước hay trên cạn nào, ở bất cứ giai đoạn nào từ ấu trùng cho đến khi mọc cánh. Nó luôn trêu chọc tôi vì đem theo nhiều mỗi. Nó sẽ nghiêng ngó hộp đựng mỗi của tôi rồi nói: “Ồ. Sẽ thật là tuyệt vời nếu một gã biết cách sử dụng mười trong số tất cả những con mỗi giả đó”. Nhưng tôi đã kể cho bạn nghe về con mỗi Ong, và tôi vẫn chắc chắn rằng có những lúc mỗi phổ thông không hấp dẫn lũ cá. Lúc này đây, con mỗi hiệu quả phải là một con côn trùng to, nó phải có thân mình màu vàng sọc đen, và nó phải bay cao trên mặt nước với đôi cánh vươn rộng, đại khái như một con bướm bị nạn và không thể làm khô cánh bằng cách đập cánh dưới nước.

Nó to và sặc sỡ đến nỗi tôi nhìn thấy nó đầu tiên ngay khi mở

hộp ra. Nó được gọi là Bọ Bunyan, được bện bởi một người thợ làm mỗi giả ở Missoula tên là Norman Means, ông này bện một dòng mỗi giả to, sặc sỡ; tất cả đều được gọi là Bọ Bunyan. Chúng được bện vào những lưỡi câu to, số 2 và số 4, và có thân bằng nút bần cùng những sợi lông ngựa cứng được cột vuông góc với trục thân để chúng bay cao trên mặt nước như những con chuồn chuồn lộn ngựa. Thân bặc được sơn những màu khác nhau rồi được phủ dầu lặc. Có lẽ con to nhất và sặc sỡ nhất trong cả trăm con mỗi mà em tôi lấy làm trò đùa là con Bọ Bunyan số 2 - Bọ đá vàng.

Tôi nhìn nó và cảm thấy thật hoàn hảo. Vợ tôi, mẹ vợ và em dâu vợ tôi, mỗi người dù bằng những ngôn từ khá khó hiểu, đều đã vừa tái khẳng định sự yêu quý của họ đối với tôi. Còn tôi, bằng lời lẽ hơi tối nghĩa của mình, cũng đáp lại tình yêu đó. Có thể tôi sẽ không bao giờ gặp lại gã anh vợ nữa. Mẹ tôi đã tìm thấy bộ đồ câu cũ của cha tôi và ông lại đi câu với chúng tôi thêm một lần nữa. Em trai tôi dịu dàng chăm sóc tôi, và chưa câu được con cá nào. Tôi thì sắp vợ bầm.

Thật khó quăng câu những con Bọ Bunyan khi gió thổi, bởi vì bần và lông ngựa làm cho chúng rất nhẹ mặc, dù to lớn kền càng. Nhưng mặc dù cơn gió làm giảm tầm quăng, cùng lúc nó cũng làm cho con mồi đáp chậm và gần như thẳng đứng xuống mặt nước mà không làm văng nước khiến lộ tẩy con mồi giả. Con Bọ đá của tôi vẫn còn đang treo trên mặt nước thì có một cái gì đó giống như một chiếc ca nô lướt đến gần, hất văng mồi lên không trung, lượn vòng, kéo hết ga quay thẳng trở lại, và gầm rú lao đến điểm X, nơi con Bọ đá đáp xuống. Sau đó, chiếc ca nô biến thành tàu ngầm, nuốt hết mọi thứ, trong đó có con mồi giả vào bụng rồi lặn bật tằm xuống dòng nước sâu. Tôi không thể thu dây đủ nhanh để theo kịp thứ đang biến mất và tôi không thể thay đổi đường đi của nó. Do không nhanh bằng thứ ở dưới nước, tôi thật sự đã giật nó lên không. Từ nơi đang đứng, tôi cho rằng mình không thấy được điều xảy ra, nhưng trái tim tôi nằm ở đầu

sợi dây câu và truyền về ấn tượng của nó khi con vật đến gần. Ấn tượng chung của tôi là cuộc sống dưới nước đã biến thành cuộc thi của những chàng chẵn bờ. Thông tin cụ thể là một con Cầu Vòng lớn đã ra khoảng nắng - đớp mỗi, lộn hai vòng trong không trung, mỗi lần như vậy đều bị va vào sợi dây câu và rách mép, rớt khỏi lưỡi câu, trong khi con mồi giả bay lên không trung. Thông tin rõ ràng là nó không bao giờ ngoái lại để nhìn. Thông tin duy nhất mà tôi nắm bắt được là khi tôi thu dây, không có gì ở đầu sợi dây câu trừ một cái nút bần và một vài cái lông đuôi ngựa.

Mấy con bọ đá vẫn béo tròn như mọi khi, lũ cá vẫn lượn vòng trong dòng nước tĩnh lặng, và tôi đã khôn ngoan hơn một chút. Tôi không để tâm nhiều đến việc sử dụng kiến thức, ngay cả của chính mình, nhưng trước khi quăng câu lần tiếp theo, tôi phải lưu ý là những con Cầu Vòng to đôi khi đến vùng nước yên, bởi vì các côn trùng nước nở trong nước hay gần dòng nước êm. “Hãy chuẩn bị tinh thần” - Tôi tự bảo mình, lòng nhớ đến một bài hát xung trận xưa. Tôi cũng chấp nhận lời khuyên của chính bản thân là hãy để thêm vài vòng dây trong bàn tay trái để giảm bớt lực kéo trong lần kéo chạy đầu tiên của con Cầu Vòng lớn kế tiếp, vốn đang lượn lờ trong dòng nước êm.

Thế là vào buổi chiều tuyệt vời khi mọi thứ đều tốt đẹp, tôi cứ quăng câu là dính, và đôi lần tôi miễn cưỡng chấp nhận lời khuyên để đạt đến sự hoàn hảo. Tôi không để vượt lần nào.

Từ đó trở đi, tôi để cho mồi bay quá xa đến nỗi đôi khi chúng vọt qua sông và đáp xuống ngay trước mặt Paul.

Khi tôi còn nhỏ, một cô giáo đã cấm tôi nói “hoàn hảo hơn”, bởi vì cô bảo rằng nếu một thứ gì đó đã hoàn hảo thì nó không thể tốt hơn được nữa. Nhưng cho đến giờ, tôi đã chứng kiến đủ để có lại niềm tin vào cuộc sống. Cách đây hai mươi phút tôi đã cảm thấy mỹ mãn, nhưng giờ, em tôi đã tháo mũ ra và cứ vài lần quăng câu lại thay mồi. Tôi biết nó chẳng đem con mồi loại đặc

biệt nào như con Bọ Bunyan số 2 - Bọ đá vàng. Tôi đã có năm hay sáu con Cầu Vòng lớn trong giỏ. Chúng bắt đầu làm đau vai tôi, vì thế, tôi để nó lại trên bờ ở phía sau. Thỉnh thoảng tôi quay lại nhìn và cười với cái giỏ. Tôi có thể nghe thấy tiếng nó đập vào những tảng đá và đổ nghiêng. Nhưng có lẽ tôi đã vi phạm quy tắc ngữ pháp, tôi đang cảm thấy mỹ mãn hơn sau mỗi con Cầu Vòng câu được.

Ngay sau khi cái giỏ lay động một cái thật mạnh thì có tiếng quẫy ùm một cái làm nước văng tung tóe ở phía bên trái chỗ tôi quăng câu."Lạy Chúa" - Tôi nghĩ trước khi có thể nhìn xem là gì - "không có con cá nào to như vậy dưới sông Blackfoot". Và khi tôi đã dám nhìn thì thấy không có gì ngoài một vòng tròn sóng nước đang loang dần, loang dần. Cuối cùng, đợt sóng đầu tiên loang gần đến đầu gối của tôi. Tôi nghĩ: "Hẳn là một con hải ly". Tôi đang chờ nó trồi lên thì một thứ gì đó lại quẫy ở đằng sau tôi. "Lạy Chúa" - Tôi lại nói - "tôi hẳn sẽ thấy một con hải ly bơi dưới nước gần chỗ tôi". Trong khi tôi đang ngoái cổ lại phía sau, thì có thứ gì đó lại làm bắn nước ngay trước mặt tôi, quá gần nên nước văng ướt người và cũng đủ gần để thấy được điều gì đang xảy ra dưới nước. Bùn đang cuộn lên từ đáy sông như làn khói bốc lên từ nơi bị sét đánh. Một viên đá cỡ vừa đang nằm ở chỗ làn khói đang cuộn lên.

Khi tôi đang liên kết những gì đã xảy ra với viên đá hiện tại, nước lại bắn tung tóe ngay trước mặt tôi, nhưng lần này thì tôi chẳng buồn nháy.

Quý tha ma bắt, đồ hải ly! Không cần nhìn, tôi cũng biết đó là em tôi. Điều này không thường xảy ra trên đời, chỉ khi nào bạn câu của nó đang câu dính cá còn nó thì không. Đó là một cảnh rất hiếm khi xảy ra mà khi chứng kiến, Paul không chịu được. Vì thế, nó sẽ phá cái vũng của bạn câu, ngay cả khi đó là anh trai nó. Tôi nhìn lên vừa kịp lúc thấy một viên đá cuội cỡ vừa từ trên trời rơi xuống và tôi không kịp né mình để tránh nước văng khắp người.

Paul đã bỏ mũ ra và dú nắm đấm về phía tôi. Tôi biết nó đã câu hết đấm mỗi giả dặt trên dải mũ trước khi ném đá tôi. Tôi dú nắm đấm đáp trả lại nó, rồi lộn vào bờ, ở đó, cái giỏ cá của tôi vẫn đang quẫy đùng đùng. Trong suốt cuộc đời của mình, tôi chỉ dùng giải pháp ném đá vài lần, đó là trước đây. Tôi cảm thấy mỹ mãn hơn bao giờ hết.

Tôi chẳng phiền lòng là Paul đã phá cái vũng trước khi tôi thu hoạch đầy cái giỏ cá, bởi vì còn một vũng lớn nằm giữa chúng tôi và cha. Cái vũng tôi vừa câu hầu như ngập nắng, mặc dù trời đã trở nên mát hơn, nhưng nó vẫn ấm nên cái vũng phía trước nằm trong bóng râm sẽ thậm chí còn tốt hơn và tôi sẽ không gặp rắc rối gì với việc hoàn thành công việc bằng một con Bọ Bunyan số 2 - Bọ đá vàng.

Tôi và Paul đi gần hết chiều dài của cái vũng đầu tiên thì chúng tôi có thể nghe tiếng nhau hét vọng qua sông. Tôi biết Paul ghét hét vọng sang như thế: “Chúng nó ăn mỗi gì?”. Những từ cuối “ăn mỗi gì” vọng qua sông và làm tôi hài lòng.

Khi tiếng vọng đã tắt, tôi hét lên đáp lại: “Bọ đá vàng”. Những từ ấy vang vọng mãi cho đến khi chúng chìm vào tiếng của dòng sông. Paul liên tục quay chiếc mũ vòng vòng trong tay.

Tôi có lẽ đã bắt đầu hơi xấu hổ về bản thân. “Anh câu bằng Bọ Bunyan. Em có con nào không?”. “Không” - Nó hét trước khi hai từ “nào không” kịp vang vọng. Sau đó, các âm “nào không” và “không” giao thoa khi vọng lại.

“Anh sẽ lộn sang sông đưa cho em một con” - Tôi nói qua hai bàn tay khum lại làm loa. Câu đó quá dài khi nói vọng qua sông, và phần đầu của nó khi vọng lại gặp phần cuối vừa bắt đầu phát đi. Tôi không biết liệu Paul có hiểu tôi nói gì không, nhưng dòng sông vẫn trả lời: “Không cần”.

Khi đang đứng trong làn nước yên lặng, râm mát, tôi phân nào

để ý thấy không có con bọ đá nào đang nở, và lẽ ra tôi nên nghĩ lâu hơn về điều mình trông thấy, nhưng thay vì thế, tôi lại nghĩ về tính cách con người. Dường như khá tự nhiên khi bắt đầu nghĩ về tính cách vào lúc bạn vượt lên trước ai đó, đặc biệt là tính cách của người ở phía sau. Tôi đang nghĩ về cách em trai tôi dựa vào chính mình để thoát khỏi rắc rối khi tình hình trở nên khó khăn. Nó không bao giờ mượn bất cứ con mồi giả nào của tôi. Tôi cứ suy nghĩ miên man mãi về chủ đề này trước khi trở về thực tại với những con bọ đá vàng. Tôi bắt đầu bằng suy nghĩ mặc dù nó là em trai tôi nhưng nó đôi khi là kẻ đầu bấu. Tôi cứ theo mạch nghĩ này trở ngược lại những người Hy Lạp, họ nghĩ rằng từ chối mọi sự giúp đỡ có thể làm bạn thiệt mạng. Sau đó, tôi bỗng nhớ ra rằng em tôi hầu như luôn luôn là người thắng cuộc và thường là do nó không bao giờ mượn mồi câu. Vì thế, tôi xác định rằng phản ứng của chúng tôi đối với tính cách vào một ngày bất kỳ phụ thuộc nhiều vào phản ứng của cá đối với tính cách vào ngày hôm đó. Và khi nghĩ về phản ứng của cá, tôi chuyển nhanh về thực tại và tự nhủ: “Còn một vũng nữa để câu”.

Chẳng có lấy một cú đớp mồi, và tôi chẳng thấy một con bọ đá nào, mặc dù cũng trên cùng một dòng sông như cái vũng ở trên, nơi tôi hẳn đã có thể câu đủ số cách đó vài phút, nếu em trai tôi không ném đá xuống nước. Con Bọ Bunyan đoạt giải của tôi bắt đầu trông giả giả đối với tôi cũng như lũ cá. Đối với tôi, nó trông giống một cái nệm nổi lều bều. Tôi quăng nó về phía thượng nguồn và để nó trôi xuôi tự nhiên như thể nó đã chết. Sau đó, tôi quật nó xuống nước như nó bị gió thổi bay xuống. Sau đó, tôi cho nó chạy theo hình chữ chi khi thu dây, như thể nó đang cố gắng bay lên. Nhưng rõ ràng nó vẫn giữ nguyên cái vẻ là một cái nệm nổi. Tôi lôi nó lên và thả một vài con mồi khác. Không có con côn trùng nào dưới nước để tôi bắt chước, vả lại cũng chẳng có con cá nào nhảy lên khỏi mặt nước.

Tôi bắt đầu nhìn qua vành mũ sang bên kia sông. Paul cũng chẳng câu được nhiều. Tôi trông thấy em trai tôi câu được một

con, nó quay người và xách con cá lên bờ - một con cá cũng chẳng nhiều nhận gì. Tôi cảm thấy bớt mỹ mãn hơn một chút.

Sau đó, Paul bắt đầu làm một điều mà hầu như nó chưa bao giờ làm, ít nhất là kể từ khi nó đủ lớn để vênh vác. Nó đột nhiên bắt đầu câu về phía thượng nguồn, câu lại vùng nước nó vừa mới câu xong. Cách đó giống của tôi hơn khi tôi cảm thấy mình câu cái vũng chưa đúng cách hay sai góc độ, nhưng khi em tôi câu ở một cái vũng thì nó cho rằng mình đã thử hết các khả năng. Tôi giật mình và dựa vào một tảng đá lớn để quan sát.

Hầu như ngay lập tức, Paul bắt đầu lôi cá vào. Những con cá thật to. Và nó cũng chẳng bỏ nhiều thời gian để cho cá đáp xuống đất. Tôi nghĩ Paul thả dây quá ngắn và lôi lũ cá vào quá nhanh, nhưng tôi biết nó đang bận rộn. Em trai tôi mong chờ sẽ vớ bẫm ở cái vũng này, và nó sẽ không để cho bất kỳ con cá nào quấy đập lung tung dưới nước, làm cho những con cá còn lại hoảng sợ bơi đi mất. Nó đã dính được một con cá và đang thu dây quá mạnh đến nỗi giật con cá lên không trung. Khi con cá nhảy, Paul ngã người nắm cần và quật con cá xuống nước trở lại. Phổi con cá giờ chứa đầy không khí, nó lướt trên mặt nước với cái đuôi như cánh quạt của chiếc thủy phi cơ cho đến khi có thể điều áp được khoang lặn và lặn xuống nước trở lại.

Paul để vuột mất vài con cá, nhưng hẳn nó phải được mười con vào thời điểm quay lại đầu cái vũng.

Sau đó, nó nhìn qua sông và thấy tôi ngồi bên cái cần của mình. Em trai tôi bắt đầu câu trở lại, ngừng, và nhìn tiếp. Nó khum bàn tay và hét: “Anh có mỗi Bờm vàng số 2 của George không, loại có cánh bằng lông vũ chứ không phải lông ngựa ấy?”. Tôi nghe được “số 2” đầu tiên, vì đó là cái lưỡi to chết tiệt, tiếp theo là “George”, vì đó là bạn câu của chúng tôi, rồi “vàng”. Với lượng thông tin đó, tôi bắt đầu tìm trong hộp, và để những từ khác tạo thành câu sau.

Một trong những điều bất tiện khi mang theo một hộp mỗi chứa đầy mỗi giả như tôi là gần nửa thời gian, tôi vẫn không có được con mỗi phù hợp.

“Không” - Tôi thú nhận vọng qua sông - Và con nước tiếp tục lặp lại những lời thú nhận của bạn.

“Em sẽ sang bên đó” - Paul gọi vọng lại và lội lên thượng nguồn.

“Khỏi” - tôi hét theo, ngụ ý là đừng ngừng câu vì tôi. Bạn không thể chuyển một lời ngụ ý sang sông, hay nếu bạn có thể chuyển đi nữa thì cũng dễ bị làm ngơ. Em tôi đi đến đầu thấp của cái vũng đầu tiên nơi nước nông và lội qua.

Vào thời điểm Paul đến chỗ tôi, tôi đã điếm lại hầu hết các chiêu nó hẳn đã dùng để nhận ra cá đang ăn gì. Từ lúc Paul bắt đầu quăng câu về phía thượng nguồn, cần câu của nó luôn nghiêng ở một góc và dây quá chùng nên nó hẳn phải câu bằng mỗi thấm nước và để cho mỗi chìm. Thật ra, dây chùng như vậy thì nó hẳn phải để cho mỗi chìm mười ba hay mười lăm phân. Vì thế, khi tôi đang câu ở cái vũng này như tôi đã câu ở cái vũng trước, với một con mỗi thân bằng bản nổi trên mặt nước, tôi đã dồn hết sức cho trận cuối. Lưỡi “số 2” tất nhiên cho tôi biết rằng đó là một con côn trùng to chết tiệt, nhưng “vàng” có thể có nhiều nghĩa. Câu hỏi lớn của tôi vào thời điểm Paul lội đến chỗ tôi là: “Chúng đang ăn côn trùng nước ở giai đoạn ấu trùng hay nhộng, hay chúng đang ăn côn trùng đã mọc cánh bị rớt xuống nước?”.

Paul vỗ nhẹ lưng tôi và đưa cho tôi một trong những con Bờm vàng số 2 của George với một cái cánh bằng lông vũ. Nó nói: “Chúng nó đang ăn bọ đá vàng rớt xuống nước”.

Tôi hỏi Paul: “Sao em nghĩ ra?”

Em trai tôi hồi tưởng lại những gì đã xảy ra như một phóng viên. Nó bắt đầu trả lời, lắc đầu khi nhận ra mình sai, và sau đó bắt

đầu trở lại. “Tất cả là: suy nghĩ là thấy được điều gì đó đáng chú ý khiến cho bạn thấy được điều gì đó bạn không chú ý vốn làm cho bạn thấy được điều thậm chí vô hình”.

Tôi nói với em tôi: “Cho anh một điếu thuốc và nói lại xem ý em là gì”.

“À” - Paul nói: “Điều đầu tiên em chú ý về cái vũng này là anh trai của em chưa câu được con cá nào ở đây. Không có gì đáng lưu ý đối với một người đi câu hơn là việc bạn câu của anh ta chưa câu được con cá nào. Điều đó làm cho em hiểu rằng em chưa thấy một con bọ đá nào bay quanh cái vũng này”.

Sau đó, nó hỏi tôi: “Trên đời này còn gì hiển nhiên hơn là ánh nắng và bóng râm, nhưng cho đến khi em thật sự nhận ra rằng ở đây không có con bọ đá nào nở thì em vẫn không để ý rằng cái vũng phía trên nơi chúng nở hầu như ngập trong ánh nắng, còn cái vũng này nằm trong bóng râm”.

Miệng tôi khô khốc không thể thốt nên lời, và điếu thuốc lại càng làm cho nó khô hơn, vì thế, tôi búng điếu thuốc xuống nước.

“Sau đó, em biết nếu có côn trùng cánh ở cái vũng này, thì hẳn chúng phải đến từ cái vũng ngập nắng phía trên, là nơi đủ ấm để chúng có thể nở được. Mà như vậy thì lẽ ra em phải thấy xác chúng trên mặt nước. Do em không thấy xác chúng trên mặt nước, nên em biết rằng chúng phải ở dưới nước ít nhất là mười lăm hay mười tám phân, là nơi em không trông thấy chúng được. Vì thế em đã câu ở đó”.

Nó dựa vào một tảng đá to với hai bàn tay gối sau đầu cho êm. “Anh hãy lội ra đó và thử con mồi số 2 của George đi”, nó nói và chỉ vào con mồi đưa cho tôi lúc nãy.

Tôi không câu được ngay, và tôi cũng không mong điều đó. Bờ phía bên tôi mặt nước tĩnh lặng, là bên phù hợp để câu cái vũng

phía trên nơi có đám bọt đá đang nở, nhưng ở đây đám bọt đá rơi xuống nước bị nhấn chìm dưới dòng nước xiết của bờ bên kia vũng. Tuy nhiên sau bảy, tám lần quăng câu, một loang nước nhỏ xuất hiện trên mặt nước. Một loang nhỏ thường là một con cá nhỏ trôi lên mặt nước, nhưng cũng có thể là một con cá to quẫy mình dưới nước. Nếu đó là một con cá to dưới nước thì nó trông không giống một con cá bằng một cái cầu vồng với những đường cong lúc ẩn lúc hiện.

Paul thậm chí không chờ để xem tôi có kéo được con cá lên không. Nó lội ra để nói chuyện với tôi. Nó cứ nói mãi như thể tôi có thời gian để vừa nói chuyện vừa kéo con cá to lên. Nó nói: “Em sẽ lội trở về và câu bên kia bờ vũng”. Đôi khi tôi nói: “Ừ”, và khi con cá lên khỏi mặt nước, tôi không nói được nữa, và khi con cá kéo chạy, cuối cùng tôi nói: “Em sẽ phải nói đi nói lại chuyện đó”.

Cuối cùng, chúng tôi hiểu ý nhau. Nó sẽ lội sông trở lại và câu ở phía bên kia. Cả hai chúng tôi đều nên câu thật nhanh, vì có lẽ cha đang chờ chúng tôi. Paul ném điếu thuốc xuống nước rồi bước đi mà không chờ xem liệu tôi có kéo được con cá lên không.

Chẳng những tôi ở sai phía của dòng sông để câu với những con bọt đá chết chìm, mà Paul còn là tay câu cuốn đủ giỏi để câu được phần lớn phía bên tôi từ vị trí của nó. Nhưng dù sao tôi cũng câu được thêm hai con nữa. Chúng bắt đầu chỉ là hai loang nước nhỏ trông như con cá nhỏ ăn mống, thế nhưng thực tế lại là những đường cong gãy của những con cầu vồng to ở dưới nước. Sau khi câu được hai con này, tôi ngừng câu. Tổng cộng được mười con, và ba con cuối cùng là ba con tuyệt nhất mà tôi từng câu được. Chúng không to nhất hay đẹp nhất, nhưng chúng là ba con cá tôi câu được nhờ em tôi lội qua sông để đưa cho tôi con mồi và bởi vì chúng là những con cá cuối cùng tôi câu cùng em mình.

Sau khi lau mấy con cá, tôi tách ba con cá này ra bằng một lớp cỏ và bạc hà dại. Sau đó, tôi nhấc cái giỏ câu nặng trĩu, cử động vai

cho đến khi cái quai giỏ không còn cắn vào da thịt, và nghĩ: “Mình đã kiếm đủ cho ngày hôm nay. Mình sẽ đi xuống phía dưới, ngồi trên bờ cạnh cha và nói chuyện với cha”. Sau đó tôi nghĩ thêm: “Nếu cha không cảm thấy thích nói chuyện, mình sẽ chỉ ngồi chơi với ông”.

Tôi có thể thấy mặt trời phía trước. Sự xuất hiện đột ngột của ánh sáng làm cho khi nhìn từ bóng râm, tôi và dòng sông chảy sâu bên dưới trông như trời lên mặt đất. Mặc dù cho đến giờ tôi chỉ có thể thấy ánh nắng chứ không nhìn thấy gì trong cái vùng nắng chói chang ấy, tôi vẫn biết cha tôi đang ngồi đâu đó trên bờ sông. Tôi biết một phần vì ông và tôi có chung tần số, thậm chí còn ngừng câu cùng lúc. Mặc dù chưa thể nhìn thấy gì ở phía trước, tôi vẫn chắc là ông đang ngồi đâu đó ngoài trời nắng và đọc sách Tân ước bằng tiếng Hy Lạp. Tôi biết điều này cả bằng bản năng và kinh nghiệm.

Tuổi già đã đem lại cho cha tôi những khoảnh khắc hoàn toàn bình yên. Thậm chí khi chúng tôi đi săn vịt trời và tiếng súng buổi sớm đã tắt thì ông cũng sẽ ngồi ở chỗ mai phục, mình khoác tấm mền quân dụng cũ, một tay cầm quyển sách Tân ước bằng tiếng Hy Lạp, tay kia cầm khẩu súng săn. Khi một con vịt lạc lối tới gần, ông sẽ để cuốn sách xuống, đoạn nâng súng lên, và sau khi bắn xong, ông lại cầm quyển sách lên, thi thoảng lại dừng việc đọc để cảm ơn con chó của mình vì đã cặp con vịt về.

Giọng nói của dòng sông ngấm chảy trong bóng râm khác với giọng nói của dòng sông loáng nắng ở phía trước. Trong bóng râm chảy bên vách đá, dòng sông sâu và có những vực thẳm, thỉnh thoảng lại uốn quanh trở lại để tâm tình, để chắc rằng mình đã hiểu được chính mình. Nhưng dòng sông trước mặt đổ ra một thế giới tràn đầy nắng như một gã ba hoa, cố hết sức để tỏ ra thân mật. Nó gật đầu chào một bên bờ rồi đến bên kia để không ai cảm thấy bị bỏ rơi.

Vào lúc này, tôi đã có thể nhìn thấy bên trong khoảng nắng và nhận ra cha tôi. Ông đang ngồi trên bờ cao, đầu không đội mũ. Dưới ánh nắng, mái tóc hung bạc màu của ông một lần nữa lại rực cháy và bùng sáng. Ông đang đọc, mặc dù rõ ràng là chỉ đọc từng câu, bởi vì ông thường nhìn ra khỏi quyển sách. Sau khi trông thấy tôi, mãi một lúc sau, ông mới gập sách lại.

Tôi bò lên bờ sông và hỏi ông: “Cha câu được bao nhiêu con rồi ạ?”.

“Đủ số cha muốn”.

“Là bao nhiêu con?”

“Bốn hay năm con gì đó”.

“Có to không ạ?”

“Chúng rất đẹp”.

Cha tôi là người duy nhất biết dùng từ “đẹp” trong ngôn ngữ hàng ngày, và tôi nghĩ mình đã tiếp thu thói quen đó khi quanh quẩn bên cạnh ông hồi nhỏ.

“Còn con, câu được mấy con?”

“Con cũng câu được đủ số con muốn”.

Cha tôi bỏ qua câu hỏi đủ số là mấy, nhưng ông hỏi tôi: “Chúng có to không?”. “Chúng rất đẹp” - Tôi trả lời rồi ngồi xuống cạnh ông.

“Cha đọc gì vậy?”

“Một quyển sách”

Quyển sách nằm trên mặt đất ở phía bên kia của ông. Vì thế tôi chẳng mất công nhìn qua đầu gối ông để xem nó. Cha tôi nói tiếp: “Một quyển sách hay”.

Sau đó ông bảo tôi: “Trong phần cha đang đọc, sách nói rằng Ngôi Lờ là khởi đầu của vạn vật, và đúng như vậy. Cha từng nghĩ rằng nước là khởi nguyên, nhưng nếu con lắng nghe, con sẽ thấy rằng lời nói nằm bên dưới con nước”.

“Đó là vì trước tiên, cha là một mục sư rồi mới là một người câu cá. Nếu cha hỏi Paul, nó sẽ nói với cha rằng lời nói được tạo ra từ con nước”.

“Không, con chưa lắng nghe kỹ. Con nước chảy trên những lời nói. Paul cũng sẽ nói với con như vậy. À, Paul đâu rồi?”

Tôi bảo ông rằng nó đã quay lại câu ở chỗ cái vũng đầu tiên một lần nữa. “Nhưng nó đã hứa sẽ về đây sớm” - Tôi nói cho ông yên tâm. “Nó sẽ về đây khi đã câu đủ số” - Cha tôi bổ sung. “Nó sẽ về đây sớm thôi” - Tôi lại trấn an ông, một phần là vì tôi đã có thể trông thấy em trai trong bóng râm ở sâu bên dưới.

Cha tôi trở lại với việc đọc và tôi cố kiểm nghiệm lại những gì chúng tôi đã nói với nhau bằng cách lắng nghe. Paul đang câu nhanh, kéo câu lúc ở chỗ này lúc ở chỗ kia và không bỏ phí thời gian khi lôi những con cá mắc mồi lên bờ. Khi nó ở ngay đối diện với chúng tôi, nó giơ hai ngón tay, mỗi bàn tay một ngón lên. Thấy thế, cha tôi bảo: “Nó còn thiếu hai con nữa mới đủ số”.

Tôi nhìn xem quyển sách đang mở ra ở phần nào và chỉ biết đủ tiếng Hy Lạp để nhận ra chữ *λόγος* nghĩa là Ngôi Lờ^[25]. Tôi đoán từ chữ đó và luận điểm mà tôi đang xem ở câu đầu tiên trong sách của John. Khi tôi đang xem, cha tôi báo cho biết: “Nó vừa dính một con”.

Thật khó tin, bởi vì nó đang câu ngay trước mặt chúng tôi ở phía

bên kia của cái vũng cha vừa câu. Cha tôi chậm rãi đứng dậy, tìm thấy một viên đá khá to và giữ ở sau lưng. Paul kéo con cá lên rồi lại lội ra câu con cá thứ hai mươi cũng là hạn mức của nó. Ngay khi nó đang quăng câu lần đầu thì cha tôi ném viên đá. Ông đã khá già nên ném một cách vụng về và sau đó phải xoa vai, nhưng viên đá đáp xuống sông ngay chỗ mỗi câu của Paul rơi xuống và hầu như cùng lúc, vì thế bạn có thể hiểu em tôi đã học cách ném đá xuống vùng nước của bạn câu khi nó không thể chịu nổi việc chứng kiến bạn câu của mình câu được nhiều cá hơn.

Paul chỉ giật mình một chút. Sau đó, nó phát hiện ra cha đứng trên bờ sông xoa vai, nó cười, dứ nắm đấm về phía ông, rồi trở lại bờ và đi xuôi dòng cho đến khi nó ra khỏi tầm ném đá. Từ chỗ đó, nó lội xuống nước và bắt đầu quăng câu trở lại, nhưng giờ nó đã đủ xa để chúng tôi không thể trông thấy dây câu hay vòng dây của nó. Paul là người có cây đũa thần điều khiển dòng sông, và dù bất cứ điều gì xảy ra, chúng tôi cũng phải đoán từ những gì người đó, cây đũa thần và dòng sông đã làm.

Khi Paul lội ra, cánh tay phải nở nang của nó vung trước sau. Mỗi vòng xoay của cánh tay lại làm ngực nó nở căng lên. Mỗi vòng xoay lại nhanh hơn, cao hơn và dài hơn, cho đến khi cánh tay trở nên ngang ngạnh và ngực nó đỡ lấy bầu trời. Trên bờ, mặc dù không thể thấy được dây câu nhưng chúng tôi chắc chắn rằng không trung phía trên đầu Paul đang rít lên những vòng dây không bao giờ chạm mặt nước, mà ngày càng rộng ra mỗi lần chúng bay qua và rít lên. Và chúng tôi biết nó đang nghĩ gì qua cái vẻ ngang tàng kéo dài cánh tay của nó. Paul sẽ không để cho mỗi giả của mình chạm mặt nước gần bờ, nơi cá nhỏ và cá tầm tầm ăn mỗi. Qua cánh tay và ngực của nó, chúng tôi biết toàn bộ cơ thể nó đang nói rằng: “Con cuối cùng không được là con cá nhỏ”. Mọi sức lực dồn vào cú quăng câu lớn vì một con cá lớn sau cùng.

Từ góc nhìn của chúng tôi ở độ cao trên bờ sông, cha tôi và tôi có

thể trông thấy cây đũa thần của nó sẽ để cho mỗi giả chạm mặt nước ở nơi phía xa. Ở giữa dòng sông là một tảng đá ngầm, chỉ có đỉnh của nó là lộ ra khỏi mặt nước và bên dưới là một ngôi nhà bằng đá. Nơi này đáp ứng tất cả các yêu cầu về chỗ trú ngụ cho những con cá to - dòng nước xiết mang thức ăn đến các cửa trước và cửa sau, cũng như chỗ nghỉ ngơi và bóng mát phía sau lưng chúng.

Cha tôi bảo: “Phải có một con cá cụ ở ngoài đó”.

“Cá nhỏ không thể sống ngoài đó” - Tôi nói.

“Con cá cụ sẽ không cho nó ở đó” - Cha tôi khẳng định.

Cha tôi có thể biết được qua độ nở của ngực Paul rằng nó sắp để cho vòng dây tiếp theo lao đi. Nó không thể nào rộng hơn được nữa. Ông nói: “Cha muốn câu ở ngoài đó, nhưng cha không thể quăng câu xa như vậy”.

Thân mình của Paul xoay như thể nó sắp đánh quả banh gôn bay ba trăm mét, và cánh tay của nó đưa cao tạo thành một vòng cung lớn còn đầu cây đũa thần của nó thì cong xuống như lò xo, rồi sau đó mọi thứ bật mạnh và rít lên.

Bất chợt, mọi thứ bất động. Người đàn ông bất động. Cây đũa thần không còn uốn cong, không còn quỳen nằng. Nó chĩa hướng mười giờ và hướng mười giờ nhắm về phía tảng đá. Trong một tích tắc, người đàn ông trông như một thầy giáo với que chỉ bảng minh họa một điều gì đó về đá cho đá nghe. Chỉ có dòng nước là chuyển động. Đâu đó trên đỉnh ngôi nhà đá, một con mỗi giả bị cuốn vào dòng nước quá xiết mà chỉ một con cá cụ mới có thể sống ở đó để trông thấy nó.

Sau đó vũ trụ được nạp năng lượng. Cây đũa thần nảy bật lên khi nó tiếp xúc với dòng điện màu nhiệm của thế giới. Cây đũa cố nhẩy ra khỏi bàn tay phải của người đàn ông. Bàn tay trái của

anh ta trông như đang điên cuồng từ biệt con cá, nhưng thật ra là đang cố thu đủ dây vào cần để giảm bớt hiệu điện thế và cú sốc khi điện giật.

Mọi thứ có vẻ như được nạp điện nhưng lại không gắn với điện. Những tia lửa điện lóe lên ở đây đó trên dòng sông. Một con cá nhảy quá xa phía hạ nguồn đến nỗi trông như nó ở ngoài tầm điện trường của người đàn ông, nhưng khi con cá nhảy, người đàn ông ngửa người kéo cần và chính lúc đó, con cá đổ vật xuống dòng nước mà không làm chủ được sự chuyển động rơi của mình. Mối liên hệ giữa sự chấn động và tia lửa điện trở nên rõ ràng hơn nhờ sự lặp lại. Khi người đàn ông ngửa người kéo cần và con cá rơi trở lại xuống nước không phải chỉ bằng sinh lực của chính mình thì cây đũa thần lại nạp thêm sự chấn động, bàn tay người đàn ông lại vẩy điên cuồng cho một lần đưa tiễn mới, và xa hơn nhiều ở bên dưới, một con cá lại nhảy lên. Do mối liên hệ đó mà con người cùng con cá trở thành một.

Con cá đã cố chạy trốn ba lần trước khi một màn diễn mới lại bắt đầu. Mặc dù màn diễn bao gồm một người có tầm cỡ và một con cá to, song, trông nó vẫn giống trò chơi của trẻ con hơn. Bàn tay trái của người đàn ông bắt đầu lén thu dây trở lại, và sau đó như thể bị bắt quả tang, thu toàn bộ dây vào cần khi con cá hiểu ra và bắt đầu thêm một lần trốn chạy nữa.

“Nó sẽ tóm được con cá” - Tôi khẳng định với cha mình.

“Hiển nhiên rồi” - Cha tôi nói. Dây câu còn ở bên ngoài trở nên ngắn hơn phần bàn tay trái kéo vào.

Khi Paul nhìn xuống nước phía sau mình, chúng tôi biết nó định bắt đầu lôi con cá vào bờ và không muốn lúi trúng một cái hố hay tảng đá. Chúng tôi có thể nói rằng nó đã kéo con cá vào vùng nước nông, bởi vì nó nâng cái cần ngày càng cao để giữ con cá không va vào bất cứ thứ gì dưới đáy. Ngay khi chúng tôi nghĩ

rằng màn trình diễn đã chấm dứt, thì cây đuă giạt nảy và người đàn ông đánh xuống nước, vào một sức mạnh vô hình nào đó đang phóng ra vùng nước sâu.

“Con cá chó đẻ vẫn kháng cự” - Tôi nghĩ là mình nói thầm, nhưng không thể lẩm lẩn tôi đã nói ra miệng, và bối rối vì đã nói to ngay trước mặt cha tôi.

Ông không nói gì.

Thêm hai, ba lần nữa Paul lôi con cá gần hơn vào bờ, nó lại quẫy và quay trở lại chỗ nước sâu, nhưng ngay cả từ khoảng cách đó, cha tôi và tôi vẫn có thể cảm thấy sự đuối sức dần của sức mạnh dưới nước kia. Chiếc cần phát cao lên không trung, và người đàn ông lùi nhanh nhưng bình tĩnh về phía sau, đó là những cử động mà khi dịch ra thành sự kiện thì có nghĩa là con cá đã cố kháng cự một lúc trên mặt nước và người đàn ông đã nhanh chóng nâng cái cần lên cao rồi lôi nó lên bờ trước khi con cá nghĩ đến việc lặn xuống nước một lần nữa. Paul lôi con cá qua những tảng đá trở lại một doi cát trước khi con cá bị ngạt ngáp ngáp và phát hiện ra mình không thể sống trên cạn. Trong cơn tuyệt vọng muộn màng, con cá trỗi dậy trên cát và dùng phần đời ngắn ngủi còn lại để nhảy Vũ điệu của Thần chết trên đuôi của mình.

Người đàn ông bỏ cây đuă xuống, quỳ chống tay trên nền cát, và giống như một con thú, anh ta vờn quanh một con thú khác, chờ đợi. Sau đó, bờ vai đẩy thẳng ra, em tôi đứng dậy, quay về phía chúng tôi, cánh tay giơ lên tự tuyên bố mình là người chiến thắng. Một cái gì đó khổng lồ lủng lẳng dưới nắm tay của nó. Nếu những người La Mã nhìn thấy cảnh này, họ hẳn sẽ nghĩ rằng vật đang đung đưa có đội mũ giáp.

“Thế là nó đã kiếm đủ số” - Tôi nói với cha mình.

“Trông nó thật đẹp” - Cha tôi nhận xét, mặc dù em tôi vừa hoàn thành chỉ tiêu của nó ở cái vũng mà cha tôi đã câu trước đó.

Đây là con cá cuối cùng mà chúng tôi thấy Paul câu được. Sau này, cha tôi và tôi còn nói về khoảnh khắc này vài lần, và dù chúng tôi có cảm giác nào khác đi chăng nữa, chúng tôi vẫn luôn cảm thấy rằng nói về điều này là phù hợp: khi chúng tôi chứng kiến Paul câu con cá cuối cùng của mình, chúng tôi không hề trông thấy con cá mà chỉ trông thấy nghệ thuật của người câu.

Trong khi cha tôi đang quan sát Paul, ông cũng vươn sang để vỗ vai tôi, nhưng ông vỗ trượt, vì thế ông phải quay nhìn và tìm đầu gối của tôi để cố lại lần nữa. Ông hẳn phải nghĩ là tôi cảm thấy bị bỏ quên và cảm thấy nên bảo tôi rằng ông cũng tự hào về tôi nhưng vì những lý do khác.

Nước hơi sâu và chảy xiết ở chỗ Paul đang cố lội sang sông, và nó biết như vậy. Nó cúi mình trên mặt nước, hai cánh tay xoãi rộng để giữ thăng bằng. Nếu bạn từng lội sông lớn, có thể bạn đã cảm nhận từ khoảng cách xa như vậy rằng sức mạnh của dòng nước làm cho chân bị yếu đi, chùng xuống và chực chới với dưới thân người. Em tôi nhìn xuôi dòng để ước lượng khoảng cách đến một chỗ dễ lội hơn.

Cha tôi bảo: “Nó sẽ chẳng rước lấy rắc rối bằng cách đi xuôi xuống dưới. Nó sẽ bơi sang sông”. Cùng lúc, Paul cũng nghĩ như vậy nên bỏ mấy liều thuốc và hộp diêm vào dưới mũ.

Cha tôi và tôi ngồi trên bờ sông, nhìn nhau cười. Hai chúng tôi không ai có ý nghĩ phải vội vã đi lên bờ sông, vì có thể Paul cần giúp đỡ khi tay phải thì cầm cần câu, vai trái thì đeo cái giỏ chứa đầy cá. Trong gia đình tôi, việc một người câu cá bơi qua sông với bao diêm để trên đầu không có gì to tát. Chúng tôi cười nhạo nhau vì anh ta sẽ ổn nhưng ướt sũng, và chúng tôi sống trong hình ảnh của anh ta, bị quét qua những tảng đá cùng anh ta và giờ cao cái cần câu của anh ta trên tay chúng tôi.

Khi Paul lội lên bờ, nó gượng đứng thẳng dậy và sau đó ngã quy,

và khi nó đứng lên lại, nước từ người nó lại tuôn xuống nhiều hơn và nó đi xiêu vẹo lên bờ. Em tôi không dừng lại để rửa nước. Nó leo lên bờ sông, trút xuống những giọt nước và hình ảnh của chính mình, để lộ một thứ thò ra khỏi cái giỏ của nó, và nhỏ nước lên khắp người chúng tôi, giống như một con chó săn vịt còn non vì quá vui mừng nên quên rửa nước trước khi xán lại gần người.

“Chúng ta hãy bày tất cả cá lên trên cỏ và chụp một bức ảnh”- Paul nói. Thế là chúng tôi vét giỏ và sắp xếp chúng theo kích cỡ rồi thay phiên chụp ảnh nhau, thán phục cá và ngưỡng mộ chính mình. Các tấm hình khi rửa ra lại giống hầu hết các ảnh không chuyên chụp “chiến lợi phẩm” sau buổi câu - mấy con cá bị trắng vì dư sáng và trông không to như thật, còn những người câu cá thì trông ngượng ngùng như thể tay dẫn đường nào đó đã câu giùm họ.

Tuy nhiên, có một hình ảnh cận cảnh mà đến ngày hôm nay vẫn còn mãi trong tâm trí tôi, như thể đang hiện ra sau khi được tráng qua thuốc rửa ảnh. Thông thường, ngay sau khi câu xong, Paul ít khi nói, trừ phi thấy rằng lẽ ra đã câu được nhiều hơn. Nó thường chỉ cười. Giờ đây, những con mồi giả nhả nhót quanh dải mũ của em tôi. Những giọt nước lớn chảy từ mũ xuống mặt rồi xuống môi khi nó cười.

Đến tận hôm nay, tôi vẫn nhớ đến Paul vừa như một hình ảnh trừu tượng xa xôi về nghệ thuật câu cá, vừa như một bức ảnh cận cảnh về dòng nước và nụ cười.

Cha tôi luôn cảm thấy xấu hổ khi buộc phải khen ngợi một thành viên trong gia đình, và gia đình của ông luôn cảm thấy xấu hổ khi được ông khen. Cha tôi bảo: “Con là một người câu cá giỏi”.

Em tôi đáp lại: “Con khá giỏi trong việc dùng cần câu, nhưng con cần thêm ba năm nữa để nghĩ được như một con cá”.

Hãy nhớ rằng Paul đã câu được đủ số của mình bằng cách

chuyển sang mỗi Bờm vàng số 2 có cánh bằng lông vũ của George, tôi nói mà không biết mình đã nói nhiều thế nào: “Em đã nghĩ được như một con bọ đá chết”.

Chúng tôi ngồi trên bờ và dòng sông trôi xuôi. Như mọi khi, em tôi đang nói một mình, và giờ nó nói cho chúng tôi nghe. Thật khó mà biết được trong ba người đàn ông ngồi cạnh nhau này, ai hiểu rõ hơn một dòng sông đang nói gì.

Viên dọc theo sông Blackfoot Lớn phía trên cửa nhánh sông Belmont là những rừng thông Ponderosa lớn. Trong ánh nắng xiên khoai buổi chiều muộn, bóng những cành cây to đổ ngang qua sông, và những cây thông ôm trọn dòng sông trong vòng tay của mình. Những bóng cây đổ dài lên bờ sông, cho đến khi chúng trùm lên chúng tôi.

Tuy nhiên, con sông có quá nhiều thứ để nói đến nỗi khó mà biết được nó nói gì với mỗi người chúng tôi. Khi chúng tôi xếp đồ câu và cá lên xe, Paul lặp lại: “Hãy cho con thêm ba năm”. Vào lúc đó, tôi ngạc nhiên vì lời lặp lại, nhưng sau này tôi nhận ra rằng dòng sông, ở đâu đó, vào một lúc nào đó, hẳn cũng đã bảo với tôi rằng nó sẽ không được ban cho khả năng đó. Bởi vì khi viên trung sĩ cảnh sát đánh thức tôi dậy trước khi trời sáng vào đầu tháng Năm năm sau, tôi đã nhỏm dậy và không hỏi câu nào. Tôi cùng anh ta lái xe vượt qua Phân tuyến lục địa và dọc suốt chiều dài của sông Blackfoot Lớn, qua những thảm rừng vàng rực và đôi khi trắng tinh của hoa loa kèn tuyết để báo tin cho cha mẹ tôi rằng em tôi đã bị đánh đến chết bằng báng súng ru-lô rồi bị vút xác trong một ngõ hẻm.

Mẹ tôi quay người và đi lên phòng ngủ của bà trong ngôi nhà đầy đàn ông, cần câu và súng trường, nơi bà đã từng đối mặt với hầu hết các khó khăn lớn một mình. Bà không bao giờ hỏi tôi một câu hỏi nào về người đàn ông mà bà yêu thương nhất nhưng lại hiểu về người ấy ít nhất. Có lẽ bà biết đủ để hiểu rằng đối với bà, chỉ

cần như vậy cũng quá đủ để yêu thương nó. Nó có lẽ là người đàn ông duy nhất trên thế gian này đã ôm bà trong vòng tay rồi ngả người ra sau và cười.

Khi tôi nói xong với cha tôi, ông hỏi: “Con còn gì để kể cho cha nghe nữa không?”

Cuối cùng, tôi nói tiếp: “Hầu như tất cả xương bàn tay nó đều bị gãy”.

Cha tôi hầu như đã ra đến cửa rồi nhưng sau đó quay người lại để hỏi cho chắc chắn: “Con có chắc rằng xương bàn tay nó bị gãy không?”. Tôi lặp lại: “Gần như tất cả xương bàn tay nó đều bị gãy”. “Bàn tay nào?” - Cha tôi hỏi. “Bàn tay phải” - Tôi trả lời.

Sau cái chết của em tôi, cha tôi không bao giờ đi vững được nữa. Ông phải vật lộn để nhấc bàn chân mình lên, và khi ông nhấc được bàn chân lên, chúng lại rơi xuống, ngoài tầm kiểm soát. Đôi khi tôi lại phải xác nhận lại với ông về cánh tay phải của Paul; rồi cha tôi lại lê bước đi. Ông không thể lê bước thành một đường thẳng khi cố nhấc bàn chân lên. Giống như nhiều mục sư Scotland trước ông, cha tôi đã phải cố tìm niềm an ủi từ sự thật là con trai ông đã chết khi đánh nhau.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng ông lại đấu tranh tìm thêm thông tin để mà bầu víu vào đấy. “Con có chắc là con đã kể cho cha nghe mọi điều về cái chết của nó không?”

“Tất cả mọi thứ cha ạ”.

“Như thế là không nhiều phải không?”

“Không nhiều lắm, nhưng cha có thể yêu thương trọn vẹn mà không cần hiểu trọn vẹn kia mà”.

“Cha biết và cha vẫn thường thuyết giảng về điều này”.

Một lần, cha tôi trở lại với một câu hỏi khác: “Con có nghĩ là lẽ ra, cha đã có thể giúp nó?”. Ngay cả nếu tôi có thời gian để suy nghĩ lâu hơn thì tôi cũng vẫn sẽ trả lời: “Cha có nghĩ là lẽ ra, con đã có thể giúp nó?”. Chúng tôi đứng chờ để chiều theo ý nhau. Làm sao có thể trả lời một câu hỏi bằng cách hỏi những câu hỏi của cả một đời người?

Sau một thời gian dài, cha tôi hỏi một câu mà ông hẳn đã muốn hỏi từ đầu: “Con có nghĩ đó chỉ là một vụ cướp và nó đã ngốc nghếch khi cố gắng thoát ra ngoài? Con biết cha muốn nói gì - rằng nó không liên quan đến bất cứ điều gì trong quá khứ của nó”.

“Cảnh sát không biết”.

“Nhưng con có biết không?”- Cha tôi hỏi, và tôi cảm nhận được ẩn ý của ông.

“Con đã nói là con đã kể cho cha tất cả những gì con biết rồi. Nếu cha cứ gặng hỏi con mãi, thì đây là tất cả những gì con biết: nó là một người câu cá cừ khôi”.

“Con biết nhiều hơn thế. Nó thật đẹp”.

“Đúng vậy, nó thật đẹp. Lẽ ra nó nên như vậy - cha đã dạy cho nó mà”.

Cha tôi nhìn tôi một lúc lâu - ông chỉ nhìn tôi. Đó là lần cuối cùng ông và tôi còn nói với nhau về cái chết của Paul.

Tuy nhiên, em tôi vẫn gián tiếp tồn tại trong nhiều cuộc nói chuyện của chúng tôi. Ví dụ, một lần kia, cha tôi hỏi tôi một loạt câu hỏi mà đột nhiên làm tôi tự hỏi không biết mình có hiểu ngay cả người cha mà mình cảm thấy gần gũi hơn bất cứ người đàn ông nào mà mình biết không. “Con thích kể những câu

chuyện thực, đúng không?”, ông hỏi, và tôi trả lời: “Đúng ạ, con thích kể những câu chuyện thực”.

Sau đó ông hỏi tiếp: “Sau khi con đã kể xong những câu chuyện thực, sao con không hư cấu ra một câu chuyện và những nhân vật trong đó? Chỉ đến lúc đó con mới hiểu điều gì đã xảy ra và tại sao nó lại xảy ra. Đó là những gì chúng ta sống cùng và yêu thương nên biết ai trốn tránh chúng ta”.

Giờ đây, gần như tất cả những người tôi yêu thương và không hiểu khi tôi còn nhỏ đều không còn, nhưng tôi vẫn vươn tay níu giữ lấy họ.

Tất nhiên, giờ đây tôi đã quá già nên không thể đi câu nhiều, và giờ đây, tất nhiên tôi thường câu ở những dòng sông lớn một mình, mặc dù vài người bạn nghĩ rằng tôi không nên làm như vậy. Cũng như nhiều người câu cá mỗi giả ở Tây Montana, nơi những ngày hè hầu hết là rét mướt suốt ngày, tôi thường không bắt đầu câu cho đến khi trời mát xuống vào buổi chiều tối. Sau đó, trong ánh sáng Bắc cực nhạt nhòa của hẻm núi, tất cả thực tại mờ ảo đi hòa với tâm hồn và những kỷ niệm của tôi, những âm thanh của dòng Blackfoof Lớn, nhịp bốn, và hy vọng rằng một con cá sẽ ngoi lên.

Cuối cùng, tất cả mọi thứ hòa làm một, và một dòng sông chảy qua đó. Dòng sông được tạo ra bởi cơn lụt lớn nhất thế giới và chảy qua những tảng đá từ tầng đáy của thời gian. Trên một vài tảng đá còn lưu lại những giọt mưa vượt thời gian. Bên dưới các tảng đá là những lời nói, và một số trong số những lời nói đó là về chúng.

Tôi bị ám bởi những con nước.

BÊN LỀ TÁC PHẨM

Quyển sách bạn đang cầm trên tay là nguồn cảm hứng của bộ phim *A river runs through it* (1992) - tựa phim tiếng Việt là *Dòng sông chảy mãi* - với các ngôi sao Craig Sheffer, Brad Pitt và Tom Skerritt.

Bộ phim đã đạt được các giải thưởng:

- Giải Oscar dành cho hạng mục Quay phim xuất sắc nhất (1993)
- Giải USC Scriptor Award - Giải kịch bản phim chuyển thể từ nguyên tác xuất sắc nhất (1993)
- Giải Young Artist Award - Giải nghệ sĩ trẻ tuổi xuất sắc nhất (1993)
- Giải Readers' Choice Award dành cho hạng mục Phim nước ngoài xuất sắc nhất (1994)

DELUXE EDITION

COLUMBIA PICTURES PRESENTS A FILM BY ROBERT REDFORD

A RIVER RUNS THROUGH IT

CRAIG
SHEFFER

BRAD
PITT

TOM
SKERRITT



HẾT

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tủ sách BOOKBT  #306

02/09/2017

CHÚ THÍCH

[1] Đây là lời cảm ơn được tác giả viết cho tuyển tập *Nơi dòng sông chảy qua*, gồm truyện dài: “*Nơi dòng sông chảy qua*” và hai truyện khác: “*Đốn gỗ và dặt gái*” và “*Kiểm lâm Hoa Kỳ 1919: Tay kiểm lâm, gã đầu bếp và lỗ hổng trên trời*”. Chúng tôi chỉ chọn dịch một truyện là *Nơi dòng sông chảy qua* (ND).

[2] Trong suốt thế kỷ 16, phong trào Cải cách do John Calvin và Martin Luther lãnh đạo nhằm ly khai khỏi giáo hội Công giáo La Mã phát triển tại châu Âu. Tại Scotland, những người Cải cách đã lập ra giáo hội riêng vào năm 1560, nhưng giáo hội bị chia rẽ thành phái Trưởng lão (Presbyterian) và phái Tân giáo (Episcopalian). Phái Trưởng lão chủ trương giáo hội không chịu sự kiểm soát của nhà nước và không có giám mục. Một thế kỷ xung đột tôn giáo chỉ được kết thúc vào năm 1689, khi Nghị viện Scotland và tòa án quyết định Giáo hội sẽ theo dòng Trưởng lão. Những người Scotland di cư sang Bắc Mỹ mang theo những bản sắc tôn giáo, cũng như những tàn dư xung đột tôn giáo này (*tất cả các chú thích trong sách là của người dịch*).

[3] Dry fly - mồi giả được thả cho nổi trên mặt nước, khác với phương pháp câu cá bằng mồi chìm (sinking fly).

[\[4\]](#) The Westminster Shorter Catechism.

[5] Túc góc 30 độ và 150 độ.

[6] Bay of Tonkin - xét bối cảnh câu chuyện thì lúc đó nước ta đang dưới thời Pháp thuộc.

[7] Câu cá mồi giả không dùng chì để tạo độ nặng khi quăng câu mà dùng bản thân trọng lượng của sợi dây câu. Vì vậy sợi dây câu (line) khá lớn và thường làm bằng dây bện, nối với sợi dây câu là đoạn cước trong và mảnh (leader) để cá không nhìn thấy, dưới cùng là mồi giả bện vào lưỡi câu được làm phồng theo hình dạng các loại côn trùng (fly).

[\[8\]](#) Episcoplian - xem chú thích trang XX.

[9] Một thể thức phổ biến của bài xì phé (poker) - một lối chơi bài với nhiều người chơi, mỗi người năm lá bài. Những người chơi sẽ tố vào (pot), mục tiêu là kiếm được nhiều điểm hơn mà không để cho các người chơi khác biết được bài mình. Trong stud poker, những người chơi không đổi bài cho nhau.

[\[10\]](#) Việc câu cá đòi hỏi phải có những phẩm chất về sức khỏe và tính cách, đây là những điều mà Neal không có.

[11] Ở đây là Phân tuyến lục địa châu Mỹ (The Continental Divide of Americas), đường chia nước phân cách lưu vực Thái Bình Dương với lưu vực Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương. Đường này kéo dài từ bán đảo Seward ở Alaska, qua Tây Canada, dọc theo các đỉnh của dãy Rocky xuống New Mexico. Từ đó, nó chạy qua đỉnh của dãy Sierra Madre Occidental ở Mexico xuống đến tận cực nam của Nam Mỹ. Nó bị kênh đào Panama cắt ngang.

[\[12\]](#) Một trong hai thành phố lớn nhất bang Montana.

[13] Ở đây tác giả ví những người California như người Moor ở Bắc Phi từng tràn lên chinh phục và cai trị bán đảo Iberia trong vòng gần 800 năm, từ năm 711 đến năm 1212.

[14] Snowshoe rabbit, còn được gọi là thỏ đổi màu hay thỏ giày tuyết, là loài thỏ rừng sống ở Bắc Mỹ. Nó được gọi là “giày tuyết” vì bàn chân sau to giúp nó không bị lún xuống tuyết khi nhảy và đi. Lòng bàn chân có lông để giữ ấm. Để ngụy trang, thỏ có màu nâu đất và chuyển thành trắng vào mùa đông.

[15] Cuộc thám hiểm từ năm 1803 đến năm 1806 do Meriwether Lewis và William Clark dẫn đầu, là cuộc thám hiểm trên bộ đầu tiên của người Mỹ đến duyên hải Thái Bình Dương và ngược lại. Ngày 3 tháng 7, sau khi vượt qua Phân tuyến lục địa, đoàn thám hiểm chia thành hai nhóm để Lewis có thể thám hiểm sông Marias. Hai nhóm gặp lại nhau tại hợp lưu của sông Yellowstone và sông Missouri vào ngày 11 tháng 8.

[\[16\]](#) Roll cast.

[\[17\]](#) Từ cảm thán thể hiện sự vui sướng.

[18] Đây là một phương pháp kiểm tra độ say rượu, đối tượng được yêu cầu đi theo một đường thẳng kẻ trên đường hay sàn nhà xem có giữ được thăng bằng hay không.

[\[19\]](#) Cách gọi người da trắng của người da đỏ Bắc Mỹ.

[20] Squaw fish - loài cá nước ngọt Bắc Mỹ, lớn nhất trong họ cá chép, có thể dài hơn 60cm.

[21] Sucker - một loài cá nước ngọt thường nhỏ hơn 60cm, thuộc họ Catostomidae, hình dáng giống cá trắm. Cần phân biệt với sucker fish là một loại cá biển nhỏ có giác hút, thường bám trên lưng cá mập.

[22] Tác giả nhắc đến tích Moses nằm trong nôi cỏ nện trong Kinh Thánh. Pharaoh lo ngại về số lượng ngày càng tăng của người Do Thái trên đất Ai Cập nên đã ra lệnh giết chết tất cả các bé trai Do Thái. Một bà mẹ đã bảo vệ con mình bằng cách đặt con trai vào một cái giỏ làm bằng cỏ nện và thả xuống dòng sông. Khi nhìn thấy đứa trẻ, công chúa Ai Cập đã quyết định giữ lại nuôi. Sau đó người mẹ tìm cách làm vú nuôi. Công chúa đặt tên cho cậu bé là Moses. Moses sau này trở thành tông đồ của Chúa Jesus, người dẫn dắt dân Do Thái đến miền đất hứa.

[23] Stonefly: một loại côn trùng thuộc bộ cánh cụp (plecoptera), hình dạng giống con tò vò.

[\[24\]](#) Double diamond hitch - còn gọi là nút bện đầu dây.

[\[25\]](#) Trong Kinh Thánh: “Ngôi Lời” nghĩa là Chúa với ý nghĩa Chúa không thể hiện qua hình hài, mà qua những lời nói (điều răn).

